

Alumni-Workshop /
Hội thảo dành cho cựu sinh viên:

**Die Verfassungsreform aus der Perspektive der
Rechtswissenschaft - eine Alumni-Debatte**

**Cải cách hiến pháp nhìn từ góc độ khoa học pháp lý –
thảo luận giữa các cựu sinh viên**

Hà Nội, 11/05/2013

Workshop-Webseite: www.thomas-schmitz-hanoi.vn/Events/Workshop_Verfassungsreform.htm 

Hội thảo website: www.thomas-schmitz-hanoi.vn/Events/Hoi-Thao_cai-cach-Hien-Phap.htm 

Veranstalter: DAAD-Außenstelle Hanoi, DAAD-Langzeitdozent Prof. Dr. Thomas Schmitz

Ban tổ chức: Văn phòng Đại diện DAAD Hà Nội, Giảng viên luật dài hạn của DAAD GS. TS. Thomas Schmitz
(tschmit1@gwdg.de)

Table of Contents / Mục lục:

Thema	5
Chủ đề	7
Programm	9
Chương trình	10
Wichtige Inhalte in dem Entwurf der Änderung der Verfassung Vietnams von 1992.....	11
Một số nội dung quan trọng trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992	15
<i>Assoz. Prof. Dr. Nguyễn Như Phát</i>	
Der Verfassungsrat - eine neue Institution im Entwurf der Verfassungsänderung /	17
Hội đồng Hiến pháp – một thiết chế mới trong dự thảo Hiến pháp sửa đổi 1992	
<i>Assoz. Prof. Dr. Trần Hữu Tráng</i>	
The provisions on local government and the Constitutional Council according to the 1992 Constitution revision draft.....	27
Các quy định về chính quyền địa phương và Hội đồng hiến pháp theo dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992	33
<i>Dr. Phan Thị Lan Hương</i>	
Die Gewaltenteilung im deutschen Grundgesetz - ein Vorbild für Vietnam.....	39
Phân quyền trong luật cơ bản cộng hòa liên bang Đức - bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam	79
<i>Dr. Nguyễn Minh Tuấn</i>	
Menschenrechte und Bodenrecht im Entwurf der Verfassungsänderung.....	83
Quyền con người và luật đất đai trong dự thảo Hiến pháp sửa đổi 1992	87
<i>Trần Văn Vinh</i>	
Fragen der Eigentumsverhältnisse im Entwurf der Verfassungsänderung.....	91
Tham luận: Về quan hệ sở hữu trong Dự thảo hiến pháp sửa đổi	93
<i>Lê Thị Lợi</i>	
Anmerkungen zum Entwurf der Verfassungsänderung aus der Perspektive der europäischen Verfassungstheorie	97
<i>Prof. Dr. Thomas Schmitz</i>	
Zur Verfassungsreform in Thailand	101
<i>Henning Glaser,</i>	

Alumni-Workshop:

Die Verfassungsreform aus der Perspektive der Rechtswissenschaft - eine Alumni-Debatte

Die moderne Verfassungstheorie stellt an eine Verfassung hohe Anforderungen. Diese muss als *rechtliche Grundordnung des Staates* die politischen Grundentscheidungen enthalten, ein gut funktionierendes System sorgfältig aufeinander abgestimmter Staatsorgane schaffen, die Verantwortung im Staat klar und sinnvoll verteilen, die Rechte des Bürgers umfassend gewährleisten und effektiv sichern und schließlich die Entwicklung des Staates verlässlich in bestimmte aber nicht zu enge Bahnen lenken. Dabei muss sie sich als *Rahmenordnung* auf wichtige Entscheidungen und abstrakte Vorgaben beschränken und Raum für eine dynamische, den aktuellen Umständen und Möglichkeiten angepasste Entwicklung lassen. Erst die richtige Kombination von *Rigidität* (in den Grundentscheidungen) und *Flexibilität* (im politischen Alltag) ermöglicht die *Stabilität* des Staates, in der sich die *Nachhaltigkeit* einer erfolgreichen Verfassung manifestiert. Die weltweite Verfassungsgeschichte ist voll von Beispielen sowohl für die Bewältigung als auch für ein Scheitern an dieser Herausforderung.

21 Jahre nach dem Erlass der Verfassung von 1992 versucht Vietnam, der Herausforderung durch eine umfassende Modernisierung seiner Verfassung gerecht zu werden. Diese soll bessere Grundlagen schaffen für eine stabile und nachhaltige, rechts- und verfassungsstaatliche Entwicklung. Anfang Januar 2013 legte eine Verfassungskommission einen Entwurf für eine Änderung der Verfassung von 1992 (Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992) vor. Dieser steht seitdem im Mittelpunkt einer *breiten öffentlichen Verfassungsdiskussion*, die trotz einiger formaler inhaltlicher Einschränkungen in ihrer Dimension (auch nach westlichen Maßstäben) etwas Besonderes ist. Der Workshop am 11.05.2013 will zu dieser Diskussion aus der Perspektive der Rechtswissenschaft beitragen. Dabei wird es nicht nur um die Ziele der neuen Regelungen sondern auch um ihre konkrete Ausgestaltung, praktische Anwendbarkeit und Absicherung gehen. Es kommen nicht nur Vertreter des Verfassungsrechts sondern auch der anderen Rechtsgebiete zu Wort. Wir freuen uns auf eine lebendige Alumni-Debatte!

Der Workshop ist Teil des Alumni-Treffens "Impressive results - sustainable future. 10 years DAAD office in Hanoi" (10.-11.05.2013).

Einführung

Prof. Dr. Thomas Schmitz, Zentrum für deutsches Recht, Rechtshochschule Hanoi

Wichtige Inhalte in dem Entwurf der Änderung der Verfassung Vietnams von 1992

Assoz. Prof. Dr. Nguyễn Như Phát, Institut für Staat und Recht, Vietnam Academy of Social Sciences

Der Verfassungsrat - eine neue Institution im Entwurf der Verfassungsänderung

Assoz. Prof. Dr. Trần Hữu Tráng, Hanoi Open University

The provisions on local government and the Constitutional Council according to the 1992 Constitution revision draft

Dr. Phan Thị Lan Hương, Rechtshochschule Hanoi

Die Gewaltenteilung im deutschen Grundgesetz - ein Vorbild für Vietnam

Dr. Nguyễn Minh Tuấn, Juristische Fakultät, Vietnamesische Nationaluniversität, Hanoi

Menschenrechte und Bodenrecht im Entwurf der Verfassungsänderung

Trần Văn Vinh, freier Übersetzer, Dolmetscher und Reiseleiter

Fragen der Eigentumsverhältnisse im Entwurf der Verfassungsänderung

Lê Thị Lợi, Zentrum für deutsches Recht, Rechtshochschule Hanoi

Anmerkungen zum Entwurf der Verfassungsänderung aus der Perspektive der europäischen Verfassungstheorie

Prof. Dr. Thomas Schmitz

Zur Verfassungsreform in Thailand

Henning Glaser, DAAD-Fachlektor für Rechtswissenschaften, German-Southeast Asian Center of Excellence for Public Policy and Good Governance, Thammasat-Universität Bangkok

Abschlussdiskussion

Mit Simultanübersetzung Vietnamesisch-Deutsch und Deutsch-Vietnamesisch. Alle Alumni sind herzlich eingeladen!

Samstag, 11.05.2013, 10.30 - 15.00 Uhr (Mittagessen 12.00 - 13.30 Uhr)

Technische Universität Hanoi, 1 Đại Cồ Việt, Tạ Quang Bửu-Bibliothek, 10. Etage

Weitere Informationen unter www.Thomas-Schmitz-Hanoi.vn oder per E-mail (tschmit1@gwdg.de).

Veranstalter: DAAD-Außenstelle Hanoi, DAAD-Langzeitdozent Prof. Dr. Thomas Schmitz

Hội thảo dành cho cựu sinh viên:

Cải cách hiến pháp nhìn từ góc độ khoa học pháp lý – thảo luận giữa các cựu sinh viên

Lý thuyết hiến pháp hiện đại đặt ra những đòi hỏi cao đối với một bản hiến pháp. Với tính chất là *thể chế pháp lý cơ bản của Nhà nước*, Hiến pháp phải chứa đựng những quyết định chính trị cơ bản, tạo lập một hệ thống vận hành tốt gồm các cơ quan nhà nước được thiết kế đồng bộ với nhau một cách kỹ lưỡng, phân công trách nhiệm trong nhà nước một cách rõ ràng và hợp lý, đảm bảo các quyền của công dân một cách tổng thể và hiệu quả và sau nữa là định hướng phát triển nhà nước một cách chắc chắn theo những đường đi nhất định nhưng không được bó hẹp quá. Ở đây, với tính chất là *thể chế khung*, nó phải giới hạn trong phạm vi những quyết định quan trọng và những tiêu chí chung và dành chỗ cho sự phát triển năng động, được điều chỉnh theo hoàn cảnh và điều kiện thực tế. Chỉ có kết hợp đúng đắn giữa *tính cứng nhắc* (trong các quyết định cơ bản) và *tính linh hoạt* (trong hoạt động chính trị thường nhật) mới tạo được *tính ổn định* của nhà nước, điều thể hiện *tính bền vững* của một bản hiến pháp thành công. Lịch sử hình thành hiến pháp trên thế giới chứa đựng rất nhiều ví dụ về việc giải quyết được cũng như bị thất bại bởi thách thức này.

21 năm sau khi ban hành Hiến pháp năm 1992, Việt Nam tìm cách đáp ứng được đòi hỏi này thông qua việc sửa đổi một cách khá tổng thể bản hiến pháp của mình. Bản hiến pháp sửa đổi sẽ tạo ra nền tảng tốt hơn cho sự phát triển ổn định và bền vững, mang tính nhà nước pháp quyền và nhà nước hiến định. Đầu năm 2013, Ủy ban sửa đổi hiến pháp đã đưa ra một bản dự thảo (Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992). Từ đó đến nay, dự thảo này là tâm điểm của một cuộc *thảo luận công khai rộng rãi về hiến pháp*; mặc dù có một số hạn chế nội dung mang tính hình thức thì cuộc thảo luận này mang tính chất đặc biệt bởi quy mô của nó (kể cả xét theo các tiêu thức của phương Tây). Hội thảo ngày 11-05-2013 sẽ là một đóng góp vào cuộc thảo luận này từ góc độ khoa học pháp lý. Ở đây không chỉ bàn đến các mục tiêu của các chế định mới mà cả cách thiết kế cụ thể các chế định đó, khả năng áp dụng thực tế và việc đảm bảo hiệu lực. Không chỉ có các đại diện của ngành luật hiến pháp mà cả đại diện của các lĩnh vực pháp luật khác sẽ trình bày. Chúng tôi trông đợi một cuộc thảo luận sôi nổi giữa các cựu sinh viên!

Hội thảo này là một phần trong chương trình Hội nghị các cựu sinh viên với tiêu đề "Các kết quả đầy ấn tượng – tương lai bền vững. Kỷ niệm 10 năm Văn phòng DAAD tại Hà Nội" (10 đến 11-5-2013).

Báo cáo dẫn nhập

GS. TS. Thomas Schmitz, Trung tâm Pháp luật Đức, Trường Đại học Luật Hà Nội

Một số nội dung quan trọng trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992

PGS. TS. Nguyễn Như Phát, Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Hội đồng Hiến pháp – một thiết chế mới trong dự thảo Hiến pháp sửa đổi 1992

PGS. TS. Trần Hữu Tráng, Viện Đại học Mở Hà Nội

Các quy định về chính quyền địa phương và Hội đồng hiến pháp theo dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992

TS. Phan Thị Lan Hương, Trường Đại học Luật Hà Nội

Phân quyền trong luật cơ bản cộng hòa liên bang Đức - bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

TS. Nguyễn Minh Tuấn, Khoa Luật, Đại học Quốc gia, Hà Nội

Quyền con người và luật đất đai trong dự thảo Hiến pháp sửa đổi 1992

Trần Văn Vinh, lao động tự do, là dịch giả, phiên dịch, hướng dẫn viên du lịch

Tham luận: Về quan hệ sở hữu trong Dự thảo hiến pháp sửa đổi

Lê Thị Lợi, Trung tâm Pháp luật Đức, Trường Đại học Luật Hà Nội

Một số ý kiến về dự thảo sửa đổi Hiến pháp nhìn từ góc độ học thuyết về hiến pháp của châu Âu

GS. TS. Thomas Schmitz

Về cải cách hiến pháp ở Thái Lan

Henning Glaser, giảng viên chuyên ngành của DAAD về khoa học luật, German-Southeast Asian Center of Excellence for Public Policy and Good Governance, Đại học Tổng hợp Thammasat Bangkok

Thảo luận kết thúc

Tại hội thảo có phiên dịch cabin Việt-Đức và Đức-Việt. Trân trọng mời tất cả các cựu sinh viên!

Thời gian: **10:30 đến 15:00 Thứ bảy ngày 11 tháng 5 năm 2013** (nghỉ ăn trưa 12:00 - 13.30)

Địa điểm: **Trường Đại học Bách khoa Hà Nội**, 1 Đại Cồ Việt, Thư viện Tạ Quang Bửu, Tầng 10

Thông tin tham khảo tại website www.Thomas-Schmitz-Hanoi.vn hoặc liên hệ qua email (tschmit1@gwgd.de).

Ban tổ chức: Văn phòng Đại diện DAAD Hà Nội, Giảng viên luật dài hạn của DAAD GS. TS. Thomas Schmitz.

Alumni-Workshop:

Die Verfassungsreform aus der Perspektive der Rechtswissenschaft - eine Alumni-Debatte

Programm:

- | | |
|-----------|--|
| 10.30 Uhr | Begrüßung und Einführung
Prof. Dr. Thomas Schmitz |
| 10.35 Uhr | Wichtige Inhalte in dem Entwurf der Änderung der Verfassung Vietnams von 1992
Assoz. Prof. Dr. Nguyễn Như Phát |
| 11.00 Uhr | Der Verfassungsrat - eine neue Institution im Entwurf der Verfassungsänderung
Assoz. Prof. Dr. Trần Hữu Tráng |
| 11.15 Uhr | The provisions on local government and the Constitutional Council according to the
1992 Constitution revision draft
Dr. Phan Thị Lan Hương |
| 11.30 Uhr | Die Gewaltenteilung im deutschen Grundgesetz - ein Vorbild für Vietnam
Dr. Nguyễn Minh Tuấn |
| 11.45 Uhr | Diskussion |
| 12.00 Uhr | <i>Mittagspause</i> Mittagsbüffet |
| 13.30 Uhr | Menschenrechte und Bodenrecht im Entwurf der Verfassungsänderung
Trần Văn Vinh |
| 13.45 Uhr | Fragen der Eigentumsverhältnisse im Entwurf der Verfassungsänderung
Lê Thị Lợi |
| 14.00 Uhr | Anmerkungen zum Entwurf der Verfassungsänderung aus der Perspektive der
europäischen Verfassungstheorie
Prof. Dr. Thomas Schmitz |
| 14.25 Uhr | Zur Verfassungsreform in Thailand
Henning Glaser |
| 14:45 Uhr | Abschlussdiskussion |

Die verteilten *Materialien* stehen auf der speziellen Webseite zu diesem Workshop zum Download bereit (www.thomas-schmitz-hanoi.vn, unter "Events"). Dort finden sich auch einige Links zu weiterführenden Internetquellen. Der Veranstalter steht jederzeit gern für Nachfragen zur Verfügung (E mail: tschmit1@gwdg.de).

Hội thảo dành cho cựu sinh viên:

Cải cách hiến pháp nhìn từ góc độ khoa học pháp lý – thảo luận giữa các cựu sinh viên

Chương trình:

- | | |
|-------|--|
| 10:30 | Báo cáo dẫn nhập
GS. TS. Thomas Schmitz |
| 10:35 | Một số nội dung quan trọng trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992
PGS. TS. Nguyễn Như Phát |
| 11:00 | Hội đồng Hiến pháp – một thiết chế mới trong dự thảo Hiến pháp sửa đổi 1992
PGS. TS. Trần Hữu Tráng |
| 11:15 | Các quy định về chính quyền địa phương và Hội đồng hiến pháp theo dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992
TS. Phan Thị Lan Hương |
| 11:30 | Phân quyền trong luật cơ bản cộng hòa liên bang Đức - bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam
TS. Nguyễn Minh Tuấn |
| 11:45 | Thảo luận |
| 12:00 | <i>Nghỉ ăn trưa</i> trưa buffet |
| 13:30 | Quyền con người và luật đất đai trong dự thảo Hiến pháp sửa đổi 1992
Trần Văn Vinh |
| 13:45 | Tham luận: Về quan hệ sở hữu trong Dự thảo hiến pháp sửa đổi
Lê Thị Lợi |
| 14:00 | Một số ý kiến về dự thảo sửa đổi Hiến pháp nhìn từ góc độ học thuyết về hiến pháp của châu Âu
GS. TS. Thomas Schmitz |
| 14:25 | Về cải cách hiến pháp ở Thái Lan
Henning Glaser |
| 14:45 | Thảo luận kết |

Tất cả tài liệu hội thảo đều có thể được tải về từ trang điện tử www.thomas-schmitz-hanoi.vn tại mục "Sự kiện". Bạn cũng có thể tìm thấy các liên kết dẫn tới nguồn thông tin liên quan. Nếu quý vị cần thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ qua email: tschmit1@gwdg.de.

WICHTIGE INHALTE IN DEM ENWURF DER ÄNDERUNG DER
VERFASSUNG VIETNAMS VON 1992
(i.d. Fassung vom 02.1.2013)

Assoz.-Prof. Dr. Nguyen Nhu Phat
Direktor, Institut für Staat und Recht
Akademie der Sozialwissenschaften Vietnam

1. Über Macht und Demokratie

- Beachtung der **direkten** Demokratie
- Stärkung der Rolle des Volkes
- Die Macht geht vom Volke aus => Parlament ist **nicht mehr allein** zuständig, Verfassung und Gesetze zu geben
- Politische **Verantwortung** der KPV
- Tendenz: “Das Volk ist der Inhaber der Verfassung”
- Verfassung ist auch einzuhalten (wird geschützt) => Bildung des Verfassungsrates

Probleme:

- **Bündnis** zwischen Arbeiterklasse, Bauerntum und Intelligenz
- Das Prinzip des **demokratischen Zentralismus**
- Möglichkeit des **Volkentscheids** über die Verfassung (nachdem das Parlament die Verfassung mit absoluter Mehrheit gebilligt hat)
- Stärkung der Position und Rolle des **Verfassungsrates**

2. Menschenrechte

- größerer Stellenwert durch **neue systematische Stellung** des Kapitels
- **Unterscheidung** zwischen Menschenrechten und Grundrechten der Staatsbürger
- Abschaffung der Idee der Menschenrechte als “Geschenk des Staates”
- **Anpassung** an internationale Menschenrechte
- Zusammenlegung in **nur einem** Kapitel
- **Neue Rechte**
- Prinzip der **Schranken**

Probleme:

- Das Problem “Recht und Pflicht sind **miteinander** verbunden”
- Vorbehalt (Schranken) **nur** durch förmliche **Gesetze**
- **Direkte** Anwendung der Verfassung

3. Gewaltenteilung (Kompetenzteilung) im Staatsapparat

- Nennung des **Machtinhabers** der 3 Gewalten
- Gegenseitige Machtkontrolle zwischen den Gewalten
- **Neue** Ordnung der Staatsmacht:
 - + Das Parlament ist **nicht mehr** allmächtig
 - + Die Regierung ist exekutiv, kollektiv tätig und flexibler (dynamisch); Kampf gegen Korruption; Amtsmoral und -haftung
 - + **Reform** des Gerichtswesens: Organisation; Prinzip und Methode der Rechtsprechung
 - + Staatspräsident: **Beibehaltung** der Funktion, doch **Ergänzung** der Zuständigkeiten
 - + Örtliche Körperschaften: **Umbenennung** des Kapitels; Verteilung nach dem Prinzip der Verwaltung und Territorium; Nachkontrolle und Demokratieentfaltung
 - + **3 neue** Institutionen: Verfassungsrat; Wahlkomitee und Rechnungshof
 - + Einführung des **Vertrauensvotums**

Probleme:

- Die Regierung ist Vollzugsorgan **des** Parlaments
- Spielraum der Regierung ist "aufgelistet"
- Interne und externe Machtkontrolle sind noch nicht ausreichend
- Die Rolle (Aufsicht) der **Staatsanwaltschaft** bei der Rechtsprechung
- Die Rolle und Zuständigkeiten des Verfassungsrates

4. Wirtschaft, Sozialwesen, Kultur, Bildungswesen, Wissenschaft, Technologie und Ökologie

- Zusammenlegung der Kapitel II und III
- Reduzierung der Artikel (von 29 auf 16)
- Wirtschaftssystem: Klärung des Inhalts des Wirtschaftsmodells; Rolle des Staates; Eigentum; neue Bestimmung über Staatshaushalt, Staatsvorrat und andere öffentliche Finanzierung; keine Auflistung der Wirtschaftssektoren
- Andere Bereiche: Kurzfassung

Probleme:

- Inhalt des Wirtschaftsmodells ist **noch nicht** durchschaubar
- **Führende** Rolle des staatlichen Wirtschaftssektors
- **Volkseigentum** an Grund und Boden

5. Gesetzgebungstechnik

- Weniger politische Losung
- Gegenstand der Verfassung ist mehr grundgesetzlich
- Minderung von inhaltlichen Konflikten (Widersprüchen) und Wiederholungen im Text

MỘT SỐ NỘI DUNG QUAN TRỌNG TRONG DỰ THẢO SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP NĂM 1992

PGS.TS. Nguyễn Như Phát
Viện NN&PL, Viện hàn lâm KHXH VN

1. Về vấn đề dân chủ và quyền lực nhà nước

- Giải quyết tốt hơn vấn đề dân chủ, bao gồm cả dân chủ trực tiếp
- Nhân dân có quyền kiểm soát quyền lực
- Chủ thể phân công quyền lực nhà nước thông qua quyền lập hiến Quốc hội không còn là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp”
- Trách nhiệm chính trị của Đảng .

Vấn đề:

- Liên minh công – nông – trí thức
- Nguyên tắc tập trung dân chủ
- Để cho nhân dân phê chuẩn Hiến pháp sửa đổi sau khi Quốc hội thông qua với đa số tuyệt đối (2/3 tổng số đại biểu).
- Tăng cường vị trí và chức năng của Hội đồng Hiến pháp

2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công

- Đề cao giá trị quyền con người thông qua vị trí Chương II
- Không đồng nhất quyền con người với quyền công dân.
- Khắc phục tư tưởng “Nhà nước ban ơn”
- Nội dung của các quyền được quy định phù hợp hơn với các điều ước quốc tế về quyền con người mà nước ta là thành viên.
- Cơ cấu các quyền được tập trung vào 1 Chương
- Một số quyền mới được bổ sung thể hiện bước tiến mới trong việc mở rộng và phát triển quyền
- Có ghi nhận nguyên tắc hiến định về giới hạn quyền.

Vấn đề:

- Không nên quy định “**Quyền con người không tách rời nghĩa vụ công dân**” (điều 20 khoản 1).
- Quyền con người, quyền công dân **chỉ** có thể bị **giới hạn bằng luật**
- Áp dụng **trực tiếp**

3. Phân chia quyền lực

- Chỉ rõ “**chủ nhân**” của 3 nhánh quyền lực
- “**Cân bằng lại**” quyền lực:
 - + Quốc hội không toàn quyền

- + Chính phủ hành pháp, hoạt động tập thể, năng động
- + Cải cách tư pháp: (1) tổ chức, (2) nguyên tắc xét xử: độc lập, tranh tụng
- + Chủ tịch nước: tiếp tục giữ chức năng nhưng làm rõ thêm
- + Chính quyền địa phương: đổi tên chương; phân chia đơn vị hành chính lãnh thổ; kiểm soát quyền lực nhà nước và phát huy dân chủ
- + Dự thảo sửa đổi Hiến pháp đã thiết kế **ba thiết chế hiến định độc lập**: *Hội đồng Hiến pháp, Hội đồng bầu cử quốc gia và kiểm toán nhà nước.*
- + Lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu bất tín nhiệm

Vấn đề:

- Chính phủ là **cơ quan chấp hành của QH**
- Nhiệm vụ quyền hạn của Chính phủ quy định ở điều 101 theo cách thức *liệt kê vừa không đủ bao quát, vừa thừa lại vừa thiếu.*
- **Kiểm soát quyền lực nhà nước** (bên trong và bên ngoài) chưa rõ.
- Vấn đề Kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát
- Vị trí và chức năng của **Hội đồng hiến pháp.**

4. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

- Gộp các chương II và III thành một chương từ 29 điều chỉ còn lại 16 điều,
- Về chế độ kinh tế: làm rõ hơn tính chất, mô hình kinh tế; vai trò quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; chế độ sở hữu; bổ sung một điều mới về quản lý sử dụng ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia và các nguồn tài chính công khác.
- Không liệt kê các thành phần kinh tế
- Về văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường: Khái quát và cô đọng hơn.

Vấn đề:

- Nội hàm mô hình Kinh tế định hướng XHCN
- Vấn đề chủ đạo của kinh tế nhà nước
- Vấn đề sở hữu toàn dân về đất đai

5. Về kỹ thuật lập hiến có bước tiến bộ hơn so với hiến pháp hiện hành.

- Ít hơn những “khẩu hiệu”
- Thể hiện rõ hơn tính chất “cơ bản” của đạo luật gốc
- Khắc phục mâu thuẫn chồng chéo.

**Der Verfassungsrat – eine neue
Institution im Entwurf der
Verfassungsänderung**

Assoz.-Prof. Dr. Trần Hữu Tráng
Hanoi Open University

Die Vietnamesische Verfassung von 1992 wird reformiert, um Wirtschaft, Politik und Menschenrechte zu verbessern. Mit dieser Orientierung werden viele Regelungen der Verfassung reformiert oder neu eingefügt. Die Regelungen über den Verfassungsrat werden im Entwurf für eine Änderung der Verfassung von 1992 neu eingefügt.

**I. Der Verfassungsrat nach Artikel
120 der Verfassung nach dem Entwurf
der Verfassungsänderung**

Artikel 120 lautet:

1. Der Verfassungsrat ist eine Organisation, die vom Parlament bestellt wird, und er besteht aus dem Präsidenten, dem Vizepräsidenten und anderen Mitgliedern.
2. Der Verfassungsrat überprüft, ob eine Regelung oder Entscheidung, die durch

**Hội đồng Hiến pháp – Một thiết chế mới
trong dự thảo Hiến pháp sửa đổi 1992**

PGS.TS. Trần Hữu Tráng
Viện Đại Học Mở Hà Nội

Hiến pháp 1992 được sửa đổi theo hướng đảm bảo tốt hơn nền kinh tế, chính trị và quyền con người. Với định hướng này, nhiều quy định của Hiến pháp đã được sửa đổi và bổ sung. Quy định về Hội đồng Hiến pháp là quy định mới được bổ sung trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992.

**I. Hội đồng Hiến pháp theo quy định của
Điều 120 Dự thảo sửa đổi Hiến pháp**

Điều 120 (mới)

1. Hội đồng Hiến pháp là cơ quan do Quốc hội thành lập, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên.
2. Hội đồng Hiến pháp kiểm tra tính hợp hiến của các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc

das Parlament, den Staatspräsidenten, den Ständigen Ausschuss des Parlamentes, die Regierung, den Premierminister, den Obersten Volksgerichtshof oder die Oberste Volksstaatsanwaltschaft erlassen wird, der Verfassung entspricht. Der Verfassungsrat schlägt vor, dass das Parlament seine Regelung überprüft, wenn er eine Verletzung der Verfassung entdeckt. Der Verfassungsrat verlangt vom Staatspräsidenten, dem Ständigen Ausschuss des Parlamentes, der Regierung, dem Premierminister, dem Obersten Volksgerichtshof, der Obersten Volksstaatsanwaltschaft, ihre Regelung oder Entscheidung zu korrigieren, oder fordert zuständige Stellen auf, eine Regelung oder Entscheidung bei Verletzung der Verfassung aufzuheben. Der Verfassungsrat überprüft, ob ein internationales Abkommen oder ein Übereinkommen, das noch nicht dem Parlament oder dem Staatspräsidenten zur Zustimmung vorliegt, der Verfassung entspricht. 3. Das Nähere über die Organisation, die Aufgaben und Zuständigkeiten im Einzelnen, die Zahl und Amtszeit der Mitglieder des Verfassungsrates wird im Gesetz geregelt.	hội, Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành; kiến nghị Quốc hội xem xét lại văn bản quy phạm pháp luật của mình khi phát hiện có vi phạm Hiến pháp; yêu cầu Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật của mình hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ văn bản vi phạm Hiến pháp; kiểm tra tính hợp hiến của điều ước quốc tế được ký kết nhân danh Nhà nước trước khi trình Quốc hội, Chủ tịch nước phê chuẩn. 3. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng Hiến pháp và số lượng, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Hiến pháp do luật định.
--	---

Nach diesem Artikel versteht man drei Funktionen des Verfassungsrates wie folgt: - Überprüfung der Verfassungsmäßigkeit einer Regelung oder Entscheidung, die durch das Parlament, den Staatspräsidenten, den Ständigen Ausschuss des Parlamentes, die Regierung, den Premierminister, den Obersten Volksgerichtshof oder die Oberste Volksstaatsanwaltschaft erlassen worden ist; - Aufforderung des Parlamentes zur Überprüfung seiner verfassungswidrigen Regelung; Verlangen gegenüber dem Staatspräsidenten, dem Ständigen Ausschuss des Parlamentes, der Regierung, dem Premierminister, dem Obersten Volksgerichtshof oder der Obersten Volksstaatsanwaltschaft der Korrektur ihrer Regelung oder Entscheidung; Aufforderung einer zuständigen Stelle zum Aufheben einer verfassungswidrigen Regelung oder Entscheidung. - Überprüfung der Verfassungsmäßigkeit eines noch nicht dem Parlament oder dem Staatspräsidenten zur Zustimmung vorgelegten internationalen Abkommens oder Übereinkommens.	Theo điều khoản này, có thể thấy Hội đồng Hiến pháp có ba chức năng sau: - Chức năng kiểm tra tính hợp hiến của các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành; - kiến nghị Quốc hội xem xét lại văn bản quy phạm pháp luật của mình khi phát hiện có vi phạm Hiến pháp; yêu cầu Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật của mình hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ văn bản vi phạm Hiến pháp; - Kiểm tra tính hợp hiến của điều ước quốc tế được ký kết nhân danh Nhà nước trước khi trình Quốc hội, Chủ tịch nước phê chuẩn.
---	---

II. Funktionen des Verfassungsrates im Vergleich mit einigen Funktionen des Ständigen Ausschusses und Rechtsausschusses des Parlamentes

Nach Artikel 7, Absatz 5 des Gesetzes über die Organisation des Parlaments 2001 (Veränderung 2007) hat der Ständige Ausschuss die Kompetenz, die Durchsetzung einer Regelung oder Entscheidung der Regierung, des Premierministers, des Obersten Volksgerichtshofs oder der Obersten Volksstaatsanwaltschaft zu suspendieren, wenn sie die Verfassung, Gesetze oder Entscheidungen des Parlamentes verletzt; er informiert das Parlament darüber. Damit das Parlament entscheidet, die betreffende Regelung oder Entscheidung aufzuheben.

Nach Artikel 14 dieses Gesetzes besteht eine andere Zuständigkeit des Ständigen Ausschusses des Parlamentes darin, dass er die Durchsetzung einer Regelung oder Entscheidung der Regierung, des Premierministers, des Obersten Volksgerichtshofs oder der Obersten Volksstaatsanwaltschaft bei Verletzung der

II. So sánh chức năng của Hội đồng hiến pháp với chức năng của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Ủy ban pháp luật của Quốc hội

Theo Điều 7 khoản 5 Luật tổ chức Quốc hội 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2007, Ủy ban thường vụ quốc hội có quyền đình chỉ việc thi hành các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc hủy bỏ các văn bản đó;

Theo Điều 14 Luật tổ chức Quốc hội 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2007, Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc hủy bỏ tại kỳ họp gần nhất

Verfassung, von Gesetzen oder Entscheidungen des Parlamentes suspendiert und das Parlament darüber informiert. Damit das Parlament entscheidet, die betreffende Regelung oder Entscheidung aufzuheben. Diese Artikel zeigen sich, dass diese Funktionen der Ständigen Ausschusses des Parlamentes den Funktionen des Verfassungsrat im Entwurf der Verfassungsänderung fast gleich sind. Nach Artikel 27 Absatz 3 des Gesetzes über die Organisation des Parlaments 2001 (geändert 2007) hat der Rechtsausschuss die Kompetenz, die Verfassungsmäßigkeit des Entwurfs eines Gesetzes oder einer Verordnung zu gewährleisten, bevor er dem Parlament oder dem Ständigen Ausschuss des Parlamentes zur Zustimmung vorgelegt wird. Mit Artikel 120 stellen sich die Fragen, ob der Verfassungsrat unabhängig vom Parlament ist, ob die vorhandenen Regelungen über den Verfassungsrat sinnvoll sind und wie sich der Verfassungsrat organisieren muss, damit er die Funktion des Schutzes der Verfassung erfolgreich ausführen kann.	Như vậy có thể thấy, theo các quy định trên của Luật tổ chức Quốc hội thì chức năng của Ủy ban thường vụ quốc hội khá tương đồng với chức năng của Hội đồng hiến pháp trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992. Theo Điều 27 khoản 3 của Luật tổ chức Quốc hội 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2007 thì Ủy ban pháp luật của Quốc hội có quyền bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật đối với các dự án luật, dự án pháp lệnh trước khi trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua. Quy định tại Điều 120 Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 đặt ra một số vấn đề, như liệu quy định như vậy có đảm bảo Hội đồng hiến pháp độc lập với Quốc hội hay không? Liệu các quy định về Hội đồng hiến pháp đã thật sự hợp lý chưa? Cần phải tổ chức Hội đồng hiến pháp theo hướng nào để đảm bảo thực hiện tốt chức năng bảo hiến?
---	--

Wie lautet Artikel 120 Absatz 1: „Der Verfassungsrat ist eine Organisation, die vom Parlament bestellt wird“. Das bedeutet, dass der Verfassungsrat den Ausschüssen des Parlamentes, wie Rechtsausschuss oder Wirtschafts- und Budgetausschuss, gleich ist. Wenn der Verfassungsrat vom Parlament bestellt wird, ist er abhängig vom Parlament, sodass er die Gesetze des Parlamentes wegen Verletzung der Verfassung nicht effektiv überprüfen kann. Mit dieser Organisation kann er auch nicht verhindern, dass das Parlament ein verfassungswidriges Gesetz beschließt.	Theo quy định tại khoản 1 Điều 120 của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp „Hội đồng Hiến pháp là cơ quan do Quốc hội thành lập, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên“. Điều này có nghĩa là cũng giống như các Ủy ban khác của Quốc hội như Ủy ban pháp luật hay Ủy ban Kinh tế và Ngân sách, Hội đồng hiến pháp cũng do Quốc hội thành lập. Khi Hội đồng hiến pháp do Quốc hội thành lập thì sẽ bị phụ thuộc vào Quốc hội dẫn đến việc Hội đồng hiến pháp sẽ khó có thể kiểm tra một cách có hiệu quả các dự luật của Quốc hội. Thêm vào đó, Hội đồng hiến pháp càng không thể ngăn chặn việc Quốc hội thông qua một dự luật có dấu hiệu vi hiến.
III. Vorschläge für eine Neugestaltung der Regelung des Verfassungsrates 1. Verfassungsrat muss vom Parlament unabhängig sein Wenn der Verfassungsrat vom Parlament unabhängig ist, kann er nicht nur die Verfassungsmäßigkeit der Gesetze des Parlamentes überprüfen, sondern auch die Regelungen des Parlamentes im Falle der Verletzung der Verfassung aufheben. Zur Gewährleistung der Unabhängigkeit	III. Các đề xuất cho quy định về Hội đồng hiến pháp 1. Hội đồng hiến pháp phải độc lập với Quốc hội Khi Hội đồng hiến pháp độc lập với Quốc hội thì Hội đồng hiến pháp không chỉ kiểm tra được tính hợp hiến của các bộ luật của Quốc hội mà còn hủy bỏ các văn bản luật vi hiến của Quốc hội. Để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng hiến

des Verfassungsrates sollten die Mitglieder des Verfassungsrates nicht nur vom Parlament sondern auch vom Staatspräsidenten, dem Präsidenten des Obersten Volksgerichtshofs und dem Präsident der Obersten Volksstaatsanwaltschaft ernannt werden.	pháp, các thành viên của Hội đồng hiến pháp không chỉ do Quốc hội bổ nhiệm mà nên do nhiều cơ quan bổ nhiệm như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao.
2. Erweiterung der Funktionen und Kompetenzen des Verfassungsrates - Überprüfung der Ordnungsmäßigkeit der Wahl der Abgeordneten Zunächst hat der Verfassungsrat die Kompetenz, die Ordnungsmäßigkeit der Wahl der Abgeordneten zu überprüfen. Er hat die Kompetenz, im Falle der Anfechtung über die Ordnungsmäßigkeit der Wahl der Abgeordneten zu entscheiden. - Überprüfung der Verfassungsmäßigkeit der Gesetzesvorschläge Darüber hinaus hat Verfassungsrat die Zuständigkeit, die Verfassungsmäßigkeit der Gesetzesvorschläge des Parlamentes und des Ständigen Ausschusses des Parlamentes zu überprüfen, bevor sie zum Parlamentsplenum gebracht werden. Wenn er eine Verletzung der Verfassung	2. Cần mở rộng chức năng và thẩm quyền của Hội đồng hiến pháp các chức năng sau: - Kiểm tra tính hợp pháp của việc bầu đại biểu quốc hội Trước hết Hội đồng hiến pháp phải được quyền kiểm tra tính hợp pháp của việc bầu đại biểu quốc hội. Hội đồng hiến pháp có quyền phán quyết về sự vi phạm hiến pháp. - Kiểm tra tính hợp hiến của các Dự thảo luật Ngoài ra, Hội đồng Hiến pháp có quyền kiểm tra tính hợp hiến của các dự thảo luật của Quốc hội và Ủy ban thường vụ quốc hội trước khi được đưa ra thảo luận tại kỳ họp Quốc hội. Nếu Hội đồng hiến pháp phát hiện dự thảo luật vi phạm hiến pháp thì Hội đồng hiến pháp có quyền yêu cầu sửa lại các dự thảo luật này trước

in diesen Gesetzesvorschlägen entdeckt, verlangt er vom Parlament und seinem Ständigen Ausschuss, seinen Gesetzesvorschlag zu korrigieren. - Überprüfung der Verfassungsmäßigkeit der Gesetze, der Regelungen und Entscheidungen Außerdem hat der Verfassungsrat die Kompetenz, die Verfassungsmäßigkeit der Gesetze, der Regelungen und Entscheidungen des Parlamentes, des Ständigen Ausschusses des Parlamentes, des Staatspräsidenten, des Ständigen Ausschusses des Parlamentes, der Regierung, des Premierministers, des Obersten Volksgerichtshofs und der Obersten Volksstaatsanwaltschaft zu überprüfen, bevor sie zur Anwendung gebracht werden. Wenn er eine Verletzung der Verfassung in diesen Vorschriften entdeckt, kann er diese Vorschriften aufheben. Zum Schutz gegen Verletzungen der Verfassung muss der Verfassungsrat unabhängig vom Parlament gebildet werden und sollten die Funktionen und Zuständigkeiten des Verfassungsrates gestärkt werden.	khi trình Quốc hội. - Kiểm tra tính hợp hiến của các bộ luật, các văn bản luật cũng như các quyết định Ngoài các chức năng trên thì Hội đồng hiến pháp cũng có quyền kiểm tra tính hợp hiến của các bộ luật, các văn bản luật cũng như các quyết định của Quốc hội, Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao, trước khi các văn bản pháp luật này có hiệu lực thực thi. Khi phát hiện một văn bản luật vi hiến, Hội đồng bảo hiến có thể hủy bỏ văn bản vi hiến này. Để bảo vệ hiến pháp, Hội đồng hiến pháp cần được tổ chức độc lập với Quốc hội và cần phải tăng cường các chức năng của Hội đồng hiến pháp.
--	--

Die Regelungen des Verfassungsrates sollten von den Regelungen zur Nationalen Wahlkommission und zum Staatlichen Rechnungsprüfungsamt getrennt in einem unabhängigen Abschnitt der reformierten Verfassung enthalten sein. Damit würde man sehr deutlich die Stellung, die Funktionen und Zuständigkeiten des Verfassungsrates verstehen. ----- <i>Assoz.-Prof. Dr. Trần Hữu Tráng</i> Tel. Office: +84 4-38684859 Mobil: +84 989318737 Email: huutrangstran@gmail.com	Hội đồng hiến pháp cần được quy định ở một chương riêng độc lập với các quy định về Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước. Quy định như vậy sẽ làm rõ vị trí, chức năng và thẩm quyền của Hội đồng hiến pháp.
---	---

THE PROVISIONS ON LOCAL GOVERNMENT AND THE CONSTITUTIONAL COUNCIL ACCORDING TO THE 1992 CONSTITUTION REVISION DRAFT

Dr. Phan Thị Lan Hương

Hanoi Law University

Amending the 1992 Constitution is defined as the urgent task of the Vietnamese government in the progress of building a rule of law state and moving toward a democratic society. However, in general, the drafting still indicates many issues from the legal provisions as well as the legislative technical aspects. This article will focus on the provisions on local government and the Constitutional Council which remain critical in the discussion.

1. Provisions on local government.

The Communist Party and the Government have defined reforming local government as one of the main objective in progress of amending the 1992 Constitution. In 2008, the National Assembly provided the Resolution No 26/2008/QH12 on abolishing the People's Council at the district and ward¹ level as a pilot case of reforming local government structure. The pilot case has been carried out at 99 districts and 483 wards of 10 provinces.² However, according to the 1992 Constitution, the local government consists of the People's Council and the People's Committee which are established at the local level according to the laws.³ The People's Committee is elected by the People's Council

¹ There are some differences in legal status between the wards and commune though are defined as the same level.

² The People's Council was abolished at 99 districts and 483 wards (not commune) of 10 provinces according to Resolution No 724/2009/NQ-UBTVQH12 on the list of the provinces, district, wards which have carried out the pilot case of abolishment the People's Council.

³ Article 118 of the 1992 Constitution.

at the same level.⁴ Therefore, the abolishment of the People's Council at district or commune level is defined as unconstitutional regulations. Hence, the amendment of the 1992 Constitution was drafted based on the needs of restructuring the local government system in Vietnam. In general, the provisions on local government are revised as follows:

Article 115 provides that:

“1. The administrative units of the Socialist Republic of Vietnam are distributed as follows:

The country is divided into provinces and cities under direct central rule;

The province is divided into districts, provincial cities, and towns; the city under direct central rule is divided into urban districts, rural districts, and towns;

The district is divided into communes and towns; the provincial city and the town are divided into wards and communes; the urban district is divided into wards.

2. The establishment of the People's Council and People's Committee in territorial administrative units is stipulated by law in accordance with characteristics of each territorial administrative unit and management decentralization”

The section 2 of this article indicates the term “territorial administrative units” as a new concept of the public administration in Vietnam because the current local governments are set up at every administrative unit. However, Vietnamese scholars define that the term “*territorial administrative units*” is still unclear. The question remains that which level of local government such as provincial, district or commune is the *territorial administrative units*. According to the Law on Organization of People's Council and People's Committee in 2003, the People's Council and People's Committee have been established at three tiers as provincial, district and commune as the administration units. In addition, the organization and operation of local government base on the democratic centralism principle. Consequently, the local government is a hierarchical system in which the lower level is under the control of the higher level. In other words, local

⁴ Article 123 of the 1992 Constitution.

government is a dependent system and there is an unclear distribution of functions between the three tiers of administration units. Therefore, the local government at the lower tier still lack of discretion in carrying out the duties and delegated functions. However, “territorial decentralization means creation of area administrative units such as districts, divisions, zones, circles, etc, and vesting them with adequate decision-making powers and functions within prescribed limits”.⁵ In addition, the division of administrative boundary is subject to change from time to time. As a result, the number of administration units has increased since 1986 significantly through the merging, or re-division. For example, the number of provinces has increased from 40 to 63 provinces since 1986.

However, the article 115 of the draft defines the administrative units such as provinces, district and commune but not yet determines clearly the structure of local government. This provision is too broad and may lead to the establishment of the People’s Council and People’s Committee in a way which is different from province to province. The draft should illustrate clearly if the structure of local government is two or three tiers in order to ensure the unification of the local government system in Vietnam. Significantly, the term *territorial* administration units should be revised because Vietnam is a unitary state as well as under the democratic centralism principle. Therefore, the government system refers to a hierarchical system. On contrary, territorial administrative units require more discretion of the local government system such as a local autonomy principle.

Concerning the legislative technique, the draft should delete the Articles 117, 118, 119 because these matters should be regulated by laws as the modern constitution only defines the principle for the organization and operation of the local government system. For example: “The delegate of the People’s Council has the right to make proposal to local state organs. The officials in charge of these organs have the responsibility to consider and address the delegate’s proposal”. The detailed regulations as such should not be made by the constitution in order to ensure that the constitution is the legal

⁵Naidu, S. P. *Public Administration: Concepts And Theories*. New Age International, 2005

fundamental and stable regulations for promoting sustainable development. The stability of a country depends deeply on the fundamental regulations of a Constitution because constitution plays very important role in retaining the stability of political regime, and promoting economic development.

In brief, the draft needs to define more clearly the structure, the principle for the organization and operation of local government in general, and the specific regulations should be provided by laws in order to ensure that Vietnam will have a modern and stable constitution.

2. The Constitutional Council

The drafting provides the Constitutional Council as a new state organ which plays an important function in examining the implementation of legislative power. The Constitutional Council holds the power to examine the legality of the legal normative documents issued by the National Assembly, President, and Central Government (Article 120). However, these provisions may not have a productive result because of the following reasons:

Firstly, the Constitutional Council only holds the power to examine the legal normative documents issued by the state organs which are listed in the article 120 section 2. Therefore, the Constitutional Council does not hold the power to examine the local regulations issued by local government. In practice, the local governments have provided a significant number of illegal normative documents due to the lack of qualified officials or because of local benefit. At present, the Ministry of Justice is responsible for examining the legality of documents issued by local government at provincial level and proposes the competent organ to abolish those documents. Hence, the Constitutional Council should hold the power to examine the legality of all regulations issued by the competent organs instead of providing the list of state organs.

Secondly, the Constitutional Council cannot abolish the illegal normative documents issued by local authorities as the draft only defines the powers to propose or request the competent agency to abolish these documents. Therefore, the Constitutional Council may

not be an effective organ in supervising and dealing with the unconstitutional legal documents. The Constitutional Council should hold power to abolish the legal normative documents issued by local authorities in order to limit the direct central's intervention into the work of local government.

In conclusion, the drafting still reveals many critical aspects for discussions on provisions on the local government, the Constitutional Council and the human rights. Constitution plays a significant role in promoting a rule of law state, democratic society. Therefore, the provisions of the 1992 Constitution revision draft must be studied carefully in order to ensure the stability of Constitution as a primary condition for improving the quality of legal system in Vietnam.

CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ HỘI ĐỒNG HIẾN PHÁP THEO DỰ THẢO SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP 1992

TS. Phan Thị Lan Hương

Đại học Luật Hà Nội

Sửa đổi Hiến Pháp 1992 được xác định là một trong các nhiệm vụ cấp bách của Việt nam trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền và hướng tới một xã hội dân chủ. Tuy nhiên, dự thảo còn bộc lộ những hạn chế nhất định về những điều khoản cũng như kỹ thuật lập hiến. Bài viết này đề cập đến vấn đề đang được tranh luận liên quan đến những quy định về chính quyền địa phương và Hội đồng bảo hiến theo dự thảo sửa đổi Hiến Pháp 1992.

1. Những quy định về chính quyền địa phương:

Đảng và Nhà nước ta đều khẳng định cải cách chính quyền địa phương là một trong những nội dung trọng tâm để sửa đổi Hiến pháp 1992. Năm 2008, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 26/2008/QH12 về việc thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, huyện và phường. Việc thí điểm không tổ chức HĐND được tiến hành ở 67 huyện, 32 quận và 483 phường. Tuy nhiên, Hiến pháp 1992 quy định chính quyền địa phương bao gồm HĐND và UBND được thành lập theo quy định của pháp luật (Điều 118) và UBND do HĐND cùng cấp bầu ra (điều 123). Do đó, việc quy định không tổ chức HĐND có thể xem là vi hiến. Đây chính là một trong những yêu cầu phải sửa đổi Hiến Pháp 1992 để nhằm mục đích cải cách hệ thống chính quyền địa phương ở nước ta. Nhìn chung, các quy định liên quan đến chính quyền địa phương được sửa đổi như sau:

Điều 115 dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 quy định:

“1. Các đơn vị hành chính lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân định như sau:

Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Tỉnh chia thành huyện, thành phố thuộc tỉnh và thị xã; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện và thị xã;

Huyện chia thành xã, thị trấn; thành phố thuộc tỉnh, thị xã chia thành phường, xã; quận chia thành phường.

2. Việc thành lập Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ở các đơn vị hành chính lãnh thổ do luật định phù hợp với đặc điểm của từng đơn vị hành chính lãnh thổ và phân cấp quản lý.”

Như vậy, khoản 2 của điều 115 quy định thuật ngữ “đơn vị hành chính lãnh thổ” như là một thuật ngữ mới trong quản lý hành chính NN ở Việt nam bởi vì hiện nay chính quyền địa phương bao gồm HĐND và UBND được tổ chức ở tất cả các đơn vị hành chính. Tuy nhiên, khái niệm đơn vị hành chính “lãnh thổ” cũng vẫn là khái niệm chưa rõ ràng theo quan điểm của các học giả Việt nam. Câu hỏi được đặt ra ở đây là cấp đơn vị hành chính nào trong ba cấp tỉnh, huyện, và xã được xác định là cấp đơn vị hành chính lãnh thổ. Theo như Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003 thì HĐND và UBND được tổ chức ở cả ba cấp hành chính và tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Do đó, chính quyền địa phương được tổ chức theo một hệ thống thứ bậc hành chính theo đó cấp dưới sẽ chịu sự quản lý, chỉ đạo của cấp trên. Nói một cách khác, hệ thống chính quyền địa phương là một hệ thống phụ thuộc và chưa có sự phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mỗi cấp chính quyền. Như vậy, chính quyền địa phương thiếu quyền chủ động sáng tạo trong tiến hành hoạt động quản lý ở địa phương. Tuy nhiên, “phân quyền lãnh thổ nghĩa là việc tạo ra những đơn vị hành chính quản lý như là quận, vùng, với sự chuyển giao cho các vùng quyền quyết định chính sách và chức năng trong phạm vi giới

hạn quy định”.¹ Bên cạnh đó, sự phân chia địa giới hành chính ở Việt nam thiếu sự ổn định tương đối. Kết quả là số lượng các đơn vị hành chính có sự thay đổi đáng kể từ năm 1986 thông qua việc chia, tách hay sáp nhập. Ví dụ như, đơn vị hành chính cấp tỉnh đã tăng từ 40 lên đến 63 đơn vị kể từ năm 1986.

Tuy nhiên, điều 115 mới chỉ quy định cấp đơn vị hành chính nhưng chưa quy định rõ cấp đơn vị chính quyền. Việc quy định thành lập Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở các đơn vị hành chính lãnh thổ do luật định phù hợp với đặc điểm của từng đơn vị hành chính lãnh thổ và phân cấp quản lý là quá rộng và có thể dẫn tới sự không thống nhất trong bộ máy chính quyền địa phương, có nghĩa là sẽ có thể tạo ra sự khác biệt giữa các địa phương trong việc thành lập hệ thống chính quyền theo mô hình hai cấp hay ba cấp như hiện nay. Do đó, dự thảo nên quy định rõ chính quyền địa phương được tổ chức theo mô hình hai cấp hay là ba cấp. Ngoài ra, dự thảo cũng nên sửa đổi thuật ngữ đơn vị hành chính lãnh thổ vì đặc thù của Việt nam là theo mô hình nhà nước đơn nhất, và tổ chức theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, cho nên tổ chức bộ máy nhà nước có đặc điểm thứ bậc hành chính. Trong khi đó, đơn vị hành chính lãnh thổ đòi hỏi một mô hình chính quyền địa phương độc lập, ví dụ như là chính quyền địa phương tự trị.

Liên quan đến kỹ thuật lập pháp, dự thảo nên bỏ những quy định chi tiết ở điều 117, 118, 119 bởi vì những quy định này không nên quy định ở trong Hiến pháp mà nên quy định ở trong các văn bản luật bởi vì Hiến pháp hiện đại thường chỉ quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc. Ví dụ như: “Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước ở địa phương. Người đứng đầu cơ quan này có trách nhiệm tiếp đại biểu, xem xét, giải quyết kiến nghị của đại biểu.” (Điều 118, đoạn 2). Những quy định này nên được quy định ở trong các văn bản luật để đảm bảo Hiến pháp là đạo luật cơ bản

¹ Naidu, S. P. *Public Administration: Concepts And Theories*. New Age International, 2005 (Quản lý hành chính: Khái niệm và lý thuyết).

và có tính ổn định cao cho việc thúc đẩy phát triển bền vững. Sự ổn định của một quốc gia phụ thuộc sâu sắc vào các quy định cơ bản của Hiến pháp vì hiến pháp đóng vai trò rất quan trọng trong việc duy trì sự ổn định của chế độ chính trị, và thúc đẩy phát triển kinh tế.

Như vậy, dự thảo cần quy định rõ hơn cơ cấu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương nói chung. Các quy định cụ thể nên được quy định bởi các Luật để đảm bảo rằng Việt Nam sẽ có một Hiến pháp hiện đại và ổn định.

2. Những quy định về Hội đồng Hiến pháp

Dự thảo sửa đổi Hiến pháp đã quy định Hội đồng Hiến pháp là một cơ quan mới có chức năng quan trọng trong việc giám sát hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hội đồng Hiến pháp kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản pháp luật do Quốc Hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ ban hành (Điều 120). Tuy nhiên, những quy định này có thể không đảm bảo hiệu quả và hiệu lực trong thực tế bởi vì các lý do sau:

- Thứ nhất, Hội đồng Hiến pháp chỉ có thẩm quyền kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước được liệt kê tại khoản 2 Điều 120. Vì vậy, Hội đồng Hiến pháp không có quyền kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản pháp luật do chính quyền địa phương ban hành. Mặc dù trong thực tiễn, thì số văn bản trái luật do chính quyền địa phương ban hành chiếm một số lượng đáng kể. Hiện nay, Bộ tư pháp có thẩm quyền kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản pháp luật do chính quyền cấp tỉnh ban hành và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền bãi bỏ. Do đó, dự thảo nên quy định quyền kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản quy phạm pháp luật do các chủ thể có thẩm quyền ban hành thay vì quy định mang tính chất liệt kê như hiện nay.
- Thứ hai, Hội đồng Hiến pháp không có quyền hủy bỏ các văn bản do các cơ quan NN có thẩm quyền ban hành, ví dụ như văn bản do chính quyền địa phương ban hành bởi vì dự thảo mới chỉ quy định quyền kiến nghị hoặc yêu cầu cơ quan NN

có thẩm quyền hủy bỏ. Do đó, Hội đồng Hiến pháp có thể hoạt động không có hiệu quả trên thực tế trong việc giám sát và xử lý các văn bản trái luật. Dự thảo nên quy định quyền hủy bỏ văn bản pháp luật của chính quyền địa phương cho Hội đồng Hiến pháp để hạn chế sự can thiệp trực tiếp của chính quyền trung ương vào hoạt động của địa phương.

Tóm lại, các quy định của dự thảo về chính quyền địa phương, Hội đồng Hiến pháp, nhân quyền còn có nhiều vấn đề cần phải bàn luận cả về mặt học thuật pháp lý cũng như kỹ thuật lập pháp. Hiến pháp đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền và xã hội dân chủ. Do đó, những quy định trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 cần được nghiên cứu cụ thể để phải đảm bảo tính ổn định của Hiến pháp như là một trong những yêu cầu trong việc nâng cao chất lượng của hệ thống pháp luật Việt nam.

GEWALTENTEILUNG IM DEUTSCHEN GRUNDGESETZ – EIN VORBILD FÜR VIETNAM

Dr. Nguyễn Minh Tuấn

Juristische Fakultät, Vietnam Nationaluniversität, Hanoi

Gewaltenteilung ist ein Kennzeichen jedes modernen freiheitlichen Staates und ein sinnvolles Prinzip zur Machtbeschränkung des Staates und der Erweiterung der Freiheit des Bürgers.¹ Durch Arbeitsteilung und Spezialisierung der Gewalten können *staatliche Aufgaben möglichst wirkungsvoll erfüllt* werden.²

Im Rahmen dieser Arbeit untersuche ich *die Gewaltenteilung im deutschen Grundgesetz sowie das Prinzip des demokratischen Zentralismus in den Vietnamesischen Verfassungen*. Der Zweck dieser Arbeit ist herauszufinden, was die wichtigsten Erkenntnisse bei der Untersuchung der Gewaltenteilung im deutschen Grundgesetz und des Prinzips des demokratischen Zentralismus in Vietnam sind und welche Elemente der deutschen Gewaltenteilung für eine Übernahme in der Vietnamesischen Verfassung in Betracht kommen können. In Vietnam gibt es derzeit nur eine Partei – die Kommunistische Partei Vietnams. Diese Partei ist kein Staatsorgan, aber die Entscheidungsgewalt liegt de facto in ihrer Hand. Für die Änderung der Verfassung 1992 (voraussichtlich Ende 2013) ist es m.E. sehr wichtig zu untersuchen, welche Bedeutung der Gewaltenteilung zukommt, damit die Kontrolle von Macht und der Schutz des Bürgers vor staatlicher Willkür garantiert werden können.

A. Ideengeschichte der Gewaltenteilung und die Gewaltenteilung im deutschen Grundgesetz

I. Ideengeschichte der Gewaltenteilung

Schon in der Antike entwickelte Aristoteles (384–322 v. Chr.) Gedanken zu einer ersten Form der Gewaltenteilung. Die grundlegende These von Aristoteles besagt, dass nicht die Teilung der Staatsgewalt, sondern die Existenz *dreier Gruppen von Aufgaben* als ein gemeinsames Merkmal aller Staatsordnungen anzusehen ist. Er schreibt: „*Es gibt in jeder Verfassung drei Teile [...], [von denen] das eine die über öffentliche Angelegenheiten beratende Gewalt, das zweite die regierende Gewalt, das dritte endlich die richterliche Gewalt [ist]*.“³

Die Gewaltenteilung im modernen Sinne ist v.a. auf die Lehre von *John Locke* (1632–1704) und *Charles de Secondat Baron de Montesquieu* (1689–1755) zurückzuführen,⁴ deren Naturrechtslehre (des 17. und 18. Jh.) sich als Reaktion auf die absolute monarchische Herrschaft (Absolutismus) in Europa (insb. Ludwig XIV.)⁵ entwickelte.

Der englische Philosoph *John Locke* hatte in seinem Werk „*Two Treatises of Government*“ („Zwei Abhandlungen über die Regierung“, 1690) ein „Prinzip der Gewaltenteilung“ formuliert. *Locke* fordert die Aufteilung der Staatsgewalt, v.a. *die gesetzgebende Gewalt (Legislative)* und *die voll-*

¹ *Wank*, Gewaltenteilung, Jura 1991, S. 628.

² *Gröpl*, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 925.

³ *Aristoteles*, Politik, Ausgabe 1994, S. 207.

⁴ Die Lehren von *Locke* (1632–1704) und *Montesquieu* (1689–1755) sind grds. anders als die Lehren von *Jean Bodin* (1530–1596) (*Les six livres de la Republique*, 1576) und *Thomas Hobbes* (1588–1679) (*Leviathan*, 1651) über den absolutistischen Staat (Gewaltenmonismus) – eine Reaktion gegen die Gewaltenzersplitterung des 16. Jh.; vgl. *Weber-Fas*, Freiheit durch Gewaltenteilung – Montesquieu und der moderne Verfassungsstaat, JuS 2005, S. 882 f.; *Gröpl*, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 932 f.

⁵ Vgl. *Weber-Fas*, Freiheit durch Gewaltenteilung – Montesquieu und der moderne Verfassungsstaat, JuS 2005, S. 882.

ziehende Gewalt (Exekutive) zur Sicherung von Gleichheit und Freiheit, die nach Locke bereits im ursprünglichen Naturzustand bestehen.⁶

Für Locke ist die Legislative *die erste politische Gewalt*.⁷ Er betont, dass die Legislative keine absolute und willkürliche Gewalt sei.⁸ Er schreibt: „Die Legislative [...] ist nicht eine absolute, willkürliche Gewalt über Leben und Schicksal des Volkes [...]“. ⁹ Die exekutive Gewalt ist für Locke *die zweite politische Gewalt*. Er ist der Auffassung, dass die Gewalt, Gesetze zu erlassen und die Gewalt, Gesetze auszuführen, auf keinen Fall in einer Hand liegen dürfen, da die Gefahr des Missbrauchs zu groß wäre. Deswegen sollte nach seiner Auffassung die legislative und die exekutive Gewalt getrennt werden.¹⁰ Die „dritte Gewalt“ ist *die föderative Gewalt* (Federative Power), die die Außenpolitik (auswärtige Gewalt) betrifft. Locke erklärt: „Dies enthält deshalb die Gewalt über Krieg und Frieden, über Bündnisse und all die Abmachungen mit allen Personen und Gemeinschaften außerhalb des Staates, und man kann, wenn man will, von einer föderativen Gewalt sprechen.“¹¹ In der Regel hat die Exekutive die *föderative Gewalt* inne.¹² Als „vierte Gewalt“ führt Locke die *Prärogative* (Prerogative) an. Die Prärogative ist die Gewalt für all die „Dinge, für die das Gesetz keinerlei Vorsorge treffen kann.“¹³ Locke nennt die *Prärogative* die „Macht, ohne Vorschrift des Gesetzes zu handeln, zuweilen sogar gegen das Gesetz, nach eigener Entscheidung für das öffentliche Wohl zu handeln.“¹⁴

Im Ergebnis hat Locke bloß eine Teilung der Gewalt in *Legislative und Exekutive*. Die *Föderative* wie auch die *Prärogative* sind Gewalten, die der Träger der Exekutive ausüben muss. Von einer getrennten gerichtlichen Gewalt hat Locke nicht gesprochen.

Die klassische Dreiteilung der Staatsgewalt in *Legislative, Exekutive und Judikative* wurde von dem französischen Schriftsteller Montesquieu (1689–1755) in seinem Werk *De l'esprit des lois* (Vom Geist der Gesetze, 1748) entwickelt.¹⁵

Für Montesquieu ist es eine geschichtliche Tatsache, dass *Menschen zum Machtmissbrauch* neigen. Der Zweckgedanke der Gewaltenteilung ist deshalb die Vermeidung von Machtmissbrauch und damit als Grundlage von Freiheit und Sicherheit geschaffen werden. Er hatte Menschen „mit *Machtstreben vor Augen*“, als er die Sätze formulierte: „Politische Freiheit findet sich nur in gemäßigten Regierungsformen. Aber sie ist nicht immer in den gemäßigten Staaten vorhanden. Sie findet sich dort nur dann, wenn man die Macht nicht missbraucht; aber es ist eine ewige Erfahrung, dass jeder, der Macht hat, ihrem Missbrauch geeignet ist: er geht so weit, bis er auf Schranken stößt. So unwahrscheinlich es klingt: selbst die Tugend bedarf der Begrenzung.“¹⁶

Das sechste Kapitel dieses Buches beginnt mit dem berühmt gewordenen Satz: „In jedem Staat gibt es drei Arten von Gewalt: die gesetzgebende Gewalt, die vollziehende Gewalt in Ansehung

⁶ Vgl. Walter, Locke zur Einführung, 1996, S. 97 f.

⁷ Er schreibt: „So ist das erste und grundlegende positive Gesetz aller Staaten die Begründung der legislativen Gewalt.“ (Siehe Locke, Zwei Abhandlungen über die Regierung, Ausgabe (7. Aufl.) 1998, § 134, S. 283).

⁸ Vgl. Walter, Locke zur Einführung, 1996, S. 99 f.

⁹ Locke, Zwei Abhandlungen über die Regierung, Ausgabe (7. Aufl.) 1998, § 135, S. 284.

¹⁰ Er schreibt: „Bei der Schwäche der menschlichen Natur, die stets bereit ist, nach der Macht zu greifen, würde es jedoch eine zu große Versuchung sein, wenn dieselben Personen, die die Macht haben, Gesetze zu geben, auch noch die Macht in die Hände bekämen, diese Gesetze zu vollstrecken.“ (Siehe Locke, Zwei Abhandlungen über die Regierung, Ausgabe (7. Aufl.) 1998, § 144, S. 291 f.)

¹¹ Locke, Zwei Abhandlungen über die Regierung, Ausgabe (7. Aufl.) 1998, § 146, S. 292.

¹² Er schreibt: „Die exekutive und föderative Gewalt können doch kaum getrennt und gleichzeitig in die Hände verschiedener Personen gelegt werden.“; vgl. Locke, Zwei Abhandlungen über die Regierung, Ausgabe (7. Aufl.) 1998, § 148, S. 293.

¹³ Locke, Zwei Abhandlungen über die Regierung, Ausgabe (7. Aufl.) 1998, § 159, S. 301.

¹⁴ Locke, Zwei Abhandlungen über die Regierung, Ausgabe (7. Aufl.) 1998, § 160, S. 302.

¹⁵ Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 938.

¹⁶ Montesquieu, Vom Geist der Gesetze, Bd. 1, Ausgabe (2. Aufl.) 1992, Buch XI, Kap. 4, S. 213.

der Angelegenheiten, die Völkerrechte abhängen [Exekutive] und die vollziehende Gewalt hinsichtlich der Angelegenheiten, die vom bürgerlichen Recht abhängen [Judikative].“¹⁷

Montesquieu versteht unter Dreiteilung der Gewalten nicht nur eine Verteilung der Staatsgewalt selbst, sondern z.T. auch personelle Gewaltenteilung. Er erklärt: „Wenn in derselben Person oder der gleichen obrigkeitlichen Körperschaft die gesetzgebende Gewalt mit der vollziehenden vereinigt ist, gibt es keine Freiheit; denn es steht zu befürchten, dass derselbe Monarch oder derselbe Senat tyrannische Gesetze macht, um sie tyrannisch zu vollziehen.“¹⁸

Es kann also nach Montesquieu keine Freiheit geben, wenn die richterliche Gewalt von der gesetzgebenden und der vollziehenden nicht getrennt ist.¹⁹

Die vollziehende Gewalt liegt nach Montesquieu am besten in der Hand eines Monarchen, weil dieser Teil der Staatsgewalt oft sofortige Handeln erfordert.²⁰ Die Legislative sollte nach seiner Auffassung bei der Volksvertretung sowie bei der Vertretung des Adels liegen.²¹

Die Theorie Montesquieus der Dreiteilung, der gegenseitigen Kontrollen und des Zusammenwirkens der Staatsgewalt um der Freiheit willen zu sichern und die Willkür zu verhindern, ist bis in die Gegenwart grundlegend geblieben.²²

II. Gewaltenteilung im deutschen Grundgesetz

Die Gewaltenteilung ist ein tragendes Organisations- und Funktionsprinzip des Grundgesetzes.²³ Das Grundgesetz fordert keine „absolute Trennung“, sondern „die gegenseitige Kontrolle, Hemmung und Mäßigung der Gewalten“.²⁴ Die Gewaltenteilung ist in Art. 20 Abs. 2 Satz 2 und Abs. 3 GG²⁵ sowie auch in Art. 1 Abs. 3 GG²⁶ normiert, aber es gibt im Grundgesetz keine eigenen Definitionen für die Gesetzgebung, die vollziehende Gewalt sowie die Rechtsprechung.

1. Gewaltenteilung nach Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG

Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG lautet: „Sie [Alle Staatsgewalt] wird vom Volke in Wahlen und Abstimmungen und durch besondere Organe der Gesetzgebung, der vollziehenden Gewalt und der Rechtsprechung ausgeübt.“ Nach dieser Vorschrift wird die Staatsgewalt durch „besondere Organe der Gesetzgebung, der vollziehenden Gewalt und der Rechtsprechung“ ausgeübt.

¹⁷ Montesquieu, Vom Geist der Gesetze, Bd. 1, Ausgabe (2. Aufl.) 1992, Buch XI, Kap. 6, S. 214.

¹⁸ Montesquieu, Vom Geist der Gesetze, Bd. 1, Ausgabe (2. Aufl.) 1992, Buch XI, Kap. 6, S. 215.

¹⁹ Er betont: „Es gibt ferner keine Freiheit, wenn die richterliche Gewalt nicht von der gesetzgebenden und vollziehenden getrennt ist. Ist sie mit der gesetzgebenden Gewalt verbunden, so wäre die Macht über Leben und Freiheit der Bürger willkürlich, weil der Richter Gesetzgeber wäre. Wäre sie mit der vollziehenden Gewalt verknüpft, so würde der Richter die Macht eines Unterdrückers haben. Alles wäre verloren, wenn derselbe Mensch oder die gleiche Körperschaft der Großen, des Adels oder des Volkes diese drei Gewalten ausüben würde: die Macht, Gesetze zu geben, die öffentlichen Beschlüsse zu vollstrecken und die Verbrechen oder die Streitsachen der einzelnen zu richten. Siehe Montesquieu, Vom Geist der Gesetze, Bd. 1, Ausgabe (2. Aufl.) 1992, Buch XI, Kap. 6, S. 215.

²⁰ Er schreibt: „Die vollziehende Gewalt muss in den Händen eines Monarchen liegen. Denn dieser Teil der Regierung, der fast immer der augenblicklichen Handlung bedarf, ist besser durch einen als durch mehrere verwaltet.“ (Siehe Montesquieu, Vom Geist der Gesetze, Bd. 1, Ausgabe (2. Aufl.) 1992, Buch XI, Kap. 6, S. 221).

²¹ Er schreibt: „[...] So wird die gesetzgebende Gewalt sowohl der Körperschaft des Adels wie der gewählten Körperschaft, welche das Volk repräsentiert, anvertraut sein. Beide werden ihre Versammlungen und Beratungen getrennt führen, mit gesonderten Ansichten und Interessen.“ (Siehe Montesquieu, Vom Geist der Gesetze, Bd. 1, Ausgabe (2. Aufl.) 1992, Buch XI, Kap. 6, S. 220).

²² Vgl. F. Ossenbühl, Aktuelle Probleme der Gewaltenteilung, DÖV 1980, S. 546.

²³ „Die in Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG normierte Teilung der Gewalten ist für das Grundgesetz ein tragendes Organisations- und Funktionsprinzip“ (Siehe: BVerfG, Urteil vom 18. Dezember 1953, BVerfGE 3, 225 [247]).

²⁴ BVerfG, Beschluss vom 17. Juli 1996, BVerfGE 95, 1 (15).

²⁵ Art. 20 Abs. 3 GG lautet: „Die Gesetzgebung ist an die verfassungsmäßige Ordnung, die vollziehende Gewalt und die Rechtsprechung sind an Gesetz und Recht gebunden.“

²⁶ Art. 1 Abs. 3 GG lautet: „Die nachfolgenden Grundrechte binden Gesetzgebung, vollziehende Gewalt und Rechtsprechung als unmittelbar geltendes Recht.“

Das Grundgesetz gebietet in Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG die Errichtung „*besonderer*“ Organe, also „*voneinander, gesonderter*“²⁷ Organe, um die sachlichen Funktionen der drei Gewalten erfüllen zu können. Organe sind damit *Organe im juristischen Sinn* gemeint, die sich auszeichnen „*durch ihre organisatorische Verselbständigung zur Wahrnehmung einer jeweils spezifischen Aufgabe und ihre Unabhängigkeit vom Wechsel ihrer (Amts-) Inhaber (Organ Walter)*“.²⁸ Sie besitzen keine Rechtsfähigkeit (rechtliche Selbständigkeit); vielmehr berechtigen und verpflichten sie *den Rechtsträger* (die juristische Person), dem sie angehören (also z.B. den Bund oder ein Land).²⁹

a. Die Gesetzgebung

Gesetzgebung (Gesetzgebende Gewalt/Legislative) ist nach Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG neben vollziehender Gewalt und Rechtsprechung ein Teil der Staatsgewalt.

Die Legislative wird insb. durch *die Parlamente* wahrgenommen (Bundestag, Landtage)³⁰ und erfüllt die Normierung der Rechtsordnung, die für Bürger und Behörden ein *Sollen* (eine dauerhafte Regelung des Zusammenlebens in Bezug auf *künftige Sachverhalte*)³¹ enthalten.

b. Die vollziehende Gewalt

Die vollziehende Gewalt (Exekutive) stellt gemäß Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG nach der gesetzgebenden und vor der rechtsprechenden Gewalt, die sog. „*zweite*“ *Staatsgewalt* dar.³²

Die Exekutive zeichnet sich durch „*ein breit gefächertes Aufgabenfeld und durch differenzierte Strukturen sowie vielfältige Organisationsformen*“³³ aus; daher ist eine aussagekräftige positive Begriffsbestimmung bislang nicht recht gelungen. Stattdessen verwendet man eine *Negativdefinition*³⁴, wonach man unter der Exekutive *alle Staatsgewalt, die nicht Gesetzgebung und nicht Rechtsprechung ist*, versteht.³⁵

Die Arbeit der vollziehenden Gewalt liegt *in der Gegenwart*.³⁶ Die vollziehende Gewalt erfüllt die Funktionen von *Regierung* (staatsleitende politische Programmierung und Gesetzesvorbereitung als besondere Staatsfunktion) und *Verwaltung* (individualisierender Vollzug der Gesetze).³⁷ Beim Erlass von Rechtsverordnungen gemäß Art. 80 Abs. 1 Satz 1 GG³⁸ hat die Bundesregierung in der parlamentarischen Demokratie von der Ermächtigung des Parlaments auch z.T. „*Gesetzgebungskompetenz*“.

c. Judikative

Die Rechtsprechung (Judikative) gehört zur *Rechtspflege*³⁹ und ist nach Art. 92 GG⁴⁰ im Rahmen der Gerichtsbarkeit den Richtern anvertraut. Sie kontrolliert die Verfassungsmäßigkeit

²⁷ Vgl. Jarass/Pieroth, Grundgesetz für die Bundesrepublik Deutschland – Kommentar, 11. Aufl., 2011, Art. 20, Rn. 24 f.; Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 916.

²⁸ Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 950.

²⁹ Nach der Auffassung von Gröpl und u.a. seien Staatsorgane Organe des Staates (Bund oder Land), nicht Organe sonstiger juristischer Personen (z.B. der Bürgermeister einer Gemeinde); vgl. Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 951 f.

³⁰ Ipsen, Staatsrecht I, 23. Aufl., 2011, Rn. 756.

³¹ Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 946.

³² Ipsen, Allgemeines Verwaltungsrecht, 7. Aufl. 2011, Rn. 46 ff.; Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 1360.

³³ Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 1360; Degenhart, Staatsrecht I, 27. Aufl., 2011, Rn. 282.

³⁴ Degenhart, Staatsrecht I, 27. Aufl., 2011, Rn. 282; Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 1360.

³⁵ Creifelds, Rechtswörterbuch, 19. Aufl., 2007, S. 1327; Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 1360 f.; Degenhart, Staatsrecht I, 27. Aufl., 2011, Rn. 282.

³⁶ Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 947.

³⁷ Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 918, Rn. 947; Ipsen, Staatsrecht I, 23. Aufl., 2011, Rn. 757.

³⁸ Art. 80 Abs. 1 Satz 1 GG lautet: „Durch Gesetz können die Bundesregierung, ein Bundesminister oder die Landesregierungen ermächtigt werden, Rechtsverordnungen zu erlassen.“.

³⁹ Degenhart, Staatsrecht I, 27. Aufl., 2011, Rn. 284.

(Art. 100 GG) und die korrekte Anwendung der Gesetze (Art. 93 u.a.m.) und trifft verbindliche Entscheidungen über *vergangene Sachverhalte*.⁴¹

2. Horizontale und vertikale Gewaltenteilung

a. Horizontale Gewaltenteilung

Horizontale (rechtsstaatliche) Gewaltenteilung meint die klassische dreigliedrige Gewaltenteilung in Legislative (gesetzgebende Gewalt), Exekutive (vollziehende Gewalt) und Judikative (rechtsprechende Gewalt).⁴² Sie ist im Grundgesetz in Art. 1 Abs. 3, Art. 20 Abs. 2 Satz 2 und Abs. 3 GG u.a.m. verankert. Die drei Gewalten stehen grdsl. *gleichrangig* nebeneinander, es besteht kein Verhältnis der Über-Unterordnung.⁴³

Es ergibt sich folgendes Schaubild:

Legislative insb. Parlament	Exekutive Regierung (Gubernative) Verwaltung (Administrative)	Judikative Rechtsprechung
<i>Dynamische Elemente, starker politischer Einfluss</i>	<i>Statische Elemente</i>	

b. Vertikale Gewaltenteilung

In Deutschland existiert außer der klassischen dreigliedrigen Gewaltenteilung zusätzlich die *vertikale (bundesstaatliche) Gewaltenteilung*⁴⁴ in Art. 30 ff., 70 ff. GG u.a.m., also die Aufteilung der Staatsgewalt zwischen Bund und Ländern (mit Kommunen). Sie ergibt sich aus der *Bundesstaatlichkeit*⁴⁵ gem. Art. 20 Abs. 1 GG.⁴⁶

3. Funktionelle, organisatorische und personelle Gewaltenteilung

a. Funktionelle Gewaltenteilung

Funktionelle Gewaltenteilung meint die *Unterteilung der Gewalten nach ihren Aufgaben*, also die Unterteilung in gesetzgebende, vollziehende und rechtsprechende Gewalt (Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG).⁴⁷

b. Organisatorische Gewaltenteilung

Organisatorische Gewaltenteilung meint die Einrichtung von *gesonderten* Organen, die die Aufgaben der drei Gewalten (Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG) wahrnehmen sollen, z.B. Bundestag, Bundesrat, Bundesregierung, Bundesverfassungsgericht usw.⁴⁸ Hinzu kommt, dass Staatsorgane i.d.R. nicht einheitlich nur einer Funktion zugeordnet sind. So werden wie etwa die legislativen Aufgaben zwar in erster Linie vom Bundestag wahrgenommen (Art. 77 Abs. 1 Satz 1 GG), am Gesetzgebungs-

⁴⁰ Art. 92 GG lautet: „Die rechtsprechende Gewalt ist den Richtern anvertraut; sie wird durch das Bundesverfassungsgericht, durch die in diesem Grundgesetze vorgesehenen Bundesgerichte und durch die Gerichte der Länder ausgeübt.“

⁴¹ Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 948; Degenhart, Staatsrecht I, 27. Aufl., 2011, Rn. 284.

⁴² Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 942.

⁴³ Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 942.

⁴⁴ Die *Vertikale Gewaltenteilung* werde ich nicht in dieser Workshop-arbeit vertiefen.

⁴⁵ Art. 20 Abs. 1 GG lautet: „Die Bundesrepublik Deutschland ist ein demokratischer und sozialer Bundesstaat.“

⁴⁶ R. Wank, Gewaltenteilung, Jura 1991, S. 624; Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 942 ff.

⁴⁷ Vgl. Jarass, Politik und Bürokratie als Elemente der Gewaltenteilung, 1975, S. 5 f.

⁴⁸ Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 946 ff.; Jarass, Politik und Bürokratie als Elemente der Gewaltenteilung, 1975, S. 13.

verfahren sind jedoch *auch Bundesrat und Bundesregierung* beteiligt. Exekutive Funktionen erfüllt v.a. die Bundesregierung, z.T. aber *auch der Bundespräsident*.⁴⁹

c. Personelle Gewaltenteilung

Neben der funktionalen und der organisatorischen Gewaltenteilung, gibt es noch die *personelle Gewaltenteilung*.⁵⁰ Danach dürfen die *Organwalter* (also die Personen, die die Funktionen ausüben, die den Organen zugewiesen sind) grds. nicht zugleich einem anderen Organ angehören.⁵¹ Nach Art. 94 Abs. 1 Satz 3 GG⁵² dürfen die Richter des Bundesverfassungsgerichts weder dem Bundestag, dem Bundesrat, der Bundesregierung noch entsprechenden Organen eines Landes angehören. Für die Richter aller anderen Gerichte ist ähnliches einfachgesetzlich bestimmt, und zwar durch § 4 des Deutschen Richtergesetzes (DRiG).⁵³

Im Bereich von Legislative und Exekutive besteht die *Inkompatibilität* von (exekutivem) Amt und (Abgeordneten) Mandat. Verfassungsrechtliche Regelungen hierzu finden sich in Art. 55⁵⁴ und Art. 137 Abs. 1 GG.⁵⁵

4. Die Gewaltenverschränkung und die Ausprägungen der Gewaltenteilung

Der Zweck der Gewaltenteilung liegt darin, Staatsgewalt zu begrenzen und zu kontrollieren (checks and balances) und somit einem Machtmissbrauch entgegenzutreten. Im Grundgesetz existiert auch diese solche *Gewaltenverschränkung*, durch die *ein wirkungsvolles System von „checks and balances“* entsteht, bspw. bei der Abhängigkeit der Bundesregierung von der Mehrheit im Bundestag (Art. 63, 67, 68 GG)⁵⁶ sowie beim Gesetzgebungsverfahren (Art. 76 ff. GG).

Neben der *Gewaltenverschränkung* bestehen auch im Grundgesetz die anderen *Ausprägungen der Gewaltenteilung*, z.B. das Mehrparteiensystem (Art. 21 GG), die Kompetenzen des Bundesrats und Verwaltung in Gesetzgebung (Art. 50 ff., 77, 80 Abs. 2, 3 GG), der Wettbewerb von Parlamentsmehrheit (Art. 42 Abs. 2, Art. 63, 67, 68 GG) und Parlamentsminderheit, die Verfassungsgerichtbarkeit in der Kontrolle von Gesetzen und Verfassungsorganen (Art. 93, 94 GG), Einfluss der Medien (Art. 5 Abs. 1 Satz 2 GG) und von Versammlungen (Art. 8 GG) usw.⁵⁷

⁴⁹ Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 953 ff.

⁵⁰ Siehe schon Montesquieu, Vom Geist der Gesetze Bd. 1, Ausgabe (2. Aufl.) 1992, Buch XI, Kap. 6, S. 215.

⁵¹ Battis/Gusy, Einführung in das Staatsrecht, 5. Aufl., 2011, Rn. 238 f.; Ipsen, Staatsrecht I Staatsorganisationsrecht, 23. Aufl., 2011, Rn. 760; Gröpl, Staatsrecht I, 3. Aufl., 2011, Rn. 955 ff.

⁵² Art. 94 Abs. 1 Satz 3 GG lautet: „Sie [die Mitglieder des Bundesverfassungsgerichtes] dürfen weder dem Bundestage, dem Bundesrate, der Bundesregierung noch entsprechenden Organen eines Landes angehören.“

⁵³ Nach § 4 Abs. 1 des Deutschen Richtergesetzes (Datum des Gesetzes: 8. September 1961, Fundstelle: BGBl. I S. 1665, Inkrafttreten am: 1. Juli 1962) darf ein Richter Aufgaben der rechtsprechenden Gewalt und Aufgaben der gesetzgebenden oder der vollziehenden Gewalt *nicht zugleich* wahrnehmen.

⁵⁴ Art. 55 GG lautet: „(1) Der Bundespräsident darf weder der Regierung noch einer gesetzgebenden Körperschaft des Bundes oder eines Landes angehören. (2) Der Bundespräsident darf kein anderes besoldetes Amt, kein Gewerbe und keinen Beruf ausüben und weder der Leitung noch dem Aufsichtsrat eines auf Erwerb gerichteten Unternehmens angehören.“

⁵⁵ Art. 137 Abs. 1 GG lautet: „Die Wählbarkeit von Beamten, Angestellten des öffentlichen Dienstes, Berufssoldaten, freiwilligen Soldaten auf Zeit und Richtern im Bund, in den Ländern und den Gemeinden kann gesetzlich beschränkt werden.“

⁵⁶ Zum Beispiel: Der Bundeskanzler ist vom Vertrauen des Parlaments abhängig. Er kann durch ein konstruktives Misstrauensvotum gestürzt werden (vgl. Art. 63, 67 GG).

⁵⁷ Siehe R. Wank, Gewaltenteilung, Jura 1991, S. 627 f.; Battis/Gusy, Einführung in das Staatsrecht, 5. Aufl., 2011, Rn. 242 f.

B. Gewaltenteilung in der Vietnamesischen Verfassung 1946 und das Prinzip des demokratischen Zentralismus in den Vietnamesischen Verfassungen 1959, 1980, 1992

I. Die Verfassung 1946 und Elemente der Gewaltenteilung

Am Anfang des 20. Jh. gab es viele Reformer z.B. Phan Boi Chau (1867–1940), Phan Chu Trinh (1872–1962), Phan Van Truong (1876–1933), Nguyen Van Vinh (1882–1990), Ho Chi Minh (1890–1969), Nguyen An Ninh (1900–1943), Phan Anh (1912–1990), Pham Quynh (1892–1945), Bui Quang Chieu (1872–1945), die eine neue Verfassung für Vietnam gefordert haben.⁵⁸ Diese Reformer diskutierten viel über Themen wie „Demokratie“, „Gewaltenteilung“ und „Regierungssystem“. ⁵⁹ Viele neue Abhandlungen in Bezug auf die Verfassung wie z.B. *Phan Chau Trinh*, Demokratie für Vietnam (1925), *Phan Boi Chau*, Vietnam – ein neues Land (1907); *Nguyen An Ninh*, *Phan Van Truong*, Zivilisation in Europa (1928), *Ho Chi Minh*, Forderung einer demokratischen Verfassung für Vietnam (1922), *Phan Anh*, Präsidiale Republik, (1942) usw. wurden publiziert.⁶⁰

Nach der Augustrevolution 1945 proklamierte *Ho Chi Minh* am 2. September 1945 die Unabhängigkeitserklärung der Demokratischen Republik Vietnam. Die erste Nationalversammlung (1946–1960), die am 6. Januar 1946 gewählt wurde, bestand aus 403 Abgeordneten (190 davon waren Mitglieder der kommunistischen Partei, 70 Mitglieder der anderen Parteien – Viet Quoc und Viet Cach, 143 keine Mitglieder der Parteien).⁶¹ Um die Unabhängigkeit des Landes zu bestätigen, wurde die erste Vietnamesische Verfassung⁶² am 9. November 1946 durch die Nationalversammlung verabschiedet. Diese trat aber wegen des Krieges mit Frankreich (1946–1954) nicht in Kraft.⁶³

Viele Rechtswissenschaftler sind der Auffassung, dass die Verfassung 1946 die Machtkonzentration als das Grundprinzip der Staatsorganisation hat, weil der Staatspräsident⁶⁴ vom Parlament gewählt wurde (Art. 45 Satz 1 VV 1946).⁶⁵ Meiner Meinung nach hatte diese Verfassung aber auch Elemente der rechtsstaatlichen Gewaltenteilung, denn sie hat z.T. die Dreiteilung der staatlichen

⁵⁸ Trần Văn Giàu, Entwicklung der Theorien in Vietnam seit dem 19. Jahrhundert bis zur Augustrevolution, Bd. 2, Hanoi, 1973, S. 26.

⁵⁹ In dieser Zeit wurden auch die Abhandlungen „*De l'esprit des lois*“ (Vom Geist der Gesetze, *Montesquieu*) und „*Du contrat social ou principes du droit politique*“ (Vom Gesellschaftsvertrag oder Prinzipien des politischen Rechtes, *Rousseau*) ins Vietnamesische mit dem Titel „*Van phap tinh ly*“ und „*Xa uoc*“ übersetzt. (Siehe: *Phan Đăng Thanh*, Gedanken über die Verfassung in Vietnam am Anfang des 20. Jahrhunderts, Hanoi, 2006, S. 7ff.).

⁶⁰ *Phan Dang Thanh*, Gedanken über Verfassung in Vietnam am Anfang des 20. Jahrhunderts [Tu tuong lap hien Vietnam nua dau the ky 20], Hanoi, 2006, 2006, S. 7ff.

⁶¹ Die Vietnamesische Nationalversammlung, Geschichte der Vietnamesischen Nationalversammlung, 2005, Bd. 1, S. 26 f.

⁶² Nach der Entscheidung Nr. 34/SL-1945 am 20. September 1945 (Keine amtliche Fundstelle vorhanden; abgedruckt aber in: *Die Vietnamesische Nationalversammlung*, Geschichte der Vietnamesischen Nationalversammlung, 2005, Bd. 1, S. 468 f.) sind die Väter der Verfassung 1946 Ho Chi Minh (1890–1969), Vinh Thuy (1913–1997), Dang Thai Mai (1902–1984), Vu Ngoc Khanh (1912–1996), Le Van Hien (1904–1997), Nguyen Luong Bang (1904–1979), Dang Xuan Khu (1907–1988). Sie sind Mitglieder der unterschiedlichen Parteien.

⁶³ Keine amtliche Fundstelle vorhanden; abgedruckt aber in: Nationalversammlung, Vietnamesische Verfassung (Textsammlung), Hanoi, 2001, S. 5 ff.

⁶⁴ Nach der Vietnamesischen Verfassung 1946 war der Präsident nicht nur Staatsoberhaupt (Art. 49 lit. a VV 1946), sondern auch Vorsitzender der Regierung (Art. 44 VV 1946).

⁶⁵ Zum Beispiel etwa Nguyễn Thị Hương, Die Verfassung 1946: die positiven und negativen Aspekte, Tạp chí Tia sáng, veröffentlicht am 12. Dezember 2011, um 3:41 Uhr, abrufbar unter:

<http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=116&News=4708&CategoryID=42>, abgerufen am 18. Dezember 2011; anders Nguyễn Minh Tuấn, Die Verfassung 1946: Die Mäßigung und das Gleichgewicht der Staatsgewalt, Tạp chí Tia sáng, veröffentlicht am 14. Dezember 2011, um 8:17 Uhr, abrufbar unter:

<http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=116&CategoryID=42&News=4720>, abgerufen am 19. Dezember 2011; Phạm Hồng Thái, Volksmacht und Staatsgewalt in den Vietnamesischen Verfassungen, Dai hoc Quoc gia Ha noi, Nr. 25/2009, S. 1 f.

Funktionen, die Mäßigung der Staatsgewalt sowie das Gleichgewicht der Gewalten (checks and balances) ausgedrückt.⁶⁶

Das Parlament besaß die *legislative* Gewalt (Art. 23 VV 1946); die Regierung war das *höchste Verwaltungsorgan* des Landes – die *exekutive Gewalt* (Art. 43 VV 1946) und die Gerichte besaß die *judikative* Gewalt (Art. 63 VV 1946). Das Parlament wählte den Staatspräsidenten (Art. 45 Satz 1 VV 1946), aber dieser besaß *Immunität* außer bei einer besonders schweren Straftat (Art. 50 VV 1946). Das heißt, der Staatspräsident war grds. dem Parlament nicht verantwortlich. Nach der Verfassung 1946 war der Staatspräsident nicht nur Staatsoberhaupt (Art. 49 lit. a VV 1946), sondern auch Vorsitzender der Regierung (Art. 44 VV 1946). Die Richter werden von der Regierung berufen (Art. 64 VV 1946), aber bei der Rechtsprechung sind Richter frei von Weisungen von anderen Staatsorganen und nur dem Gesetz unterworfen (Art. 69 VV 1946).

Das Vetorecht des Staatspräsidenten: Der Staatspräsident hat das Vetorecht, also das Recht auf aufschiebende Wirkung. Gemäß Art. 31 VV verliert dieses Vetorecht seine Wirkung, wenn das Parlament über das ursprüngliche Gesetz, eventuell mit einer qualifizierten Mehrheit, abstimmt.

Das Misstrauensvotum: Das Kabinett kann sein Vertrauen des Parlaments verlieren: Nach Art. 54 Satz 4 VV 1946 kann das Parlament dem Kabinett das Misstrauen aussprechen, das dann zurücktreten muss. Außerdem kann jeder Minister sein Vertrauen durch das Parlament verlieren. Danach muss er auch zurücktreten (Art. 54 Satz 1 VV 1946).

Die Auflösung des Parlaments: Das Parlament kann sich selbst auflösen, wenn zwei Drittel der Abgeordneten zustimmen (Art. 33 VV 1946).

Maßgebliche Steuerung des gesamten Gesetzgebungsprozesses durch die Regierung von der Initiative bis zur Ausführung: Die Regierung initiiert Gesetze (Art. 52 lit. b VV 1946) und vollzieht die Gesetze sowie Parlamentsbeschlüsse (Art. 52 lit. a VV 1946).

Darüber hinaus legt die Verfassung auch die anderen Vorschriften fest, die die Mäßigung der Staatsgewalt ausdrücken. Verfassungsrechtliche Regelungen finden sich in Art. 40 VV 1946 (freies Mandat der Abgeordneten), in Art. 69 VV 1946 (die Unabhängigkeit der Richter, Freiheit von Weisungen), sowie in Art. 47 VV 1946 (Die Abgeordneten dürfen nicht gleichzeitig Mitglieder der Regierung sein).

II. Gründe für den Erlass der Verfassungen 1959, 1980 und 1992

Aus politischem Grund wurde die bereits 1946 beschlossene Verfassung nach dem Krieg (gegen Frankreich) nicht anerkannt und vollzogen. Die Präambel der Verfassung 1959 lautet: „Die Verfassung 1946 ist fertig mit ihren Aufgaben. Wir brauchen eine neue Verfassung zum Aufbau des Sozialismus.“⁶⁷ Die Frage, warum die Verfassung 1946 – die wegen des Krieges nicht in Kraft trat – „fertig mit ihren Aufgaben“ sein konnte, bleibt noch unerklärt und verborgen.⁶⁸

Die Vietnamesische Verfassung 1959⁶⁹ war die der Übergangsperiode zum Aufbau des Sozialismus im Norden von Vietnam. In der Präambel der Verfassung 1959 wird die einzigartige Führungsrolle der Kommunistischen Partei⁷⁰ u.a. mit der Schlacht von Dien Bien Phu 1954 begründet.⁷¹ Seit

⁶⁶ Vgl. Nguyễn Minh Tuấn, Die Verfassung 1946: Die Mäßigung und das Gleichgewicht der Staatsgewalt, Tạp chí Tia sáng, veröffentlicht am 14. Dezember 2011, um 8:17 Uhr, abrufbar unter: <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=116&CategoryID=42&News=4720>, abgerufen am 19. Dezember 2011.

⁶⁷ Wortlaut der Präambel der Verfassung 1959: „Hiến pháp năm 1946 đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử. Chúng ta cần có một Hiến pháp mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội.“

⁶⁸ Nguyễn Đăng Dung, Vietnamesisches Staatsrecht, 2006, Kap. IV, S. 60.

⁶⁹ Die Vietnamesische Verfassung 1959, Datum der Verfassung: 31. Dezember 1959, Fundstelle: VGBl. Nr. 1/1960 S. 1 f., Inkrafttreten: 16. Januar 1960 bis 19. Dezember 1980.

⁷⁰ Seit 1951 nach der Selbstauflösung der anderen Parteien (Viet Quoc und Viet Cach) existiert in Vietnam eine einzige Partei - die Vietnamesische Kommunische Partei (KPV) (Siehe Nguyễn Đăng Dung, Vietnamesisches Staatsrecht, 2006, Kap. IV, S. 61).

dieser Verfassung existierten die *Vorschriften bezüglich der Mäßigung der Staatsgewalt sowie das Gleichgewicht der Gewalten in der Verfassung 1946*⁷² nicht mehr.

Die Vietnamesische Verfassung 1980⁷³ war die der Übergangsperiode zum Aufbau des Sozialismus des ganzen Landes nach der Wiedervereinigung. Sie war „eine Kopie“⁷⁴ des Verfassungsmodells der UdSSR von 1977.⁷⁵ Die heute noch geltende Verfassung 1992⁷⁶ ist die der „Reformation“ (so genannte „Doi Moi“). Die Präambel dieser Verfassung stellt sich inhaltlich in „das helle Licht des Marxismus-Leninismus“ sowie „der Lehre Ho Chi Minhs“ und sieht das Land weiterhin in einer Übergangsperiode zum Sozialismus.⁷⁷

III. „Demokratischer Zentralismus“ statt „Gewaltenteilung“ in den Vietnamesischen Verfassungen 1959, 1980, 1992

Die Vietnamesischen Verfassungen 1959, 1980 und 1992 folgen mehr oder weniger dem Verfassungsmodell der Sowjetunion, v.a. dem Prinzip des Demokratischen Zentralismus.⁷⁸ Ho Chi Minh⁷⁹ war der Auffassung, dass es des „demokratischen Zentralismus“ –ein von Marx und Engels begründetes und von Lenin entwickeltes Grundprinzip der Organisation und Leitung der kommunistischen

⁷¹ Die Präambel der Verfassung 1959 lautet: „Seit 1930 führte unser Volk unter der Leitung der vom Präsidenten Ho Chi Minh gegründeten und gestählten Kommunistischen Partei Vietnams einen langen und opferreichen revolutionären Kampf und vollendete die Augustrevolution siegreich. Am 2. September 1945 verlas der Präsident Ho Chi Minh die Unabhängigkeitserklärung. Damit war die Demokratische Republik Vietnam geboren. [...] Im Anschluss daran hat unser Volk mit all seinen Nationalitäten einen unaufhörlichen Kampf geführt, darin tatkräftig unterstützt von Freunden der sozialistischen Länder; es hat großartige Siege, so in der Schlacht von Dien Bien Phu errungen“.

⁷² Zum Beispiel: die Immunität der Staatspräsidenten (Art. 50 VV 1946), das Vetorecht des Staatspräsidenten (Art. 31 VV 1946), das Misstrauensvotum (Art. 54 Satz 4 VV 1946), die Auflösung des Parlaments (Art. 33 VV 1946), das freie Mandat der Abgeordneten (Art. 40 VV 1946), die Freiheit von Weisungen der Richter (Art. 69 VV 1946), sowie die Inkompatibilität der Mitglieder der Regierung (Art. 47 VV 1946) u.s.w.

⁷³ Die Vietnamesische Verfassung 1980, Datum der Verfassung: 18. Dezember 1980, Fundstelle: VGBI. Nr. 21/1980 S. 2 f., Inkrafttreten: 19. Dezember 1980 bis 18. April 1992.

⁷⁴ Phạm Hồng Thái, Volksmacht und Staatsmacht in der Vietnamesischen Verfassungen, Đại học Quốc gia Hà nội, Nr. 25/2009, S. 3 f.

⁷⁵ Die Präambel der Verfassung 1980 lautet: „Am 2. Juli 1976 beschloss die Nationalversammlung des wiedervereinigten Vietnam, sich den Namen Sozialistische Republik Vietnam zu geben; das ganze Land trat nun in die Übergangsperiode zum Aufbau des Sozialismus ein, unternahm alle Anstrengungen, das Land aufzubauen, das Vaterland standhaft zu verteidigen und gleichzeitig seinen internationalen Pflichten nachzukommen.“

⁷⁶ Die Vietnamesische Verfassung 1992, Datum der Verfassung: 15. April 1992, Fundstelle: VGBI. Nr. 8/1992 S. 3 f., Inkrafttreten: 18. April 1992. Sie gliedert sich in 12 Teile: Kapitel I: Das politische System (Art. 1–14), Kapitel II: Das ökonomische System (Art. 15–29); Kapitel III: Kultur, Bildung, Wissenschaft und Technologie (Art. 30–43); Kapitel IV: Verteidigung (Art. 44–48); Kapitel V: Grundrechte und –pflichten der Bürger (Art. 49–82); Kapitel VI: Die Nationalversammlung (Art. 83–100); Kapitel VII: Der Staatspräsident (Art. 101–108); Kapitel VIII: Die Regierung (Art. 109–117); Kapitel IX: Volksräte und Volkskomitees (Art. 118–125); Kapitel X: Volksgericht und Staatsanwaltschaft (Art. 126–140); Kapitel XI: Staatsflagge, -wappen, Nationalhymne, Hauptstadt, Nationalfeiertag (Art. 141–145); Kapitel XII: Geltung und Änderung der Verfassung (Art. 146–147).

⁷⁷ Die Präambel der Verfassung 1992 lautet: „Von 1986, als der Prozess der allseitigen Erneuerung durch den VI. Parteitag der Kommunistischen Partei Vietnam eingeleitet wurde, bis heute wurden bereits erste wichtige Erfolge auf diesem Weg erzielt. [...] Unter dem hellen Licht des Marxismus-Leninismus, der Lehre Ho Chi Minhs und bei Umsetzung des Programms zum Aufbau des Landes in der Übergangsperiode zum Sozialismus beschloss die Nationalversammlung, die Verfassung vom Jahre 1980 zu überarbeiten, um den Anforderungen der neuen Lage und den neuen Aufgaben gerecht zu werden.“

⁷⁸ Nguyễn Đăng Dung, Vietnamesisches Staatsrecht, 2006, Kap. IV, S. 56 f.; Phạm Hồng Thái, Volksmacht und Staatsgewalt in der Vietnamesischen Verfassungen, Đại học Quốc gia Hà nội, Nr. 25/2009, S. 3 f.

⁷⁹ Nach dem Krieg gegen Frankreich (1946–1954) hat Hồ Chí Minh – ein der Väter der Verfassung 1946 – die Unterstützung von „Freunden der sozialistischen Länder“ betont. Seine Auffassung über die Verfassung hat sich viel geändert. (Siehe Nguyễn Đăng Dung, Vietnamesisches Staatsrecht, 2006, Kap. IV, S. 65 f.).

tischen Partei⁸⁰ – bedurfte, damit die Macht in den Händen der Arbeiterklasse liege. Er schreibt: „Das Prinzip des demokratischen Zentralismus bedeutet kollektive Führung und individuelle Verantwortlichkeit. Die Partei sowie alle staatlichen Organe müssen nach dem Prinzip des demokratischen Zentralismus organisiert und ausgeübt werden.“⁸¹ Dazu äußert er: „Nach dem Prinzip des demokratischen Zentralismus werden die Nationalversammlung und Volksräte demokratisch von unten nach oben gewählt. Daneben sind alle gewählten Organe zur regelmäßigen Rechenschaftslegung über ihre Tätigkeit vor den Organen verpflichtet, durch die sie gewählt wurden. Der Vorteil dieses Prinzips ist v.a. die Einheitsbildung der Staatsgewalt für einen solchen Staat wie Vietnam, um den Frieden zu sichern.“⁸²

Vietnam hat das das Prinzip des demokratischen Zentralismus aus den Verfassungen der Union der Sozialistischen Sowjetrepubliken (UdSSR) 1936⁸³, 1977⁸⁴ übernommen.⁸⁵ Dieses Prinzip wird in Art. 4 VV 1959, Art. 6 VV 1980 und Art. 6 VV 1992 festgelegt. Art. 6 VV 1992 lautet: „Das Volk übt die Staatsgewalt durch die Nationalversammlung und die Volksräte aus. Diese Organe vertreten den Willen, die Wünsche und Erwartungen des Volkes, werden durch das Volk gewählt und sind ihm verantwortlich. Die Nationalversammlung, die Volksräte und alle anderen staatlichen Organe sind nach dem Prinzip des demokratischen Zentralismus organisiert und arbeiten nach diesem Prinzip.“

IV. „Demokratischer Zentralismus“ in der Staatsorganisation der Verfassung 1992

Art. 83 VV legt fest, dass die Nationalversammlung die höchste gewählte Körperschaft des Volkes und das höchste staatliche Machtorgan der Sozialistischen Republik Vietnam ist.⁸⁶ Diese Vorschrift zeigt ein Übergewicht der Nationalversammlung über die anderen Gewalten und drückt die Konzentration staatlicher Macht in der Nationalversammlung nach dem Prinzip des demokratischen Zentralismus in der Staatsorganisation (Art. 6 VV 1992) aus.

Gemäß Art. 88 VV 1992 müssen Gesetze und Beschlüsse der Nationalversammlung bei der Abstimmung durch mehr als die Hälfte aller Abgeordneten der Nationalversammlung gebilligt werden. Ausgenommen sind die Fälle, in denen die Nationalversammlung Abgeordnete abberuft (Art. 7⁸⁷, Art. 85⁸⁸ sowie Art. 147⁸⁹ VV 1992), in denen mindestens zwei Drittel aller Abgeordneten der Nationalversammlung in der Abstimmung zustimmen müssen.

⁸⁰ Siehe W.I. Lenin, Werksammlung, Bd. 25, 2000, S. 443; Ho Chi Minh, Werksammlung, Bd. 5, 2000, S. 501 f.

⁸¹ Hồ Chí Minh, Werksammlung, Bd. 5, 2000, S. 505.

⁸² Hồ Chí Minh, Werksammlung, 2000, Bd. 5, S. 553.

⁸³ Hồ Chí Minh, Werksammlung, 2000, Bd. 5, S. 673.

⁸⁴ Zum Beispiel: Art. 3 der Verfassung der Union der Sozialistischen Sowjetrepubliken (UdSSR) 1977 lautet: „Organisation und Tätigkeit des Sowjetstaates auf dem Prinzip des demokratischen Zentralismus beruhen: der Wählbarkeit aller Organe der Staatsmacht von unten nach oben, ihrer Rechenschaftspflicht gegenüber dem Volk, der Verbindlichkeit der Beschlüsse der übergeordneten für die nachgeordneten Organe. Der demokratische Zentralismus verbindet die einheitliche Leitung mit der Initiative und schöpferischen Aktivität im örtlichen Bereich, mit der Verantwortung jedes Staatsorgans und jedes Staatsfunktionärs für die übertragene Aufgabe. (Siehe Meisser, Die neue Bundesverfassung der UdSSR, in: Gerhard Leibholz (Hrsg.), Jahrbuch des öffentlichen Rechts der Gegenwart, Bd. 27, 1978, S. 432).

⁸⁵ Phạm Hồng Thái, Volksmacht und Staatsmacht in der Vietnamesischen Verfassungen, Đại học Quốc gia Hà nội, Nr. 25/2009, S. 1 f.

⁸⁶ Art. 83 VV 1992 lautet: „Die Nationalversammlung ist die höchste gewählte Körperschaft des Volkes und das höchste staatliche Machtorgan der Sozialistischen Republik Vietnam. Sie ist das einzige Organ, das verfassungs- und gesetzgebende Kompetenzen hat. Sie entscheidet die grundlegende Innen- und Außenpolitik, die sozio-ökonomischen Aufgaben, die wesentlichen Grundsätze für die Organisation und die Tätigkeit der Staatsgewalt und hat die Kompetenz der obersten staatlichen Kontrolle.“

⁸⁷ Art. 7 VV 1992 lautet: „Die Wahl der Abgeordneten der Nationalversammlung und der Volksräte erfolgt nach dem Prinzip der allgemeinen, gleichen, direkten und geheimen Wahl. Ein Abgeordneter der Nationalversammlung

Innerhalb der Nationalversammlung existiert gemäß Art. 90 f. VV 1992 ein Komitee (das so genannte ständige Komitee der Nationalversammlung), das von der Nationalversammlung nach Art. 84 Abs. 7 VV 1992 gewählt wird.⁹⁰

Der Staatspräsident,⁹¹ der Premierminister⁹², der Vorsitzende des obersten Volksgerichtes⁹³ und der Vorsitzende der obersten Staatsanwaltschaft⁹⁴ werden nach Art. 84 Abs. 7 VV 1992 von der Nationalversammlung gewählt.

Der Staatspräsident wird von der Nationalversammlung aus den Reihen der Abgeordneten gewählt (Art. 102 Satz 1 VV 1992). Er ist der Nationalversammlung für seine Arbeit verantwortlich und rechenschaftspflichtig (Art. 102 Satz 2 VV 1992).

Die Nationalversammlung hat das Recht [...] den Ministerpräsidenten der Regierung, [...] zu wählen (Art. 84 Abs. 7 VV 1992). Der Ministerpräsident der Regierung ist der Nationalversammlung verantwortlich und dieser, ihrem Ständigen Komitee und dem Staatspräsidenten rechenschaftspflichtig (Art. 110 VV 1992).

Die vietnamesische Regierung⁹⁵ ist nach Art. 109 Satz 1 VV 1992 *das Exekutivorgan der Nationalversammlung und hat die höchste administrative Funktion des Staates inne*. Alle wichtigen Probleme, die in den Zuständigkeitsbereich der Regierung gehören, müssen gemäß Art. 115 VV 1992 *kollektiv diskutiert und durch Mehrheitsbeschluss entschieden* werden. Die Kompetenzen von Regierung und Premierminister⁹⁶ werden in Kapitel VIII (Art. 109–117 VV 1992) bestimmt.

Der Vorsitzende des obersten Volksgerichts ist gemäß Art. 135 Satz 1 VV 1992 der Nationalversammlung für seine Tätigkeit verantwortlich und rechenschaftspflichtig. In der Zeit, in der die Nationalversammlung nicht tagt, ist er gemäß Art. 135 Satz 2 VV 1992 dem Ständigen Komitee der Nationalversammlung und dem Staatspräsidenten verantwortlich und rechenschaftspflichtig. Nach Art. 135 Satz 3 VV 1992 sind die Vorsitzenden der regionalen Volksgerichte für ihre Tätigkeit den Volksräten verantwortlich und rechenschaftspflichtig. Gemäß Art. 130 VV sind die Richter unabhängig und nur dem Gesetz unterworfen. Das Volksgericht übt gemäß Art. 131 Satz 2 VV 1992 die Rechtsprechung *im Kollektiv aus und entscheidet nach dem Mehrheitsprinzip*.

kann durch die Wähler der Nationalversammlung, ein Abgeordneter der Volksräte durch die Wähler der Volksräte abberufen werden, wenn er sich des Vertrauens des Volkes nicht mehr würdig erweist.“.

⁸⁸ Art. 85 Satz 4 VV 1992 lautet: „Unter besonderen Umständen, wenn mindestens zwei Drittel aller Abgeordneten der Nationalversammlung zustimmen, kann die Nationalversammlung eine Verkürzung oder Verlängerung ihrer Amtszeit beschließen.“.

⁸⁹ Art. 147 VV 1992 lautet: „Nur die Nationalversammlung hat das Recht, die Verfassung zu ändern. Die Änderung der Verfassung bedarf der Zustimmung von mindestens zwei Dritteln aller Abgeordneten der Nationalversammlung.“. In der Verfassung 1946 hat die Nationalversammlung gemäß Art. 70 VV 1946 kein Recht, die Verfassung zu ändern, sondern die verfassungsgebende Komitee und das Volk durch eine Volksabstimmung.

⁹⁰ Es ist kein Fachausschuss, sondern ein Organteil der Nationalversammlung, der zwischen den Tagungen der Nationalversammlung die Aufgaben nach seinen Zuständigkeiten in Art. 91 VV 1992 erfüllt. Das ständige Komitee der Nationalversammlung hat gemäß Art. 91 Abs. 4 VV 1992 sogar legislative Zuständigkeit (Gesetzgebungskompetenz), die den Rang zwischen einer Rechtsverordnung der Regierung und einem formalen Gesetz der Nationalversammlung besitzt.

⁹¹ Zu Aufgaben des Staatspräsidenten vgl. Art. 101 VV 1992.

⁹² Zu Aufgaben des Premierministers vgl. Art. 114 VV 1992.

⁹³ Zu Aufgaben der Vorsitzende des Obersten Volksgerichtes vgl. Art. 135 VV.

⁹⁴ Gemäß Art. 137 VV 1992 übt die Generalstaatsanwaltschaft (so genannt „*Viện Kiểm sát tối cao*“) die Aufsicht über die Einhaltung der Gesetze und nimmt das Recht der Anklage wahr und überwacht die Judikative. Was die „*judikative Überwachung*“ bedeutet, ist derzeit gesetzlich unklar und sehr umstritten. Dazu etwa vgl. *Nguyễn Minh Doan*, Die Reform der Judikative in Vietnam, *Toa an nhan dan*, Nr. 14 (7/2009), S. 14 ff.; *Nguyễn Đăng Dung*, Die Reform der Judikative in der Staatsorganisation, *Dai hoc Quoc gia Ha noi*, Jura, Nr. 25 (2009), S. 140.

⁹⁵ In der Vietnamesischen Verfassung benutzt der Gesetzgeber nicht solche Begriffe wie Legislative, Exekutive oder Judikative. Theoretisch untergliedert die vietnamesische vollziehende Gewalt (die Exekutive) sich – anders als in Deutschland – nicht in Regierung (Gubernative) und Verwaltung (Administrative). (vgl. etwa *Nguyễn Đăng Dung*, Die Reform der Judikative in der Staatsorganisation, *Đại học Quốc gia Hà nội*, Nr. 25 (2009), S. 140.

⁹⁶ Zu Aufgaben des Premierministers, vgl. Art. 114 VV.

Der *Generalstaatsanwalt* ist gemäß Art. 139 VV 1992 der Nationalversammlung verantwortlich und rechenschaftspflichtig. In der Zeit, in der die Nationalversammlung nicht tagt, ist er dem Ständigen Komitee der Nationalversammlung verantwortlich und rechenschaftspflichtig. Die leitenden Staatsanwälte der regionalen Staatsanwaltschaften sind gemäß Art. 140 VV 1992 den Volksräten verantwortlich und berichtspflichtig zur Situation der Einhaltung der Gesetze in der Region, und sie müssen Anfragen der Abgeordneten der Volksräte beantworten.

Nach Art. 119 VV 1992 sind die *Volksräte* das von der Bevölkerung der Region gewählte staatliche Machtorgan auf regionaler Ebene und Repräsentanten des Willens, der Hoffnung und des Rechts des Volkes auf Teilnahme an der Machtausübung. Sie sind der Bevölkerung des Territoriums und den staatlichen Organen der übergeordneten Ebene verantwortlich.

Die von den Volksräten gewählten *Volkskomitees* sind gemäß Art. 123 VV 1992 ausführende Organe der Volksräte und staatliche Verwaltungsorgane auf regionaler Ebene; sie tragen die Verantwortung für die Verwirklichung der Verfassung, der Gesetze und Beschlüsse der staatlichen Organe der übergeordneten Ebene und der Beschlüsse der Volksräte.

Zusammenfassend ist zu sagen, das Prinzip des demokratischen Zentralismus in der Verfassung 1992 bedeutet die *Konzentration staatlicher Macht in der Nationalversammlung sowie in den Volksräten* („Zentralismus“) (Siehe Art. 83 f., 119 f. VV 1992) und die *Entscheidung durch Mehrheitsbeschluss* („demokratisch“) (Siehe Art. 88, 115 VV 1992). In der Verfassung 1992 gab es z.T. eine *Funktionsteilung* (Funktionen der Gesetzgebung [Art. 83 VV 1992], Verwaltung [Art. 109 VV 1992], Rechtsprechung [Art. 130 VV 1992]), aber kein System von *organisatorischer* sowie *personeller Gewaltenteilung* im Vergleich zu Deutschland. Ein Verbot der *Inkompatibilität* gab es in der Verfassung 1946 (Art. 47 VV 1946), aber nicht in der Verfassung 1992.

V. Die führende Rolle der Kommunistischen Partei Vietnams

Die Kommunistische Partei Vietnams (KPV) beansprucht in ihrer Rolle als „*Avantgarde der Arbeiterklasse*“ und als „*ergebenster Interessenvertreter der Arbeiterklasse*“ nach wie vor, die führende Kraft in Staat und Gesellschaft zu sein. Art. 4 VV 1992⁹⁷ legt die *führende Rolle der KPV* fest. Diese Vorschrift wurde aus Art. 6 der Verfassung der UdSSR 1977⁹⁸ übernommen.

In der Praxis werden Legislative, Exekutive und Judikative weiterhin von der KPV-Führung kontrolliert, ohne dass es dafür eine Rechtsgrundlage gäbe. § 2 Abs. 1 der Rahmenregelungen der kommunistischen Partei Vietnams (so genannt „*Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam*“), welche am 25. April 2006 in Kraft getreten sind, lautet: „*Die Mitglieder müssen die Zielsetzungen der Partei absolut respektieren und übernehmen*“.

De Jure ist die Nationalversammlung das höchste und das Volk repräsentierende Staatsorgan. *De facto* ist jedoch die KPV die *Inhaberin der politischen Macht*, weil die Wahlen (der Nationalversammlung sowie der Volksräte auf allen Ebenen) von der KPV dominiert und gelenkt werden.⁹⁹ Die

⁹⁷ Art. 4 VV 1992 lautet: „*Die Kommunistische Partei Vietnams, die Avantgarde der Arbeiterklasse und ergebenste Interessenvertreterin der Arbeiterklasse, der Werktätigen und des ganzen Volkes, ist, basierend auf dem Marxismus-Leninismus und der Lehre Ho Chi Minhs, die führende Kraft des Staates und der Gesellschaft. Jede Struktureinheit der Partei handelt im Rahmen der Verfassung und der Gesetze*“.

⁹⁸ Art. 6 der Verfassung der UdSSR 1977 lautet: „*Die führende und lenkende Kraft der sowjetischen Gesellschaft, der Kern ihres politischen Systems, der staatlichen Organe und gesellschaftlichen Organisationen ist die Kommunistische Partei der Sowjetunion (KPdSU). Die KPdSU ist für das Volk da und dient dem Volk. Mit der marxistisch-leninistischen Lehre ausgerüstet, legt die Kommunistische Partei die Grundrichtung der gesellschaftlichen Entwicklung, die Linie der Innen- und Außenpolitik der UdSSR fest, leitet sie die große schöpferische Tätigkeit des Sowjetvolkes und verleiht seinem Kampf für den Sieg des Kommunismus planmäßigen, wissenschaftlich begründeten Charakter. Alle Parteiorganisationen wirken im Rahmen der Verfassung der UdSSR*“ (Siehe: Meisser, Die neue Bundesverfassung der UdSSR, in: Gerhard Leibholz (Hrsg.), Jahrbuch des öffentlichen Rechts der Gegenwart, Bd. 27, 1978, S. 432).

⁹⁹ J. Wischermann, Vietnam vor dem 11. Parteitag: Die aktuelle politische und Wirtschaftliche Situation, zur Debatte, Heft 7/2010, S. 38; W. Frehner, Vietnam: Politische Rahmenbedingungen, Konrad-Adenauer-Stiftung, 2006, S. 9.

KPV schlägt die Kandidaten für die Nationalversammlung sowie Volksräte vor und lässt sie dann bei dieser Wahl vom Wähler – die Bürger, die ab dem vollendeten 18. Lebensjahr das Recht zu wählen sind (Art. 54 VV 1992¹⁰⁰) – bestätigen.

Die Abgeordnete haben nach der Verfassung 1992 *kein freies Mandat* (im Sinne des Art. 38 Abs. 1 Satz 2 GG).¹⁰¹ Momentan gibt es 493 Abgeordnete in der Vietnamesischen Nationalversammlung. Davon sind über 90 % Mitglieder der kommunistischen Partei.¹⁰² Deshalb wird die Nationalversammlung auch zum größten Teil durch die Partei gesteuert.

C. Zusammenfassung

Die wichtigsten Erkenntnisse bei der Untersuchung der Ideengeschichte der Gewaltenteilung, der Gewaltenteilung in Deutschland und des Prinzips der demokratischen Zentralismus in Vietnam sind folgende:

- Die grundlegende These der Existenz *dreier Gruppen von Aufgaben* ist schon in der Antike von Aristoteles (384–322 v. Chr.) anzusehen. Aber nur bis zum 18. Jh. wurde die Dreiteilung der Staatsgewalt in *Legislative, Exekutive und Judikative* als eine Theorie inbs. von *Montesquieu* (1689–1755) in seinem Werk „*De l'esprit des lois*“ (Vom Geist der Gesetze, 1748) entwickelt. In dieser Abhandlung spricht er nicht von einer „*strikten Trennung der Gewalten*“ (*Séparation des pouvoirs/ Separation of powers*), sondern von einer „*gemäßigten Mischung von Teilungen, Verschränkungen und wechselseitigen Kontrollen*“ (*Distribution des pouvoirs/ Distribution of powers*).
- Gewaltenteilung ist ein tragendes Struktur-, Organisations- und Funktionsprinzip des deutschen Grundgesetzes (BVerfGE 3, 225 [247]). Die Gewaltenteilung ist in Art. 20 Abs. 2 Satz 2 und Abs. 3 GG sowie auch Art. 1 Abs. 3 GG normiert. In Deutschland gibt es auch keine „*strikte Gewaltentrennung*“, sondern „*die gegenseitige Kontrolle, Hemmung und Mäßigung der Gewalten*“ (BVerfGE 95, 1 [15]). Die Staatsgewalt wird im Wege einer Aufgabenteilung von bestimmten Staatsorganen sowie unterschiedlichen Organwalter ausgeübt und sich diese Staatsorgane bei ihrer Aufgabenwahrnehmung außerdem gegenseitig kontrollieren.
- Weil Deutschland ein Bundesstaat (Art. 20 Abs. 1 GG) ist, existiert außer der klassischen dreigliedrigen Gewaltenteilung zusätzlich die *vertikale Gewaltenteilung* (also die Aufteilung der Staatsgewalt zwischen Bund und Ländern [mit Kommunen]) in Art. 30 ff., 70 ff GG u.a.m.
- Vietnam hatte z.T. die Gewaltenteilung in der Verfassung 1946, weil es in dieser Verfassung z.T. die Dreiteilung der Staatsgewalt, das Gleichgewicht der Gewalten sowie die gegenseitige Kontrolle der Staatsgewalt gab.
- Seit der Verfassung 1959 existiert *das Prinzip des demokratischen Zentralismus* in den Vietnamesischen Verfassungen statt *die Gewaltenteilung wie schon in der Verfassung 1946*. Der verfassungsrechtliche Grund bleibt unerklärt und verbogen.
- Vietnam hat das Prinzip des demokratischen Zentralismus aus den Verfassungen der Union der Sozialistischen Sowjetrepubliken übernommen.

¹⁰⁰ Art. 54 VV 1992 lautet: „Jeder Bürger hat unabhängig von seiner Nationalität, seinem Geschlecht, seiner sozialen Herkunft, seinen religiösen Überzeugungen, seinem Bildungsniveau, seinem Beruf und seiner Wohndauer ab dem vollendeten 18. Lebensjahr das Recht zu wählen sowie ab dem vollendeten 21. Lebensjahr das Recht, entsprechend den gesetzlichen Bestimmungen für die Wahl in die Nationalversammlung und in die Volksräte zu kandidieren.“

¹⁰¹ Nguyễn Minh Tuấn, Vertreter des Volkes, Tia sang, veröffentlicht am 16. November 2011, um 10:18 Uhr, abrufbar unter:

<http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=116&News=4614&CategoryID=42>, abgerufen am 19. Dezember 2011.

¹⁰² Zur Information: Website der Vietnamesischen Nationalversammlung (Abrufbar unter <http://www.ttb.gov.vn/Home/Default.aspx>, abgerufen am 23. Dezember 2011).

- Das Prinzip des demokratischen Zentralismus in der Vietnamesischen Verfassung 1992 bedeutet *die Konzentration staatlicher Macht in der Nationalversammlung sowie in den Volksräten* („Zentralismus“) (z.B. Art. 83 f., 119 f. VV 1992) und *die Entscheidung durch Mehrheitsbeschluss* („demokratisch“) (z.B. Art. 88, 115 VV 1992).
- Nach Art. 83 VV 1992 ist *die Nationalversammlung* die höchste gewählte Körperschaft des Volkes und das höchste staatliche Machtorgan der Sozialistischen Republik Vietnam. In Wirklichkeit kontrolliert *die Kommunistische Partei Vietnams* alle Staatsorgane, sowohl in der Zentralebene als auch in der Regionalebene. Das ist in Vietnam m.E. kein demokratisches Vorgehen, weil es zutiefst den Ideen jeder Demokratie widerspricht, nämlich dem Prinzip der Gewaltenteilung.
- Statt das Prinzip des demokratischen Zentralismus sollte Vietnam *die Vorschriften der Gewaltenteilung*, wie sie v.a. in der Verfassung 1946 und im deutschen Grundgesetz festgelegt sind, übernehmen.

Anhang 1

DIE WICHTIGEN BESTIMMUNGEN DER DEUTSCHEN GRUNDGESETZ BEZÜGLICH DER GEWALTENTEILUNG

Normierung der Gewaltenteilung	
Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG Art. 20 Abs. 3 GG Art. 1 Abs. 3 GG	Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG: „Sie [Alle Staatsgewalt] wird vom Volke in Wahlen und Abstimmungen und durch besondere Organe der Gesetzgebung, der vollziehenden Gewalt und der Rechtsprechung ausgeübt.“ Art. 20 Abs. 3 GG: „Die Gesetzgebung ist an die verfassungsmäßige Ordnung, die vollziehende Gewalt und die Rechtsprechung sind an Gesetz und Recht gebunden.“. Art. 1 Abs. 3 GG: „Die nachfolgenden Grundrechte binden Gesetzgebung, vollziehende Gewalt und Rechtsprechung als unmittelbar geltendes Recht.“.
„Gesetzgebungskompetenz“ der Bundesregierung beim Erlass von Rechtsverordnungen	
Art. 80 Abs. 1 Satz 1 GG	Art. 80 Abs. 1 Satz 1 GG: „Durch Gesetz können die Bundesregierung, ein Bundesminister oder die Landesregierungen ermächtigt werden, Rechtsverordnungen zu erlassen.“.
Die Rechtsprechung (Judikative) ist den Richtern anvertraut	
Art. 92 GG	Art. 92 GG: „Die rechtsprechende Gewalt ist den Richtern anvertraut; sie wird durch das Bundesverfassungsgericht, durch die in diesem Grundgesetze vorgesehenen Bundesgerichte und durch die Gerichte der Länder ausgeübt.“.
Die vertikale Gewaltenteilung – die Aufteilung der Staatsgewalt zwischen Bund und Ländern (mit Kommunen)	
Art. 20 Abs. 1 GG Art. 30 ff., 70 ff. GG u.a.m.	Art. 20 Abs. 1 GG: „Die Bundesrepublik Deutschland ist ein demokratischer und sozialer Bundesstaat.“. Art. 30 GG: „Die Ausübung der staatlichen Befugnisse und die Erfüllung der staatlichen Aufgaben ist Sache der Länder, soweit dieses Grundgesetz keine andere Regelung trifft oder zulässt.“. Art. 70 GG: „(1) Die Länder haben das Recht der Gesetzgebung, soweit dieses Grundgesetz nicht dem Bunde Gesetzgebungsbefugnisse verleiht. (2) Die Abgrenzung der Zuständigkeit zwischen Bund und

	<i>Ländern bemißt sich nach den Vorschriften dieses Grundgesetzes über die ausschließliche und die konkurrierende Gesetzgebung.“</i>
Funktionelle Gewaltenteilung – die Unterteilung der Gewalten nach ihren Aufgaben	
Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG	Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG: <i>„Sie [Alle Staatsgewalt] wird vom Volke in Wahlen und Abstimmungen und durch besondere Organe der Gesetzgebung, der vollziehenden Gewalt und der Rechtsprechung ausgeübt.“</i>
Organisatorische Gewaltenteilung - die Einrichtung von gesonderten Organen, die die Aufgaben der drei Gewalten wahrnehmen sollen	
Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG	Art. 20 Abs. 2 Satz 2 GG: <i>„Sie [Alle Staatsgewalt] wird vom Volke in Wahlen und Abstimmungen und durch besondere Organe der Gesetzgebung, der vollziehenden Gewalt und der Rechtsprechung ausgeübt.“</i>
Personelle Gewaltenteilung – die Organwähler dürfen grds. nicht zugleich einem anderen Organ angehören	
z.B. Art. 94 Abs. 1 Satz 3 GG § 4 Abs. 1 DRiG Art. 55 GG Art. 137 Abs. 1 GG	Art. 94 Abs. 1 Satz 3 GG: <i>„Sie [die Mitglieder des Bundesverfassungsgerichtes] dürfen weder dem Bundestage, dem Bundesrate, der Bundesregierung noch entsprechenden Organen eines Landes angehören.“</i> § 4 Abs. 1 DRiG: <i>„(1) Ein Richter darf Aufgaben der rechtsprechenden Gewalt und Aufgaben der gesetzgebenden oder der vollziehenden Gewalt nicht zugleich wahrnehmen. (2) Außer Aufgaben der rechtsprechenden Gewalt darf ein Richter jedoch wahrnehmen Aufgaben der Gerichtsverwaltung, andere Aufgaben, die auf Grund eines Gesetzes Gerichten oder Richtern zugewiesen sind, Aufgaben der Forschung und Lehre an einer wissenschaftlichen Hochschule, öffentlichen Unterrichtsanstalt oder amtlichen Unterrichtseinrichtung, Prüfungsangelegenheiten, den Vorsitz in Einigungsstellen und entsprechenden unabhängigen Stellen im Sinne des § 104 Satz 2 des Bundespersonalvertretungsgesetzes.“</i> Art. 55 GG: <i>„(1) Der Bundespräsident darf weder der Regierung noch einer gesetzgebenden Körperschaft des Bundes oder eines Landes angehören. (2) Der Bundespräsident darf kein anderes besoldetes Amt, kein Gewerbe und keinen Beruf ausüben und weder der Leitung noch dem Aufsichtsrat eines auf Erwerb gerichteten Unternehmens angehören.“</i>

	Art. 137 Abs. 1 GG: <i>„Die Wählbarkeit von Beamten, Angestellten des öffentlichen Dienstes, Berufssoldaten, freiwilligen Soldaten auf Zeit und Richtern im Bund, in den Ländern und den Gemeinden kann gesetzlich beschränkt werden.“.</i>
Gewaltenverschränkung – bspw. Gewaltenverschränkung bei der Abhängigkeit der Bundesregierung von der Mehrheit im Bundestag	
Art. 63, 67, 68 GG	Art. 63 GG: <i>„(1) Der Bundeskanzler wird auf Vorschlag des Bundespräsidenten vom Bundestage ohne Aussprache gewählt. (2) Gewählt ist, wer die Stimmen der Mehrheit der Mitglieder des Bundestages auf sich vereinigt. Der Gewählte ist vom Bundespräsidenten zu ernennen. (3) Wird der Vorgeschlagene nicht gewählt, so kann der Bundestag binnen vierzehn Tagen nach dem Wahlgange mit mehr als der Hälfte seiner Mitglieder einen Bundeskanzler wählen. (4) Kommt eine Wahl innerhalb dieser Frist nicht zustande, so findet unverzüglich ein neuer Wahlgang statt, in dem gewählt ist, wer die meisten Stimmen erhält. Vereinigt der Gewählte die Stimmen der Mehrheit der Mitglieder des Bundestages auf sich, so muß der Bundespräsident ihn binnen sieben Tagen nach der Wahl ernennen. Erreicht der Gewählte diese Mehrheit nicht, so hat der Bundespräsident binnen sieben Tagen entweder ihn zu ernennen oder den Bundestag aufzulösen.“.</i> Art. 67 GG: <i>„(1) Der Bundestag kann dem Bundeskanzler das Mißtrauen nur dadurch aussprechen, daß er mit der Mehrheit seiner Mitglieder einen Nachfolger wählt und den Bundespräsidenten ersucht, den Bundeskanzler zu entlassen. Der Bundespräsident muß dem Ersuchen entsprechen und den Gewählten ernennen. (2) Zwischen dem Antrage und der Wahl müssen achtundvierzig Stunden liegen.“.</i> Art. 68 GG: <i>„(1) Findet ein Antrag des Bundeskanzlers, ihm das Vertrauen auszusprechen, nicht die Zustimmung der Mehrheit der Mitglieder des Bundestages, so kann der Bundespräsident auf Vorschlag des Bundeskanzlers binnen einundzwanzig Tagen den Bundestag auflösen. Das Recht zur Auflösung erlischt, sobald der Bundestag mit der Mehrheit seiner Mitglieder einen anderen Bundeskanzler wählt. (2) Zwischen dem Antrage und der Abstimmung müssen achtundvierzig Stunden liegen.“.</i>

Gewaltenverschränkung – bspw. Gewaltenverschränkung beim Gesetzgebungsverfahren	
Art. 76 ff. GG	Art. 76 GG: „(1) Gesetzesvorlagen werden beim Bundestage durch die Bundesregierung, aus der Mitte des Bundestages oder durch den Bundesrat eingebracht. (2) Vorlagen der Bundesregierung sind zunächst dem Bundesrat zuzuleiten. Der Bundesrat ist berechtigt, innerhalb von sechs Wochen zu diesen Vorlagen Stellung zu nehmen. Verlangt er aus wichtigem Grunde, insbesondere mit Rücksicht auf den Umfang einer Vorlage, eine Fristverlängerung, so beträgt die Frist neun Wochen. Die Bundesregierung kann eine Vorlage, die sie bei der Zuleitung an den Bundesrat ausnahmsweise als besonders eilbedürftig bezeichnet hat, nach drei Wochen oder, wenn der Bundesrat ein Verlangen nach Satz 3 geäußert hat, nach sechs Wochen dem Bundestag zuleiten, auch wenn die Stellungnahme des Bundesrates noch nicht bei ihr eingegangen ist; sie hat die Stellungnahme des Bundesrates unverzüglich nach Eingang dem Bundestag nachzureichen. Bei Vorlagen zur Änderung dieses Grundgesetzes und zur Übertragung von Hoheitsrechten nach Artikel 23 oder Artikel 24 beträgt die Frist zur Stellungnahme neun Wochen; Satz 4 findet keine Anwendung. (3) Vorlagen des Bundesrates sind dem Bundestag durch die Bundesregierung innerhalb von sechs Wochen zuzuleiten. Sie soll hierbei ihre Auffassung darlegen. Verlangt sie aus wichtigem Grunde, insbesondere mit Rücksicht auf den Umfang einer Vorlage, eine Fristverlängerung, so beträgt die Frist neun Wochen. Wenn der Bundesrat eine Vorlage ausnahmsweise als besonders eilbedürftig bezeichnet hat, beträgt die Frist drei Wochen oder, wenn die Bundesregierung ein Verlangen nach Satz 3 geäußert hat, sechs Wochen. Bei Vorlagen zur Änderung dieses Grundgesetzes und zur Übertragung von Hoheitsrechten nach Artikel 23 oder Artikel 24 beträgt die Frist neun Wochen; Satz 4 findet keine Anwendung. Der Bundestag hat über die Vorlagen in angemessener Frist zu beraten und Beschluss zu fassen.“
Ausprägungen der Gewaltenteilung	
Ausprägungen der Gewaltenteilung - bspw. das Mehrparteiensystem	
Art. 21 GG	Art. 21 GG: „(1) Die Parteien wirken bei der politischen Willensbildung des Volkes mit. Ihre Gründung ist frei. Ihre innere Ordnung muß demokratischen Grundsätzen entsprechen. Sie müssen über die Herkunft und Verwendung ihrer Mittel sowie über ihr Vermögen öffentlich Rechenschaft geben. (2) Parteien, die nach ihren Zielen oder nach dem Verhalten ihrer Anhänger darauf ausgehen, die freiheitliche demokratische Grundordnung zu beeinträchtigen oder zu beseitigen oder den Bestand der Bundesrepublik Deutschland zu ge-

	<i>fährden, sind verfassungswidrig. Über die Frage der Verfassungswidrigkeit entscheidet das Bundesverfassungsgericht.</i> <i>(3) Das Nähere regeln Bundesgesetze.“</i>
Ausprägungen der Gewaltenteilung - bspw. die Kompetenzen des Bundesrats und Verwaltung in Gesetzgebung	
Art. 50 ff. GG, Art. 77 GG, Art. 80 Abs. 2, 3 GG,	Art. 50 GG: <i>„Durch den Bundesrat wirken die Länder bei der Gesetzgebung und Verwaltung des Bundes und in Angelegenheiten der Europäischen Union mit.“</i> Art. 77 GG: <i>„(1) Die Bundesgesetze werden vom Bundestage beschlossen. Sie sind nach ihrer Annahme durch den Präsidenten des Bundestages unverzüglich dem Bundesrate zuzuleiten.</i> <i>(2) Der Bundesrat kann binnen drei Wochen nach Eingang des Gesetzesbeschlusses verlangen, daß ein aus Mitgliedern des Bundestages und des Bundesrates für die gemeinsame Beratung von Vorlagen gebildeter Ausschuß einberufen wird. Die Zusammensetzung und das Verfahren dieses Ausschusses regelt eine Geschäftsordnung, die vom Bundestag beschlossen wird und der Zustimmung des Bundesrates bedarf. Die in diesen Ausschuß entsandten Mitglieder des Bundesrates sind nicht an Weisungen gebunden. Ist zu einem Gesetze die Zustimmung des Bundesrates erforderlich, so können auch der Bundestag und die Bundesregierung die Einberufung verlangen. Schlägt der Ausschuß eine Änderung des Gesetzesbeschlusses vor, so hat der Bundestag erneut Beschluß zu fassen.</i> <i>(2a) Soweit zu einem Gesetz die Zustimmung des Bundesrates erforderlich ist, hat der Bundesrat, wenn ein Verlangen nach Absatz 2 Satz 1 nicht gestellt oder das Vermittlungsverfahren ohne einen Vorschlag zur Änderung des Gesetzesbeschlusses beendet ist, in angemessener Frist über die Zustimmung Beschluß zu fassen.</i> <i>(3) Soweit zu einem Gesetze die Zustimmung des Bundesrates nicht erforderlich ist, kann der Bundesrat, wenn das Verfahren nach Absatz 2 beendet ist, gegen ein vom Bundestage beschlossenes Gesetz binnen zwei Wochen Einspruch einlegen. Die Einspruchsfrist beginnt im Falle des Absatzes 2 letzter Satz mit dem Eingange des vom Bundestage erneut gefaßten Beschlusses, in allen anderen Fällen mit dem Eingange der Mitteilung des Vorsitzenden des in Absatz 2 vorgesehenen Ausschusses, daß das Verfahren vor dem Ausschusse abgeschlossen ist.</i> <i>(4) Wird der Einspruch mit der Mehrheit der Stimmen des Bundesrates beschlossen, so kann er durch Beschluß der Mehrheit der Mitglieder des Bundestages zurückgewiesen werden. Hat der Bundesrat den Einspruch mit einer Mehrheit von mindestens zwei Dritteln seiner Stimmen beschlossen,</i>

	<i>so bedarf die Zurückweisung durch den Bundestag einer Mehrheit von zwei Dritteln, mindestens der Mehrheit der Mitglieder des Bundestages.“</i> Art. 80 GG: <i>„(1) Durch Gesetz können die Bundesregierung, ein Bundesminister oder die Landesregierungen ermächtigt werden, Rechtsverordnungen zu erlassen. Dabei müssen Inhalt, Zweck und Ausmaß der erteilten Ermächtigung im Gesetze bestimmt werden. Die Rechtsgrundlage ist in der Verordnung anzugeben. Ist durch Gesetz vorgesehen, daß eine Ermächtigung weiter übertragen werden kann, so bedarf es zur Übertragung der Ermächtigung einer Rechtsverordnung.</i> <i>(2) Der Zustimmung des Bundesrates bedürfen, vorbehaltlich anderweitiger bundesgesetzlicher Regelung, Rechtsverordnungen der Bundesregierung oder eines Bundesministers über Grundsätze und Gebühren für die Benutzung der Einrichtungen des Postwesens und der Telekommunikation, über die Grundsätze der Erhebung des Entgelts für die Benutzung der Einrichtungen der Eisenbahnen des Bundes, über den Bau und Betrieb der Eisenbahnen, sowie Rechtsverordnungen auf Grund von Bundesgesetzen, die der Zustimmung des Bundesrates bedürfen oder die von den Ländern im Auftrage des Bundes oder als eigene Angelegenheit ausgeführt werden.</i> <i>(3) Der Bundesrat kann der Bundesregierung Vorlagen für den Erlaß von Rechtsverordnungen zuleiten, die seiner Zustimmung bedürfen.</i> <i>(4) Soweit durch Bundesgesetz oder auf Grund von Bundesgesetzen Landesregierungen ermächtigt werden, Rechtsverordnungen zu erlassen, sind die Länder zu einer Regelung auch durch Gesetz befugt.“</i>
Ausprägungen der Gewaltenteilung - bspw. der Wettbewerb von Parlamentsmehrheit und Parlamentsminderheit	
Art. 42 Abs. 2	Art. 42 Abs. 2 GG: <i>„(2) Zu einem Beschlusse des Bundestages ist die Mehrheit der abgegebenen Stimmen erforderlich, soweit dieses Grundgesetz nichts anderes bestimmt. Für die vom Bundestage vorzunehmenden Wahlen kann die Geschäftsordnung Ausnahmen zulassen.“</i>
Ausprägungen der Gewaltenteilung - bspw. die Verfassungsgerichtbarkeit in der Kontrolle von Gesetzen und Verfassungsorganen	
Art. 93 GG Art. 94 GG	Art. 93 GG: <i>„(1) Das Bundesverfassungsgericht entscheidet:</i> <i>1. über die Auslegung dieses Grundgesetzes aus Anlaß von Streitigkeiten über den Umfang der Rechte und Pflichten eines obersten Bundesorgans oder anderer Beteiligter, die</i>

	durch dieses Grundgesetz oder in der Geschäftsordnung eines obersten Bundesorgans mit eigenen Rechten ausgestattet sind; 2. bei Meinungsverschiedenheiten oder Zweifeln über die förmliche und sachliche Vereinbarkeit von Bundesrecht oder Landesrecht mit diesem Grundgesetz oder die Vereinbarkeit von Landesrecht mit sonstigem Bundesrechte auf Antrag der Bundesregierung, einer Landesregierung oder eines Viertels der Mitglieder des Bundestages; 2a. bei Meinungsverschiedenheiten, ob ein Gesetz den Voraussetzungen des Artikels 72 Abs. 2 entspricht, auf Antrag des Bundesrates, einer Landesregierung oder der Volksvertretung eines Landes; 3. bei Meinungsverschiedenheiten über Rechte und Pflichten des Bundes und der Länder, insbesondere bei der Ausführung von Bundesrecht durch die Länder und bei der Ausübung der Bundesaufsicht; 4. in anderen öffentlich-rechtlichen Streitigkeiten zwischen dem Bunde und den Ländern, zwischen verschiedenen Ländern oder innerhalb eines Landes, soweit nicht ein anderer Rechtsweg gegeben ist; 4a. über Verfassungsbeschwerden, die von jedermann mit der Behauptung erhoben werden können, durch die öffentliche Gewalt in einem seiner Grundrechte oder in einem seiner in Artikel 20 Abs. 4, 33, 38, 101, 103 und 104 enthaltenen Rechte verletzt zu sein; 4b. über Verfassungsbeschwerden von Gemeinden und Gemeindeverbänden wegen Verletzung des Rechts auf Selbstverwaltung nach Artikel 28 durch ein Gesetz, bei Landesgesetzen jedoch nur, soweit nicht Beschwerde beim Landesverfassungsgericht erhoben werden kann; 5. in den übrigen in diesem Grundgesetz vorgesehenen Fällen. (2) Das Bundesverfassungsgericht entscheidet außerdem auf Antrag des Bundesrates, einer Landesregierung oder der Volksvertretung eines Landes, ob im Falle des Artikels 72 Abs. 4 die Erforderlichkeit für eine bundesgesetzliche Regelung nach Artikel 72 Abs. 2 nicht mehr besteht oder Bundesrecht in den Fällen des Artikels 125a Abs. 2 Satz 1 nicht mehr erlassen werden könnte. Die Feststellung, dass die Erforderlichkeit entfallen ist oder Bundesrecht nicht mehr erlassen werden könnte, ersetzt ein Bundesgesetz nach Artikel 72 Abs. 4 oder nach Artikel 125a Abs. 2 Satz 2. Der Antrag nach Satz 1 ist nur zulässig, wenn eine Gesetzesvorlage nach Artikel 72 Abs. 4 oder nach Artikel 125a Abs. 2 Satz 2 im Bundestag abgelehnt oder über sie nicht innerhalb eines Jahres beraten und Beschluss gefasst oder wenn eine entsprechende Gesetzesvorlage im Bundesrat abgelehnt worden ist. (3) Das Bundesverfassungsgericht wird ferner in den ihm
--	--

	<i>sonst durch Bundesgesetz zugewiesenen Fällen tätig.“.</i> Art 94 GG: <i>„(1) Das Bundesverfassungsgericht besteht aus Bundesrichtern und anderen Mitgliedern. Die Mitglieder des Bundesverfassungsgerichtes werden je zur Hälfte vom Bundestage und vom Bundesrate gewählt. Sie dürfen weder dem Bundestage, dem Bundesrate, der Bundesregierung noch entsprechenden Organen eines Landes angehören.</i> <i>(2) Ein Bundesgesetz regelt seine Verfassung und das Verfahren und bestimmt, in welchen Fällen seine Entscheidungen Gesetzeskraft haben. Es kann für Verfassungsbeschwerden die vorherige Erschöpfung des Rechtsweges zur Voraussetzung machen und ein besonderes Annahmeverfahren vorsehen.“.</i>
Ausprägungen der Gewaltenteilung - bspw. Einfluss der Medien	
Art. 5 Abs. 1 Satz 2 GG	Art. 5 Abs. 1 Satz 2 GG: <i>„Die Pressefreiheit und die Freiheit der Berichterstattung durch Rundfunk und Film werden gewährleistet.“</i>
Ausprägungen der Gewaltenteilung - bspw. Einfluss von Versammlungen	
Art. 8 GG	Art. 8 GG: <i>„(1) Alle Deutschen haben das Recht, sich ohne Anmeldung oder Erlaubnis friedlich und ohne Waffen zu versammeln.</i> <i>(2) Für Versammlungen unter freiem Himmel kann dieses Recht durch Gesetz oder auf Grund eines Gesetzes beschränkt werden.“</i>

Anhang 2

DIE WICHTIGEN BESTIMMUNGEN DER VIETNAMESISCHEN VERFASSUNG 1992 BEZÜGLICH DER STAATSORGANISATION SOWIE DES PRINZIPS DES DEMOKRATISCHEN ZENTRALISMUS

(Hinweise: nicht amtliche Übersetzung, Quelle: Die Vietnamesische Verfassung vom 15. April 1992, Übersetzung von Prof. Dr. Otto Deppenheuer (Universität Mannheim), in: Leibholz/Häberle (Hrsg.), Jahrbuch des öffentlichen Rechts der Gegenwart, N.F., 45, 1997, S. 675 ff.)

Vietnamesisch	Deutsch („Wichtige“ Normen sind in <i>Kursivdruck</i>)
Điều 2 Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.	Artikel 2 <i>Die Sozialistische Republik Vietnam ist ein sozialistischer Rechtsstaat des Volkes, durch das Volk und für das Volk. Die gesamte Macht des Staates gehört dem Volk, dessen Fundament das Bündnis der Arbeiterklasse, der Bauernklasse und der Schicht der Intelligenz ist.</i>
Điều 4 Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.	Artikel 4 <i>Die Kommunistische Partei Vietnams, die Avantgarde der Arbeiterklasse und ergebenste Interessenvertreterin der Arbeiterklasse, der Werktätigen und des ganzen Volkes, basierend auf dem Marxismus-Leninismus und der Lehre Ho Chi Minhs, ist die führende Kraft des Staates und der Gesellschaft.</i> <i>Jede Struktureinheit der Partei handelt im Rahmen der Verfassung und der Gesetze.</i>
Điều 6 Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà	Artikel 6 <i>Das Volk übt die Staatsgewalt durch die Na-</i>

nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.	<i>tionalversammlung und die Volksräte aus. Diese Organe vertreten den Willen, die Wünsche und Erwartungen des Volkes, werden durch das Volk gewählt und sind ihm verantwortlich.</i> <i>Die Nationalversammlung, die Volksräte und alle anderen staatlichen Organe sind nach dem Prinzip des demokratischen Zentralismus organisiert und arbeiten nach diesem Prinzip.</i>
Điều 7 Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Đại biểu Quốc hội bị cử tri hoặc Quốc hội bãi nhiệm và đại biểu Hội đồng nhân dân bị cử tri hoặc Hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi đại biểu đó không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.	Artikel 7 <i>Die Wahl der Abgeordneten der Nationalversammlung und der Volksräte erfolgt nach dem Prinzip der allgemeinen, gleichen, direkten und geheimen Wahl.</i> Ein Abgeordneter der Nationalversammlung kann durch die Wähler der Nationalversammlung, ein Abgeordneter der Volksräte durch die Wähler der Volksräte abberufen werden, wenn er sich des Vertrauens des Volkes nicht mehr würdig erweist.
Điều 83 Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc	Artikel 83 <i>Die Nationalversammlung ist die höchste gewählte Körperschaft des Volkes und das höchste staatliche Machtorgan der Sozialistischen Republik Vietnam.</i> Die Nationalversammlung ist das einzige Organ, das über das Recht auf Verfassungs- und Gesetzgebung verfügt. Die Nationalversammlung trifft Entscheidungen über grundlegende politische Maßnahmen in der Innen- und Außenpolitik, über die

phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.	Aufgaben auf sozialökonomischem Gebiet, in der Landesverteidigung und Sicherheitspolitik, über die hauptsächlichen Grundsätze der Organisation bzw. des Wirkens des Staatsapparates sowie über die gesellschaftlichen Verhältnisse und die Aktivitäten der Bürger. Die Nationalversammlung übt die oberste Aufsicht über die gesamte Tätigkeit des Staates aus.
Điều 84 Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: 1- Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật; quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; 2- Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo hoạt động của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; 3- Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; 4- Quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quyết định dự toán ngân sách Nhà nước và phân bổ ngân sách Nhà nước, phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; 5- Quyết định chính sách dân tộc	Artikel 84 Die Nationalversammlung hat folgende Aufgaben und Vollmachten: 1. <i>Die Verfassung auszuarbeiten bzw. zu ändern; Gesetze auszuarbeiten bzw. zu ändern;</i> die Verfahren zur Erstellung von Gesetzen und Beschlüssen festzulegen; 2. <i>Die oberste Aufsicht</i> über die Einhaltung der Verfassung, von Gesetzen und Verordnungen der Nationalversammlung wahrzunehmen, die Tätigkeitsberichte des Staatspräsidenten, des Ständigen Komitees der Nationalversammlung, der Regierung, des Obersten Volksgerichts und der Generalstaatsanwaltschaft zu prüfen; 3. Den sozialökonomischen Entwicklungsplan des Landes zu beschließen; 4. Die nationale Finanz- und Währungspolitik zu beschließen; über den Kostenvorschlag und die Verteilung des Staatsbudgets zu beschließen, das Staatsbudget endgültig zu bestätigen; die verschiedenen Formen der

của Nhà nước; 6- Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương; 7- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về việc thành lập Hội đồng quốc phòng và an ninh; phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ; 8- Quyết định thành lập, bãi bỏ các Bộ và các cơ quan ngang Bộ của Chính phủ; thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thành lập hoặc giải thể đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; 9- Bãi bỏ các văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với	Steuern festzulegen, zu ändern oder zu annullieren; 5. Die Nationalitätenpolitik des Staates zu beschließen; 6. Festlegung über die Organisation und die Kompetenzen der Nationalversammlung, des Staatspräsidenten, der Regierung, der Volksgerichte, der Staatsanwaltschaft und der örtlichen Machtorgane zu treffen; 7. <i>Den Staatspräsidenten, den Vizepräsidenten, den Vorsitzenden, die stellvertretenden Vorsitzenden und die Mitglieder des Ständigen Komitees der Nationalversammlung, den Ministerpräsidenten der Regierung, den Vorsitzenden des Obersten Volksgerichtes und den Generalstaatsanwalt zu wählen; den Vorschlag des Staatspräsidenten zur Gründung des Rates für nationale Verteidigung und Sicherheit zu bestätigen; Vorschläge des Ministerpräsidenten zur Berufung, Abberufung oder Amtenthebung von stellvertretenden Ministerpräsidenten, Ministern und anderen Mitgliedern der Regierung zu bestätigen;</i> 8. Über die Gründung oder Auflösung von Ministerien oder den Ministerien gleichgestellten Regierungsorganen; über die Neugründung, Zusammenlegung oder Teilung sowie über die Regulierung der Grenzen von Provinzen und zentral unterstellten Städten; die Gründung oder Auflösung von besonderen ökonomischen Zonen zu beschließen;
--	--

Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; 10- Quyết định đại xá; 11- Quy định hàm, cấp trong các lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp Nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự Nhà nước; 12- Quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia; 13- Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn hoặc bãi bỏ các điều ước quốc tế đã ký kết hoặc tham gia theo đề nghị của Chủ tịch nước; 14- Quyết định việc trưng cầu ý dân.	9. <i>Alle Dokumente des Staatspräsidenten, des Ständigen Komitees der Nationalversammlung, der Regierung, des Ministerpräsidenten, des Obersten Volksgerichts und der Generalstaatsanwaltschaft außerkraftzusetzen, die im Widerspruch zur Verfassung, zu Gesetzen und Beschlüssen der Nationalversammlung stehen;</i> 10. Allgemeine Amnestien zu beschließen; 11. Titel und Dienstgrade in den bewaffneten Volksstreitkräften, Titel und Grade im diplomatischen Dienst und andere staatliche Titel und Grade festzulegen; Orden, Medaillen und staatliche Ehrentitel festzulegen; 12. <i>In der Frage Krieg und Frieden zu entscheiden;</i> den Ausnahmezustand und andere besondere Maßnahmen festzustellen, um die Landesverteidigung und die Sicherheit des Staates zu garantieren; 13. Über die Grundsätze der Außenpolitik sowie über die Ratifizierung oder Annullierung internationaler Verträge, die auf Vorschlag des Staatspräsidenten unterzeichnet wurden oder an denen teilgenommen wurde, zu entscheiden; 14. Die Durchführung einer Volksbefragung zu beschließen.
Điều 85 Nhiệm kỳ của mỗi khoá Quốc hội là năm năm. Hai tháng trước khi Quốc hội hết	Artikel 85 <i>Die Dauer jeder Legislaturperiode der Nationalversammlung beträgt fünf Jahre.</i> Zwei Monate vor Ablauf der Amtszeit der Na-

nhiệm kỳ, Quốc hội khoá mới phải được bầu xong. Thẻ lệ bầu cử và số đại biểu Quốc hội do luật định. Trong trường hợp đặc biệt, nếu được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành, thì Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của mình.	tionalversammlung müssen die Wahlen zur neuen Nationalversammlung abgeschlossen sein. Die Wahlprozedur und die Zahl der Abgeordneten werden im Gesetz festgelegt. Unter besonderen Umständen, wenn mindestens zwei Drittel aller Abgeordneten der Nationalversammlung zustimmen, kann die Nationalversammlung eine Verkürzung oder Verlängerung ihrer Amtszeit beschließen.
Điều 90 Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội. Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm có: - Chủ tịch Quốc hội; - Các Phó Chủ tịch Quốc hội; - Các ủy viên. Số thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội do Quốc hội quyết định. Thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể đồng thời là thành viên Chính phủ. Ủy ban thường vụ Quốc hội của mỗi khoá Quốc hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình cho đến khi Quốc hội khoá mới bầu Ủy ban thường vụ Quốc hội mới.	Artikel 90 <i>Das Ständige Komitee der Nationalversammlung ist ein ständiges Organ der Nationalversammlung.</i> Dem Ständigen Komitee der Nationalversammlung gehören an: - der Präsident der Nationalversammlung, - die Vizepräsidenten der Nationalversammlung, - die Mitglieder Die Zahl der Mitglieder des Ständigen Komitees wird von der Nationalversammlung beschlossen Mitglieder des Ständigen Komitees der Nationalversammlung können nicht gleichzeitig Mitglieder der Regierung sein. Das Ständige Komitee der Nationalversammlung jeder Legislaturperiode der Nationalversammlung nimmt seine Aufgaben und Rechte solange wahr, bis die Nationalversammlung der nächsten Legislaturperiode ein neues Ständiges Komitee gewählt hat.

Điều 91 Ủy ban thường vụ Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: 1- Công bố và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội; 2- Tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các kỳ họp Quốc hội; 3- Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh; 4- Ra pháp lệnh về những vấn đề được Quốc hội giao; 5- Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; đình chỉ việc thi hành các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc hủy bỏ các văn bản đó; hủy bỏ các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; 6- Giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; bãi bỏ các nghị quyết sai trái của Hội đồng nhân	Artikel 91 Das Ständige Komitee der Nationalversammlung hat folgende Aufgaben und Vollmachten: 1) Die Wahl der Abgeordneten der Nationalversammlung bekanntzumachen und zu leiten; 2) Die Vorbereitung, Durchführung und Leitung der Tagungen der Nationalversammlung zu organisieren; 3) <i>Die Verfassung, Gesetze und Verordnungen zu erläutern;</i> 4) <i>Dekrete aufgrund der von der Nationalversammlung erlassenen Verordnungen herauszugeben;</i> 5) Die Durchsetzung der Verfassung, der Gesetze und Beschlüsse der Nationalversammlung und der Verordnungen und Beschlüsse des Ständigen Komitees der Nationalversammlung zu überwachen; die Tätigkeit der Regierung, des Obersten Volksgerichts, der Generalstaatsanwaltschaft zu überwachen; Dokumente, die von der Regierung, dem Ministerpräsidenten, dem Obersten Volksgericht, der Generalstaatsanwaltschaft herausgegeben worden sind, außer Vollzug zu setzen, wenn sich diese nicht in Übereinstimmung mit der Verfassung, den Gesetzen und Beschlüssen der Nationalversammlung befinden und der Nationalversammlung einen Vorschlag zur Aufhebung dieser Dokumente zu unterbreiten; Doku-
---	---

dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; giải tán Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân; 7- Chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; hướng dẫn và bảo đảm điều kiện hoạt động của các đại biểu Quốc hội; 8- Trong thời gian Quốc hội không họp, phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ và báo cáo với Quốc hội tại kỳ họp gần nhất của Quốc hội; 9- Trong thời gian Quốc hội không họp, quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh khi nước nhà bị xâm lược và trình Quốc hội phê chuẩn quyết định đó tại kỳ họp gần nhất của Quốc hội; 10- Quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương; 11- Thực hiện quan hệ đối ngoại của Quốc hội; 12- Tổ chức trưng cầu ý dân theo quyết định của Quốc hội.	mente aufzuheben, die von der Regierung, dem Ministerpräsidenten, dem Obersten Volksgericht, der Generalstaatsanwaltschaft herausgegeben wurden, wenn diese unvereinbar sind mit den Verordnungen und Beschlüsse des Ständigen Komitees der Nationalversammlung; 6) Die Tätigkeit der Volksräte anzuleiten und zu kontrollieren; falsche Beschlüsse der Volksräte der Provinzen und der zentral unterstellten Städte zu annullieren; Volksräte der Provinzen und der zentral unterstellten Städte aufzulösen in der Fall, dass diese den Interessen des Volkes gravierenden Schaden zufügen; 7) Die Tätigkeit des Rates für Nationalitäten und aller Komitee der Nationalversammlung zu leiten, zu regeln und zu koordinieren; die Abgeordneten der Nationalversammlung anzuleiten und für sie Arbeitsbedingungen zu schaffen; 8) In der Zeit, in der die Nationalversammlung nicht tagt, Vorschläge des Ministerpräsidenten zur Berufung, Abberufung oder Amtsenthebung von stellvertretenden Ministerpräsidenten, von Ministern oder anderen Mitgliedern der Regierung zu bestätigen und der Nationalversammlung darüber auf deren nächster Tagung Bericht zu erstatten; 9) In der Zeit, in der die Nationalversammlung nicht tagt, die Feststellung des Kriegszustandes zu beschließen, wenn das Land angegriffen wird und diesen Beschluss der
--	---

	Nationalversammlung auf deren nächster Tagung zur Bestätigung vorzulegen; 10) Die allgemeine oder teilweise Mobilmachung zu beschließen, den Ausnahmezustand im ganzen Land oder in einzelnen Regionen zu erklären; 11) Die außenpolitischen Beziehungen der Nationalversammlung wahrzunehmen; 12) Eine Volksbefragung zu organisieren, wenn die Nationalversammlung eine solche beschlossen hat.
Điều 101 Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước; thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.	Artikel 101 <i>Der Staatspräsident ist das Staatsoberhaupt; er vertritt die Sozialistische Republik Vietnam in der Innen- und Außenpolitik.</i>
Điều 102 Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khoá mới bầu Chủ tịch nước mới.	Artikel 102 <i>Der Staatspräsident wird von der Nationalversammlung aus den Reihen der Abgeordneten gewählt.</i> <i>Der Staatspräsident ist der Nationalversammlung für seine Arbeit verantwortlich und rechenschaftspflichtig.</i> Die Amtszeit der Staatspräsidenten entspricht der Amtszeit der Nationalversammlung. Nach Ablauf der Amtszeit der Nationalversammlung erfüllt der Staatspräsident weiterhin seine Pflichten, bis die neue Nationalversammlung einen neuen Staatspräsidenten gewählt hat.

Điều 109 Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; bảo đảm hiệu lực của bộ máy Nhà nước từ trung ương đến cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.	Artikel 109 Die Regierung ist <i>das oberste Exekutivorgan der Nationalversammlung</i> sowie <i>oberstes Verwaltungsorgan des Staates der Sozialistischen Republik Vietnam</i>. Die Regierung leitet einheitlich die Verwirklichung der politischen, wirtschaftlichen, kulturellen und sozialen Aufgaben sowie der Aufgaben auf den Gebieten der nationalen Verteidigung und Sicherheit und der Außenpolitik des Staates. Sie gewährleistet die Wirksamkeit des Staatsapparates von der Zentrale bis zur Basis, die Achtung und Einhaltung der Verfassung von der Zentrale bis zur Basis, entfaltet das Herrschaftrecht des Volkes beim Aufbau und der Verteidigung des Vaterlandes und garantiert die Stabilisierung und Erhöhung des materiellen und kulturellen Lebensniveaus des Volkes. <i>Die Regierung ist der Nationalversammlung verantwortlich und der Nationalversammlung, dem Ständigen Komitee der Nationalversammlung und dem Staatspräsidenten rechenschaftspflichtig.</i>
Điều 110 Chính phủ gồm có Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và các thành viên khác. Ngoài Thủ tướng, các thành viên khác của Chính phủ không nhất thiết là đại biểu Quốc hội.	Artikel 110 <i>Die Regierung setzt sich aus dem Ministerpräsidenten, den Stellvertretern des Ministerpräsidenten, den Ministern und anderen Mitgliedern zusammen. Außer dem Ministerpräsidenten müssen die anderen Mitglieder der Regierung nicht unbedingt Abgeordnete</i>

Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. Phó Thủ tướng giúp Thủ tướng làm nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ tướng. Khi Thủ tướng vắng mặt thì một Phó Thủ tướng được Thủ tướng ủy nhiệm thay mặt lãnh đạo công tác của Chính phủ.	<i>der Nationalversammlung sein.</i> <i>Der Ministerpräsident der Regierung ist der Nationalversammlung verantwortlich und der Nationalversammlung, dem Ständigen Komitee der Nationalversammlung und dem Staatspräsidenten rechenschaftspflichtig.</i> Der Stellvertreter unterstützen den Ministerpräsidenten bei der Erfüllung der Aufgaben auf der Grundlage der Arbeitseinteilung durch den Ministerpräsidenten. Bei Abwesenheit des Ministerpräsidenten wird ein Stellvertreter durch diesen beauftragt, in seinem Namen die Regierungsgeschäfte zu leiten.
Điều 114 Thủ tướng Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: 1- Lãnh đạo công tác của Chính phủ, các thành viên Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp; chủ tọa các phiên họp của Chính phủ; 2- Đề nghị Quốc hội thành lập hoặc bãi bỏ các Bộ và các cơ quan ngang Bộ; trình Quốc hội và trong thời gian Quốc hội không họp, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ; 3- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các Thứ trưởng và chức vụ tương	Artikel 114 Der Ministerpräsident der Regierung hat folgende Aufgaben und Vollmachten: <i>1. Die Arbeit der Regierung, der Mitglieder der Regierung, der Volkskomitees aller Ebenen zu leiten; den Vorsitz in allen Sitzungen der Regierung zu übernehmen;</i> <i>2. Der Nationalversammlung Vorschläge zur Gründung oder Auflösung von Ministerien gleichgestellter Organe zu unterbreiten; der Nationalversammlung und in der Zeit, in der diese nicht tagt, dem Ständigen Komitee der Nationalversammlung Vorschläge zur Berufung, Abberufung oder Amtsenthebung von Stellvertretern des Ministerpräsidenten, Ministern und anderen Regierungsmitgliedern zu unterbreiten;</i>

đương; phê chuẩn việc bầu cử; miễn nhiệm, điều động, cách chức Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 4- Đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ, quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trái với Hiến pháp, luật và các văn bản của các cơ quan Nhà nước cấp trên; 5- Đình chỉ việc thi hành những nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trái với Hiến pháp, luật và các văn bản của các cơ quan Nhà nước cấp trên, đồng thời đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội bãi bỏ; 6- Thực hiện chế độ báo cáo trước nhân dân qua các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề quan trọng mà Chính phủ phải giải quyết.	3. <i>Stellvertreter der Minister und ihnen gleichgestellte Amtsleiter zu berufen, abzu-berufen oder ihres Amtes zu entheben; Wahlen zu bestätigen; die Vorsitzenden und stellvertretenden Vorsitzenden der Volkskomitees der Provinzen und der zentral unterstellten Städte abzu-berufen, zu versetzen oder ihres Amtes zu entheben;</i> 4. <i>Entscheidungen, Anweisungen und Rundschreiben von Ministern oder anderen Regierungsmitgliedern sowie Entscheidungen und Anweisungen der Volkskomitees und der Vorsitzenden der Volkskomitees der Provinzen und der zentral unterstellten Städte in ihrer Durchführung außerkraftzusetzen oder aufzuheben, wenn diese gegen die Verfassung oder gegen Gesetze und Dokumente der übergeordneten Staatsorgane</i> 5. <i>Beschlüsse der Volksräte der Provinzen und der zentral unterstellten Städte, die gegen die Verfassung oder gegen Gesetze und Dokumente der übergeordneten Staatsorgane verstoßen, außer Vollzug zu setzen und dem Ständigen Komitee der Nationalversammlung deren Annullierung vorzuschlagen;</i> 6. <i>Die Bevölkerung über die Massenmedien über wichtige Probleme zu informieren, die die Regierung zu lösen hat.</i>
Điều 115 Những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chính phủ phải	Artikel 115 <i>Alle wichtigen Probleme, die in den Zuständigkeitsbereich der Regierung gehören,</i>

được thảo luận tập thể và quyết định theo đa số.	<i>müssen kollektiv diskutiert und durch Mehrheitsbeschluss entschieden werden.</i>
Điều 118 Các đơn vị hành chính của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân định như sau: Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tỉnh chia thành huyện, thành phố thuộc tỉnh và thị xã; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện và thị xã; Huyện chia thành xã, thị trấn; thành phố thuộc tỉnh, thị xã chia thành phường và xã; quận chia thành phường. Việc thành lập Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở các đơn vị hành chính do luật định.	Artikel 118 Die Verwaltungseinheiten der Sozialistischen Republik Vietnam werden wie folgt festgelegt: Das Territorium ist eingeteilt in Provinzen und zentral unterstellte Städte. Die Provinzen sind eingeteilt in Kreise, der Provinz unterstellte Städte und Provinzhauptstädte; die zentral unterstellten Städte in Stadtbezirke, Kreise und Provinzhauptstädte. (Im Sinne von Kreisfreien Städten bzw. Städten mit weitgehender Selbstverwaltung. Die Kreise sind eingeteilt in Gemeinden und Kreisstädte; die den Provinzen unterstellten Städte und Kreishauptstädte sind eingeteilt in Wohngebiete und Gemeinden; die Stadtbezirke sind in Wohngebiete eingeteilt. Die Bildung der Volksräte und Volkskomitees erfolgt entsprechend der vom Gesetz festgelegten Verwaltungseinheiten.
Điều 119 Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu	Artikel 119 <i>Die Volksräte sind das von der Bevölkerung der Region gewählte staatliche Machtorgan auf regionaler Ebene und Repräsentat des Willens, der Hoffnung und des Rechts des Volkes auf Teilnahme an der Machtausübung, sie sind der Bevölkerung des Territo-</i>

trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan Nhà nước cấp trên.	<i>riums und den staatlichen Organen der übergeordneten Ebene verantwortlich.</i>
Điều 123 Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản của các cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân.	Artikel 123 <i>Die von den Volksräten gewählten Vokskomitees sind ausführendes Organ der Volksräte und staatliches Verwaltungsorgan auf regionaler Ebene; sie tragen die Verantwortung für die Verwirklichung der Verfassung, der Gesetze und Beschlüsse der staatlichen Organe der übergeordneten Ebene und der Beschlüsse der Volksräte.</i>
Điều 126 Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong phạm vi chức năng của mình, có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.	Artikel 126 <i>Volksgericht und Staatsanwaltschaft der Sozialistischen Republik Vietnam sind verpflichtet, im Rahmen ihrer Aufgaben die sozialistische Gesetzlichkeit, die sozialistische Gesellschaftsordnung, das Recht des Volkes auf Machtausübung und das staatliche und genossenschaftliche Eigentum sowie Leben, Eigentum, Freiheit, Ehre und Menschenwürde der Bürger zu schützen.</i>
Điều 127 Toà án nhân dân tối cao, các Toà án nhân dân địa phương, các Toà án quân sự và các Toà án khác do luật định là những cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Artikel 127 <i>Das Oberste Volksgerichte, die Volksgerichte der regionalen Bereiche, die Militärgerichte und andere durch das Gesetz bestimmte Gerichte sind die Organe der Rechtsprechung der Sozialistischen Republik Vietnam.</i>
Điều 128	Artikel 128

Nhiệm kỳ của Chánh án Toà án nhân dân tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Chế độ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và nhiệm kỳ của Thẩm phán, chế độ bầu cử và nhiệm kỳ của Hội thẩm nhân dân ở Toà án nhân dân các cấp do luật định.	<i>Die Amtszeit des Vorsitzenden des Obersten Volksgerichts entspricht der Amtszeit der Nationalversammlung.</i> <i>Die Ordnung der Berufung, Abberufung, der Amtsenthebung und der Amtszeit der Richter sowie der Wahl und der Amtszeit der Schöffen für die Volksgerichte folgt auf allen Ebenen den gesetzlichen Bestimmungen.</i>
Điều 130 Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.	Artikel 130 <i>Bei der Rechtsprechung sind Richter und Schöffen unabhängig; sie sind nur dem Gesetz unterworfen.</i>
Điều 131 Toà án nhân dân xét xử công khai, trừ trường hợp do luật định. Toà án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số.	Artikel 131 Das Volksgericht übt die Rechtsprechung öffentlich aus, sofern gesetzliche Bestimmungen keine andere Verfahrensweise vorschreiben. <i>Das Volksgericht übt die Rechtsprechung im Kollektiv aus und entscheidet nach dem Mehrheitsprinzip.</i>
Điều 132 Quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình.	Artikel 132 Dem Angeklagten wird das Recht auf Verteidigung garantiert. Der Angeklagte darf sich selbst verteidigen oder eine andere Person mit seiner Verteidigung beauftragen.
Điều 133 Toà án nhân dân bảo đảm cho công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc các dân tộc quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trước Toà án.	Artikel 133 Das Volksgericht garantiert den Bürgern der Sozialistischen Republik Vietnam, die Angehörige einer Nationalität sind, das Recht, vor Gericht die Sprache und die Schrift ihrer Nationalität zu gebrauchen.

Điều 135 Chánh án Toà án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước. Chánh án Toà án nhân dân địa phương chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.	Artikel 135 <i>Die Vorsitzende des Obersten Volksgerichts ist der Nationalversammlung für seine Tätigkeit verantwortlich und rechenschaftspflichtig. In der Zeit, in der die Nationalversammlung nicht tagt, ist er dem Ständigen Komitee der Nationalversammlung und dem Staatspräsidenten verantwortlich und rechenschaftspflichtig.</i> <i>Die Vorsitzenden der regionalen Volksgerichte sind für ihre Tätigkeit den Volksräten verantwortlich und rechenschaftspflichtig.</i>
Điều 137 Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan khác thuộc Chính phủ, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân, thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố trong phạm vi trách nhiệm do luật định.	Artikel 137 <i>Die Generalstaatsanwaltschaft übt die Aufsicht über die Einhaltung der Gesetze durch die Ministerien, durch die den Ministerien gleichgestellten Organe, durch die anderen der Regierung unterstehenden Organe, durch die regionalen Machtorgane, durch wirtschaftliche Vereinigungen, gesellschaftliche Organisationen, die Einheiten der bewaffneten Volksstreitkräfte sowie durch die Bürger aus; sie nimmt das Recht der Anklage wahr und sorgt dafür, dass die Gesetze strikt und einheitlich befolgt werden.</i> <i>Die Staatsanwaltschaften im regionalen Bereich und die Militärstaatsanwaltschaften üben im Rahmen ihrer Verantwortungsbereiche die Aufsicht über die Einhaltung der Gesetze aus und nehmen das Recht der Anklage wahr.</i>

Điều 139 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước.	Artikel 139 <i>Der Generalstaatsanwalt ist der Nationalversammlung vorantwortlich und rechenschaftspflichtig. In der Zeit, in der die Nationalversammlung nicht tagt, ist er dem Ständigen Komitee der Nationalversammlung verantwortlich und rechenschaftspflichtig.</i>
Điều 140 Viện trưởng các Viện kiểm sát nhân dân địa phương chịu trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng nhân dân về tình hình thi hành pháp luật ở địa phương và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân.	Artikel 140 <i>Die leitenden Staatsanwälte der regionalen Staatsanwaltschaften sind den Volksräten verantwortlich und berichtspflichtig zur Situation der Einhaltung der Gesetze in der Region, und sie müssen Anfragen der Abgeordneten der Volksräte beantworten.</i>

Tóm tắt Tiếng Việt

PHÂN QUYỀN TRONG LUẬT CƠ BẢN CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TS. Nguyễn Minh Tuấn
Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Phân quyền (Gewaltenteilung) là một dấu hiệu của nhà nước dân chủ hiện đại và là một nguyên tắc có ý nghĩa quan trọng nhất trong việc hạn chế quyền lực của nhà nước và mở rộng quyền tự do của công dân. Thông qua phân công nhiệm vụ và giám sát quyền lực, các nhiệm vụ của nhà nước có thể được thực thi một cách hiệu quả nhất. Không có phân quyền thì không có tự do, không có Hiến pháp và không có nhà nước pháp quyền.
2. Chính sự tập trung quyền lực là căn nguyên của sự độc tài, chuyên chế và khiến cho người dân không được hưởng những quyền tự do. Ngay từ thời cổ đại, Aristoteles (384–322 TCN) đã đưa ra quan điểm về sự phân công giữa các ba nhóm nhiệm vụ (die Existenz dreier Gruppen von Aufgaben) lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tuy nhiên phải đến thời kỳ khai sáng, vấn đề phân chia quyền lực (Gewaltenteilung) mới thực sự trở thành một học thuyết, nhiều vấn đề được giải quyết cụ thể hơn với những đại diện tiêu biểu như *John Locke* (1632–1704) và *Montesquieu* (1689–1755).
3. Ở CHLB Đức, đặc trưng của nguyên tắc phân quyền được thể hiện cụ thể ở Điều 20, Khoản 2, Câu 2 và Điều 20 Khoản 3 và Điều 1 Khoản 3 Luật cơ bản Cộng hòa liên bang Đức. Điều 20 Khoản 2 Câu 2 Luật cơ bản qui định rằng: “*Quyền lực nhà nước được thực hiện thông qua các cơ quan độc lập thực hiện của quyền lập pháp (besondere Organe der Gesetzgebung), của quyền thi hành pháp luật (der vollziehenden Gewalt) và của quyền tư pháp (der Rechtsprechung)*”.
Phân quyền ở Đức được hiểu một cách toàn diện trên cả 3 góc độ: chức năng, tổ chức và nhân sự.

- *Phân quyền về chức năng (funktional)*, chức năng của lập pháp (Gesetzgebung) là xây dựng một trật tự pháp luật, đưa ra các qui định ổn định, giải quyết các vấn đề của cuộc sống liên quan đến cả các vấn đề của *tương lai* (Festsetzung der Rechtsordnung; dauerhafte Regelung des Zusammenlebens in Bezug auf künftige Sachverhalte); chức năng của hành pháp (Vollziehung) được hiểu là hoạt động của cơ quan hành chính (Verwaltung) nhằm thi hành luật *ở thời hiện tại*; còn chức năng của tư pháp là quyết định về tính hợp pháp của các vấn đề đã diễn ra *ở thời quá khứ* (Entscheidung über Gesetzmäßigkeit vergangener Sachverhalte).

- *Phân quyền về tổ chức (organisatorisch)*, quyền lực cũng không tập trung vào một cơ quan nào mà được phân chia cho các cơ quan nhà nước khác nhau mang tính chuyên môn hóa. Mỗi một cơ quan có những thẩm quyền và trách nhiệm khác nhau như Hạ viện (Bundestag), Thượng viện (Bundesrat), Bundesregierung (Chính phủ liên bang), Verwaltungsbehörden (Các cơ quan hành chính), Các tòa án (Gerichte). Ví dụ: Cùng một hoạt động lập pháp (Gesetzgebungsverfahren, Điều. 76 ff. LCB) nhưng do nhiều cơ quan cùng thực hiện. Cụ thể quyền trình dự án luật là Chính phủ, Thượng viện, hay Nghị

sĩ hoặc Ủy ban của Hạ viện; Quyền thông qua luật là Hạ viện và Thượng viện; Quyền ký phê chuẩn là Tổng thống liên bang. Như vậy sẽ không ai hiểu máy móc rằng lập pháp ở Đức là chỉ là chức năng hay công việc của Nghị viện. Đây là điểm khác với cơ chế phân chia quyền lực cứng rắn theo mô hình ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (Gewaltentrennung/ Separation of powers).

- *Phân quyền về nhân sự (personell)*, quyền lực cũng được thực hiện thông qua những con người cụ thể thực hiện thẩm quyền và nhiệm vụ cụ thể. Một người về cơ bản không thể đồng thời thực hiện nhiều chức năng, nhiệm vụ khác nhau (Inkompatibilitaeten - Điều 55, Điều 94 khoản 1 câu 3, Điều 137 khoản 1 LCB). Ví dụ: Thẩm phán không thể là thành viên của Hạ viện, Thượng viện, Chính phủ liên bang (Điều 94 khoản 1 câu 3 LCB) hay không thể một người vừa là Tổng thống, vừa là Thủ tướng, vừa là Chủ tịch Hạ viện được (Điều 63 LCB).

4. Vì CHLB Đức là một nhà nước liên bang nên còn tồn tại cả cơ chế phân quyền theo chiều ngang (ngang hàng giữa các cơ quan) và phân quyền theo chiều dọc (quan hệ liên bang và tiểu bang)

Khác với các bản Hiến pháp của Cộng hòa dân chủ Đức (Hiến pháp của Đông Đức - DDR) trước đây thừa nhận cơ chế tập trung quyền lực, trong Luật cơ bản (Grundgesetz) của CHLB Đức hiện nay không có một điều nào khẳng định Hạ viện là cơ quan quyền lực tối cao, cho dù đây là cơ quan do dân bầu ra hay Thượng viện cũng vậy, cho dù đây là cơ quan đại diện của các bang. Với qui định của Điều 20 khoản 2 câu 2 LCB, các ngành quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp về nguyên tắc là quan hệ ngang hàng (Gleichordnung), không phải là quan hệ có tính thứ bậc trên dưới (keine Über- Unterordnung). Sự phân quyền như vậy trong Luật cơ bản được gọi là phân quyền mang đặc tính pháp quyền (Rechtsstaatliche Gewaltenteilung), hay phân quyền theo chiều ngang (horizontale Gewaltenteilung). Hành pháp (Exekutive) và Chính phủ (Regierung) ở Đức không phải đồng nhất là một và chức năng giữa Chính phủ (Regierung) với Hành chính (Verwaltung) cũng được phân biệt rõ. Xuất phát từ bản chất hoạt động của Nghị viện và Chính phủ (Regierung) là hoạt động có những yếu tố "động" (dynamische Elemente), chịu ảnh hưởng mạnh về yếu tố Đảng phái chính trị (starker politischer Einfluss), còn hoạt động hành chính - thi hành luật (Verwaltung) và hoạt động tư pháp - xét xử (Judikative) lại mang nhiều yếu tố "tĩnh" (statisches Elemente), mang tính ổn định (Stabilität), nên ngành hành pháp (Exekutive) được phân chia thành Chính phủ - Regierung (hay còn gọi là Gubernative, gốc Tiếng Latinh là gubernare - điều hành) và Hành chính - Verwaltung (hay còn gọi là Administrative/ Administration, gốc Tiếng la tinh là administrare - hành chính) với những chức năng, nhiệm vụ khác nhau.

Với tính chất của nhà nước liên bang, ở Đức còn có **sự phân quyền theo chiều dọc** (Vertikale Gewaltenteilung) giữa liên bang và các tiểu bang (Điều 30 LCB). Mỗi một tiểu bang có Hiến pháp riêng của bang, có những cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp riêng được tổ chức và hoạt động trên cơ sở một hệ thống pháp luật riêng không trái với Hiến pháp và những đạo luật của Liên bang.

5. Hiểu về cơ chế phân quyền theo chiều ngang và chiều dọc ở Đức hiện nay hoạt động ra sao trên thực tế **cần phải hiểu và đặt trong liên hệ với những yếu tố khác có ảnh hưởng hay tác động đến cơ chế này** như: Hệ thống đa đảng (Điều 21 LCB); Tính

cạnh tranh bởi nguyên tắc đa số và bảo vệ quyền lợi thiểu số trong Hạ viện (Điều 42 II, 63, 67, 68 LCB; Điều 44, 46, 93 I Nr. 1, 2 LCB); Thiết chế Thượng viện trong việc tham gia vào hoạt động lập pháp (Điều 50 ff., 77, 80 II, III GG); Tự quản địa phương (Điều 28 II LCB); Ràng buộc bởi các quy định của EU (Điều 23 LCB); Cơ chế bảo hiến ở liên bang và tiểu bang (Điều 93, 94 LCB); Chế định công chức suốt đời (Điều 33 II, IV, V LCB); Chế định trưng cầu dân ý (Volksentscheid - Điều 29, 118, 118a LCB); Tác động của quyền tự do ngôn luận, báo chí (Điều 5 LCB), Tác động của quyền lập hội (Điều 9 LCB); Tác động của quyền biểu tình (Điều 8 GG)...Hiểu trong một tổng thể như vậy mới thấy được dù có phân quyền nhưng vẫn đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân và bảo vệ những quyền tự do của công dân.

6. Chính sự phân quyền thông qua việc cùng thực hiện quyền lực (Zusammenwirken) và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan (gegenseitige Kontrolle der Organe) theo cả chiều dọc và chiều ngang như vậy sẽ giới hạn được quyền lực nhà nước (Mäßigung der Staatsgewalt), ngăn ngừa nguy cơ lạm quyền và độc quyền (Verhinderung von Machtmissbrauch und Monopol) qua đó cũng bảo vệ tự do cá nhân (Sicherung der individuellen Freiheit). Hay nói cách khác, phân quyền là làm cho quyền lực giữa các cơ quan cân bằng, không có quyền lực nào vượt trội hơn quyền lực nào. Quyền lực được **kiểm soát và cân bằng** (Prinzip der gegenseitigen Kontrolle [*checks*] und des Machtgleichgewichts [*balances*]) ở bên trong là chính các cơ quan nhà nước và bên ngoài với các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do biểu tình, tự do lập hội **để tránh nguy cơ độc quyền, lạm quyền**.
7. Phân quyền ở Đức không phải là sự phân quyền tuyệt đối (keine Gewaltentrennung), mà là phân quyền tương đối (Gewaltenteilung), có những đặc điểm quan trọng là: 1) Ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp về cơ bản là ngang hàng nhau (Gleichordnung). Hành pháp tiếp tục được phân thành 2 bộ phận: Chính phủ (Regierung) với tính chất là hệ thống điều hành, lập chính sách và Hành chính (Verwaltung) với tính chất là các hệ thống thi hành luật. 2) Phân quyền toàn diện theo chức năng, theo cơ quan và nhân sự. 3) Phân quyền toàn diện theo cả theo chiều ngang và chiều dọc đảm bảo sự kiểm soát và cân bằng quyền lực.
8. Hiến pháp Việt Nam năm 1946 đã có những biểu hiện của cơ chế phân công quyền lực và giám sát quyền lực. Kể từ Hiến pháp năm 1959 trở đi, học tập theo mô hình của Xô-Việt, thay vì phát triển cơ chế phân công quyền lực đã có từ Hiến pháp 1946, Hiến pháp Việt Nam thừa nhận nguyên tắc tập trung dân chủ (*das Prinzip des demokratischen Zentralismus*). Bản chất của nguyên tắc này là việc kết hợp hai yếu tố „tập trung“ và „dân chủ“. Tập trung quyền lực („Zentralismus“) biểu hiện rõ nhất là quyền lực nhà nước tập trung vào hệ thống các cơ quan quyền lực, ở trung ương là Quốc hội và ở địa phương là Hội đồng nhân dân các cấp (Ví dụ: Điều 83, Điều 119 Hiến pháp năm 1992) và biểu hiện rõ nhất của dân chủ („demokratisch“) là việc quyết định theo nguyên tắc đa số (Ví dụ: Điều 88, Điều 115 Hiến pháp 1992). Theo Điều 83 Hiến pháp 1992, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ở Việt Nam. Tuy nhiên, cả phương diện pháp lý cũng như thực tế không diễn ra đúng như qui định ở Điều 83. Điều khoản này mâu thuẫn với qui định tại Điều 4 của Hiến pháp năm 1992 „Đảng Cộng sản Việt Nam (die

Kommunistische Partei Vietnams) [...] là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội“ (Điều 4 Hiến pháp 1992).

9. Nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa có những giá trị lịch sử nhất định, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử nhất định của đất nước. Tuy nhiên, trải qua một thời gian dài, bước sang thời kỳ hội nhập, cơ chế thị trường, nguyên tắc này đã dần bộc lộ những hạn chế, không phù hợp với xu hướng vận động khách quan của các nhà nước hiện đại dân chủ, pháp quyền trên thế giới. Thay vì tiếp tục thừa nhận nguyên tắc tập trung dân chủ như trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, tôi cho rằng chúng ta nên tiếp tục nghiên cứu, kế thừa và ứng dụng cơ chế phân quyền và giám sát quyền lực đã có từ Hiến pháp năm 1946, cũng như những giá trị của cơ chế phân quyền trong Luật cơ bản của Cộng hòa Liên bang Đức vào việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước hiện nay.

Menschenrechte und Bodenrecht im Entwurf der Verfassungsänderung

Trần Văn Vinh

Über Menschenrechte :

In der vietnamesischen Verfassung von 1992 wird der Fachbegriff « Menschenrechte » nur einmal erwähnt :

« Artikel 50 : In der Sozialistischen Republik Vietnam werden politische, zivile, wirtschaftliche kulturellen und soziale Menschenrechte respektiert, und in Bürgerrechten, die in der Verfassung und in Gesetzen geregelt sind, ausgedrückt ».

Eine leicht zu erkennende Änderung in dem neuen Verfassungsentwurf besteht darin, daß die Menschenrechte, die immer vor den « Staatsbürgerrechten » stehen, achtmal getrennt erwähnt werden. In einem Land, in dem die öffentlichen Massenmedien kaum über das Thema « Menschenrechte » sprechen und schreiben und damit der Begriff « Menschenrechte » häufig noch nicht ingenüßig verstanden sowie zu Recht (richtig) anerkannt wird, ist dies wirklich ein kleiner Fortschritt, spät aber besser als nichts.

Eine weitere Änderung besteht darin, daß die « Staatsbürgerrechte » und « Menschenrechte » von Kapitel V (Verfassung von 1992) in Kapitel II (im neuen Verfassungsentwurf) verschoben werden. Im Grundgesetz, der deutschen Verfassung, sind die Menschenrechte an erster Stelle, im ersten Kapitel verankert; in der SR Vietnam ist das erste Kapitel der politischen Struktur vorbehalten. Das bedeutet, daß die Politik heilig ist und hervorgehoben wird.

Die beiden oben genannten Änderungen zeigen eine fortschrittliche Tendenz. D.h die Menschenrechte werden bereits geachtet. Doch um zu beurteilen, ob diese Änderungen wirklich gut für das vietnamesische Volk sind, müssen wir die einzelnen Regelungen anschauen.

Ein unrealistisches Recht

Im Kapitel II des neuen Verfassungsentwurfs, wo « Menschenrechte, Grundrechte und Grundpflichten der Bürger » geregelt sind, lautet **Artikel 21** : *« Alle Menschen haben das Recht auf Leben »*. Das ähnelt der Regelung in Artikel 2 des deutschen Grundgesetzes « Jeder hat das Recht auf Leben ». Dies bedeutet einen wichtigen Inhalt : Im Strafgesetzbuch der BRD ist die Todesstrafe längst aufgehoben. Die Frage ist, ob der vietnamesische Staat und seine Gesetzgeber auch die Todesstrafe in der kommenden Zeit aufheben wollen ? Wenn ja, ist das wirklich eine sehr wichtige Änderung. Aber wenn die Regelung über die Todesstrafe in unserem StGB weiter erhalten würde, bedeutete es, daß das Recht auf Leben weiter verletzt würde. Man könnte die Schlußfolgerung ziehen, diese Regelung sei etwas Überflüssiges, eine Angeblichkeit, eines unter mehreren unrealistischen Rechten in der neuen Verfassung.

Ein neues Recht ist in **Artikel 35** des Verfassungsentwurfs angegeben: *« Alle Staatsbürger haben das Recht, dass ihnen Sozialversicherung gewährleistet wird »*.

(An dieser Stelle möchte ich etwas erklären: der Begriff „an sinh xã hội“ wird von Google in Deutsch als „Sozialversicherung“ übersetzt, in Englisch aber als „social security“; die gleiche Bezeichnung in Deutsch ist „die soziale Sicherheit“; die einen anderen Inhalt hat. Hier würde ich mich auf den Begriff „ Sozialversicherung“ beziehen).

Dieser Artikel entstand durch Änderung und Ergänzung des **Artikels 67** der Verfassung von 1992. Artikel 67 lautet : « *Verwundete Soldaten, kranke Soldaten, Familien der gefallenen Soldaten genießen die vom Staat begünstigte Politik. Verletzte Soldaten genießen Bedingungen zur Rehabilitation ihrer Arbeitsfähigkeit ; sie haben eine geeignete Arbeit entsprechend ihrer Gesundheit, ein beständiges Leben* ». Zusammengefasst: Bürger und Familien, die für den Staat einen Beitrag leisteten, werden prämiert und gepflegt. Alte Menschen, Invaliden, Waisenkinder werden vom Staat und der Gesellschaft unterstützt. D.h.

- Nur begrenzte besondere Gruppen, bestimmte Personenkreise werden erwähnt. Das sind verwundete und kranke Soldaten, Familien mit gefallenen Soldaten, Personen und Familien mit Leistungen für den Staat, alte Menschen, Invaliden und Waisenkinder.
- Es wird etwas allgemein versprochen, wie «... genießen begünstigte Politik ; Bedingungen werden geschaffen ; werden prämiert und gepflegt, werden vom Staat und der Gesellschaft unterstützt ».
- Nur einige Inhalte werden konkret erwähnt : eine geeignete Arbeit entsprechend der Gesundheit ; Rehabilitation ihrer Arbeitsfähigkeit; das gilt im Übrigen nur für verwundete Soldaten.

Im Vergleich mit **Artikel 67** der Verfassung 1992 macht der neue **Artikel 35** einen Sprung:

- Die Gewährleistung des Rechts auf Sozialversicherung gilt für alle Bürger.
- Es handelt sich nicht mehr um ein vages Versprechen sondern um ein gewährleistetes Recht auf Sozialversicherung.
- Die Inhalte, die gewährleistet werden, umfassen **alle Sozialversicherungen**.

Doch die Sozialversicherungen umfassen ein umfangreiches Gebiet : die Krankenversicherung, die Unfallversicherung, die Rentenversicherung, die Pflegeversicherung, die Arbeitslosenversicherung, Sozialhilfe usw... (In der BRD werden die Leistungen der Sozialversicherung entweder durch Beiträge ihrer Mitglieder zum jeweiligen Versicherungsträger oder durch Steuern finanziert). Infolge des bescheidenen Durchschnittseinkommens in Vietnam ist allein bei der Krankenversicherung nur ein Teil der Bevölkerung in der Lage, Beiträge freiwillig zu bezahlen. Es gibt bisher in Vietnam noch keine gesetzliche Versicherungspflicht für alle Bürger. Der Staat kann auch nicht viel Finanzmittel für die Sozialversicherung bereitstellen. In den vergangenen Jahren war die Sozialversicherung auf einen bestimmten Personenkreis mit schlichten Sozialleistungen begrenzt, aber sie ist nur in geringem Umfange geleistet worden. Man kann fragen: Woher kommt das Geld, um diese traumhafte Vorstellung in die Realität zu bringen? Der Satz «Alle Staatsbürger haben das Recht, dass ihnen Sozialversicherung gewährleistet wird » klingt gut. Aber wer, welche Organe oder Organisationen gewährleisten ? Oder wird eines Tages behauptet, daß die Bürger selber gewährleisten müssen ?. Deshalb meine ich, daß das Recht auf Gewährleistung der Sozialversicherung ein zielloses, unrealistisches Recht ist. Ein solches Recht, das so nicht ins Leben gehen kann, sollte man nicht in die neue Verfassung aufnehmen.

Einschränkungen der Menschenrechte

Im neuen Verfassungsentwurf regelt **Artikel 15, Punkt 1** :

« *In der Sozialistischen Republik Vietnam werden Menschenrechte und Bürgerrechte vom Staat und von der Gesellschaft gemäß der Verfassung und der Gesetze anerkannt, respektiert, geschützt und gewährleistet.* »

Es gibt aber die Möglichkeit zur Einschränkung dieser Rechte, wie **Art.15, Punkt 2** besagt :

*« Menschenrechte und Bürgerrechte können **nur** in tatsächlich erforderlichen Fällen aus Gründen der Landesverteidigung, Staatssicherheit, sozialen Ordnung und Sicherheit, Moral und der Gesundheit der Gemeinschaft eingeschränkt werden ».*

Das ist eine neue rechtliche Initiative des Gesetzgebers. Das Wort « **nur** » macht den Eindruck, daß die Regelung solche Umstände, die die Menschenrechte und Bürgerrechte einschränken, begrenzt, um diese Rechte zu schützen. Die Folge ist jedoch das Gegenteil. In der Verfassung von 1992 war keine Regelung über die Einschränkung der Menschenrechte und Bürgerrechte. Jetzt wird sie im Entwurf angegeben. Diese Regelung scheint als eine Ergänzung, eine Verbesserung, kann aber als ein Rechtsgrund für die Regierung bei der Einschränkung der Menschenrechte und Bürgerrechte gesehen werden.

Denn die Liste der « *Gründe der Landesverteidigung, Staatssicherheit, sozialen Ordnung und Sicherheit, Moral und der Gesundheit der Gemeinschaft* » ist so umfangreich , daß sie sich fast über alle normalen Umstände erstreckt. Deshalb könnte die Regierung immer solche Gründe nennen, wo und wann, wenn sie will, um Menschenrechte und Bürgerrechte einzuschränken. Das Wort « **nur** » kann nicht den Umfang der Aktionen der Regierung beschränken. Es ist einfach ein raffinierter rechtlicher Trick, um die eigentliche Absicht zu tarnen.

Weiter noch : Die Regelung bestimmt, daß « Menschenrechte und Bürgerrechte... können eingeschränkt werden », bestimmt aber nicht deutlich, wer und welche Organe, welche Ebenen das Recht haben, einzuschränken. Die Regierungen verschiedener Ebenen haben dadurch die Gelegenheit, eigenmächtig in die Menschenrechte und Bürgerrechte einzugreifen.

Über das Volkseigentum an Grund und Boden

Die Verfassung von 1946 erwähnte nicht den Grund und Boden. Die Verfassung von 1960 regelte, daß Brachländer dem Volkseigentum angehören. Die Verfassungen von 1980 und 1992 regelten, daß **aller Grund und Boden** zum **Volkseigentum** gehören. **Artikel 57** im neuen Verfassungsentwurf lautet:

« Grund und Boden, Wasserressourcen und andere Naturressourcen, Ressourcen im Meer, am Kontinentalschelf, im Luftraum und andere Vermögen, die vom Staat investiert und verwaltet werden, sind öffentliches Eigentum, das zum Volkseigentum gehört, das vom Staat vertreten und einheitlich gemäß der gesetzlichen Bestimmungen verwaltet wird ».

Volkseigentum bedeutet eigentlich, daß niemand das Eigentum besitzt. Mit dieser Regelung wird komischerweise das Eigentumsrecht des Volks im Namen des Volkseigentums weggenommen. Alle Grundstücke, die durch Arbeit, Austausch, Kauf und Erbschaft mit bestimmten Eigentümern gewonnen wurden, gehören niemand konkret.

Seit 1988, innerhalb von nur 25 Jahren, wurde das Bodengesetz in Vietnam dreimal in den Jahren 1988, 1993, 2003 neu erlassen und dreimal in den Jahren 1998, 2008, 2009 geändert und ergänzt. In diesem Jahr soll das Bodengesetz wieder geändert, ergänzt oder neu verfasst werden. Ich sehe diese Tatsache als anormal an.

Als Vertreter und Verwalter des Volkseigentums hat der Staat folgende Rechte :

- Grund und Boden anzubieten oder zu verpachten;
- Grund und Boden abzunehmen;
- den Preis für die Entschädigung selbst festzusetzen;
- Zwangsmaßnahmen zur Wegnahme des Grund und Bodens zu ergreifen.

Blicken wir in die Geschichte zurück : Um im Machtkampf in den 40er und 50er Jahren des 20. Jahrhunderts Millionen Bauern zu mobilisieren, hatte die kommunistische Partei Vietnams (KPV) den Slogan « Bauern müssen Ackerland haben » hochgehalten. Selbstverständlich bedeutet das Wort « haben » nicht nur, daß sie « das Nutzungsrecht haben », sondern « Grund und Boden besitzen ». Nach der Befreiung Nordvietnams im Jahr 1954, enteignete die KPV Grund und Boden von Großgrundbesitzern und verteilte ihn an die armen landlosen Bauern. Danach wurden bei der Bildung der landwirtschaftlichen Produktionsgenossenschaften (LPG) die Bauern zum Beitritt in die LPG aufgerufen, so daß sie ihre Felder an die LPG abgaben, um gemeinsam miteinander zu arbeiten. Und als die KPV die Macht in ganz Vietnam gewann, entschied sich die Parteiführung für die Verstaatlichung des Grund und Bodens unter der Rechtsform « Volkseigentum ». Wenn die Millionen Bauern gewusst hätten, daß sie letztlich Grund und Boden verlieren würden, hätten sie dies unterstützt?

Wenn der Staat und seine regierenden Beamten in der Lage wären, Grund und Boden unparteilich, vernünftig und gerecht zu benutzen und zu verwalten, könnte das Volkseigentum eine Resonanzstärke zum Aufbau des Landes bilden. Und die Bürger könnten sich selbst damit trösten, daß sie ein wenig ihren Vorteil opfern, um den Interessen der Kommune zu dienen, wobei auch sie und ihre Familien einen Anteil haben. Wenn jedoch leitende Beamten der Regierung korrupt sind, verursacht das Volkseigentum an Grund und Boden nur noch Katastrophen. Dadurch können tausende Bauernfamilien ihr gesamtes Vermögen verlieren, durch die Korruption veranlaßt. Mit ihren Unterschriften beschaffen sich die selbsternannten « Diener des Volkes » in kurzer Zeit so viel Geld und Vermögen, wie es ein normaler Bürger durch seine wahre Arbeit im ganzen Leben nicht erträumen kann.

Die Bürger haben ein **Nutzungsrecht**, das ihnen vom Staat jederzeit « **in tatsächlich erforderlichen Fällen zur Landesverteidigung, Landessicherheit, im Interesse der Nation, der Öffentlichkeit und wirtschaftlicher sozialer Entwicklungsprojekte** » abgenommen werden kann (Art. 58, Punkt 3) Der Umfang solcher Fälle ist ebenso groß wie der der oben genannten Umstände, die zur Einschränkung der Menschenrechte und Bürgerrechte führen und kann jederzeit von korrupten Staatsbeamten für egoistische Interessen mißbraucht werden. Die Bürger erhalten eine Entschädigung « **gemäß gesetzlicher Bestimmungen** » (Art. 58, Punkt 3 im neuen Verfassungsentwurf). Aber der Entschädigungspreis wird oft willkürlich weit unter dem eigentlichen Marktpreis festgesetzt. Damit verlieren tausende Bauern ihren Felder. Sie stehen da mit leeren Händen. Natürlich sind sie mit der Entschädigungssumme nicht einverstanden. Sie haben keine andere Möglichkeit, als Beschwerden einzulegen bei den vorgesetzten vollziehenden Organen jener Organe, die die Entscheidung getroffen haben. Aber wer ist bereit, den armen Bauern zu helfen ? Welche Hilfe haben sie bisher erhalten ? Wieso beträgt nach der Information der zuständigen Staatsorgane bisher der Anteil der Beschwerden Klagen in Bodenangelegenheiten an allen Beschwerden und Klagen 70 - 80 %?

Deshalb bin ich der Meinung : Es ist dringend, das Eigentum an die Bürger, vor allem an die Bauern zurückzugeben, einen Teil von Grund und Boden zu privatisieren. Die Frage nach dem Umfang und Objekten sollte von den zuständigen Organen und Experten Vietnams abgewogen werden. Es ist nicht einfach sondern schwierig, aber es muß durchgesetzt werden, und je früher, desto besser.

Quyền con người và luật đất đai trong dự thảo sửa đổi hiến pháp 2013

Trần Văn Vinh

Về quyền con người

Trong Hiến pháp 1992, thuật ngữ "quyền con người" chỉ được nhắc tới một lần, tại « **Điều 50:** Ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật."

Một thay đổi dễ nhận thấy trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 là "quyền con người" được tách ra, được nhắc tới tám lần, luôn đi cạnh và được đặt trước quyền công dân. Trong một đất nước mà các phương tiện truyền thông đại chúng chẳng mấy khi nói, viết về chủ đề quyền con người và vì thế mà khái niệm «quyền con người» chưa được hiểu một cách thấu đáo cũng như chưa được nhìn nhận một cách đúng đắn, thì đây là một bước tiến, muộn màng nhưng có vẫn hơn không.

Một thay đổi nữa, là "quyền công dân" cùng "quyền con người" được đưa từ Chương V (trong Hiến pháp 1992) lên Chương II (trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp). Ở Cộng hòa Liên bang Đức, "quyền con người" được đặt trong Chương I của Luật cơ bản (Hiến pháp). Ở CHXHCN Việt Nam thì Chương I của Hiến pháp được dành cho "Chế độ chính trị". Điều đó có nghĩa rằng "Chính trị" là một cái gì đó thiêng liêng và rất được coi trọng.

Hai thay đổi vừa nói trên đã chỉ ra một xu hướng tiến bộ. Có nghĩa là, quyền con người đã được chú ý. Song, muốn biết liệu những thay đổi đó có thực sự tốt cho nhân dân Việt Nam hay không thì chúng ta phải xem xét những qui định riêng rẽ.

Quyền phi thực tế

Trong chương II của dự thảo Hiến pháp, chỗ « quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân », Điều 21 ghi :

« Mọi người có quyền sống ». Điều này cũng giống với qui định ở Điều 2 trong Hiến pháp của nước CHLB Đức : « Mỗi người có quyền sống » (Jeder hat das Recht auf Leben). Điều này chứa đựng một nội dung quan trọng : trong Bộ luật Hình sự của nước CHLB Đức, án tử hình đã được bãi bỏ từ lâu. Câu hỏi ở đây là : có phải nhà nước Việt Nam có ý định xóa bỏ án tử hình trong thời gian tới ? Nếu đúng thế thì đây quả là một sự thay đổi quan trọng. Nhưng nếu như những qui định về án tử hình trong Bộ luật Hình sự của nước ta vẫn còn được giữ lại, có nghĩa là **quyền sống** sẽ tiếp tục bị xâm phạm. Điều đó dẫn đến một kết luận là : qui định trên là một sự thừa thãi, hữu danh vô thực, là một trong những quyền phi thực tế trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp.

Trong Dự thảo Hiến pháp mới, **một quyền** nữa được nêu ra :

Điều 35 : « Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội ».

(Ở đây tôi muốn giải thích tý chút: khái niệm „an sinh xã hội“ được Google dịch sang tiếng Đức là „bảo hiểm an sinh xã hội“ nhưng lại dịch sang tiếng Anh là „social security“; mà từ tương ứng trong tiếng Đức là „die soziale Sicherheit“= « sự an toàn, an ninh xã hội » mang nội dung khác. Ở đây tôi muốn chiếu theo khái niệm « bảo hiểm an sinh xã hội »).

Điều này xuất hiện qua việc sửa đổi và bổ sung **Điều 67** trong Hiến pháp 1992. Ở đó ghi là :

"Thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Thương binh được tạo điều kiện phục hồi chức năng lao động, có việc làm phù hợp với sức khỏe và có đời sống ổn định." Nói tóm lại :

"Những người và gia đình có công với nước được khen thưởng, chăm sóc."

"Người già, người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa được Nhà nước và xã hội giúp đỡ."

Nghĩa là :

- Chỉ đề cập đến những đối tượng đặc biệt, một số người nhất định. Đó là thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước, người già, người tàn tật, trẻ em mồ côi.
- Chỉ hứa hẹn một cách chung chung như « hưởng chính sách ưu đãi, được tạo điều kiện, được tặng thưởng và chăm sóc, được Nhà nước và xã hội giúp đỡ.
- Chỉ có ít nội dung được đề cập : phục hồi chức năng lao động, có công việc phù hợp với sức khỏe, và có đời sống ổn định, và điều đó cũng chỉ dành cho thương, bệnh binh.

Nếu so sánh với hiến pháp năm 1992, **Điều 35** của dự thảo Hiến pháp mới tạo nên một bước nhảy vọt đáng kể. Đó là :

- Áp dụng cho mọi công dân;
- Không chỉ là hứa hẹn mơ hồ mà nâng lên thành "quyền được bảo đảm";
- Nội dung "được bảo đảm" không chỉ dừng lại ở mấy nội dung cụ thể, mà bao trùm lên toàn bộ "an sinh xã hội".

Nhưng **an sinh xã hội** bao gồm cả lĩnh vực rộng lớn : bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm chăm sóc khi về già, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thất nghiệp v.v...(Ở nước CHLB Đức, việc chi trả tiền bảo hiểm an sinh xã hội được thực hiện hoặc là nhờ đóng phí của các thành viên - người được bảo hiểm - đối với hãng bảo hiểm hoặc là nhờ tiền thuế. Nguồn : de.wikipedia). Do thu nhập bình quân ở Việt Nam còn khá khiêm tốn nên nói riêng về bảo hiểm y tế thôi, mới chỉ một bộ phận cư dân có điều kiện đóng góp phí bảo hiểm tự nguyện. Ở ta cũng chưa có qui định bắt buộc đóng phí bảo hiểm đối với tất cả mọi người. Nhà nước Việt Nam cũng không thể đề ra nhiều phương tiện tài chính dành cho an sinh xã hội. Trong thời gian qua, mặc dù bảo hiểm an sinh xã hội chỉ gói gọn trong một bộ phận cư dân nhất định và mức chi trả rất khiêm tốn nhưng chúng ta vẫn chưa thể làm tốt được. Cho nên người ta có thể đặt câu hỏi là : tiền đến từ đâu để biến ý tưởng như mơ này trở thành hiện thực. Câu « có quyền được bảo hiểm an sinh xã hội » nghe thì hay đấy. Nhưng mà ai, cơ quan hay tổ chức nào sẽ bảo đảm. Hay một ngày nào đó người ta sẽ nói rằng người dân hãy tự bảo đảm lấy ? Cho nên tôi cho rằng « quyền được bảo đảm an sinh xã hội » là một quyền mù mờ, phi thực tế. Người ta không nên qui định trong hiến pháp những quyền như thế, khi chúng không thể đi vào cuộc sống.

Việc hạn chế quyền con người

Trong dự thảo sửa đổi hiến pháp, **Điều 15, Mục 1** qui định :

« Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền con người, quyền công dân được Nhà nước và xã hội thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật »

Nhưng có khả năng những quyền đó sẽ bị hạn chế, như qui định trong **Điều 15, Mục 2** :

« Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị giới hạn trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức, sức khỏe của cộng đồng ».

Đây là một sáng kiến pháp lý mới của các nhà lập pháp. Chữ „**chỉ**“ mang lại cảm tưởng là qui định đó chỉ giới hạn trong phạm vi những hoàn cảnh dẫn đến việc hạn chế quyền con người và quyền công dân nhằm bảo vệ những quyền đó. Nhưng kết quả thì ngược lại. Trong Hiến pháp năm 1992 không có qui định hạn chế quyền con người, quyền công dân. Bây giờ qui định này mới được đưa vào dự thảo như là một sự cải tiến, bổ sung, nhưng nó lại có thể được nhìn nhận như là một cơ sở pháp lý dành cho chính quyền trong việc hạn chế quyền con người, quyền công dân. Vì rằng danh mục *« vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức, sức khỏe của cộng đồng »* rộng lớn đến mức gần như bao trùm mọi hoàn cảnh thông thường. Cho nên khi muốn, chính quyền có thể nêu lên lý do ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào nhằm hạn chế quyền con người, quyền công dân.

Tiếp nữa: qui định nói rằng „quyền con người, quyền công dân... có thể bị hạn chế“ nhưng lại không ghi rõ ai, cơ quan nào, cấp nào có quyền hạn chế. Qua đó mà chính quyền các cấp có thể can thiệp độc đoán vào quyền con người, quyền công dân.

Về sở hữu toàn dân đối với đất đai

Hiến pháp năm 1946 không hề đề cập đến ruộng đất. Hiến pháp năm 1960 qui định đất hoang thuộc sở hữu toàn dân. Hiến pháp năm 1980 và 1992 qui định tất cả ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân.

Điều 57 (sửa đổi, bổ sung Điều 17, Điều 18) :

« Đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản và tài nguyên thiên nhiên khác, nguồn lợi ở vùng biển, thềm lục địa, vùng trời và các tài sản khác do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý theo qui định của pháp luật ».

Tôi cho rằng sở hữu toàn dân nghĩa là chẳng có ai sở hữu cả. Hải hước là với qui định này, quyền sở hữu của nhân dân bị tước đoạt nhân danh sở hữu toàn dân. Những mảnh đất vốn dĩ có chủ, được khai hoang, được trao đổi, mua bán, hay được thừa kế hợp pháp từ bao đời, nay bỗng nhiên trở thành vô chủ.

Chỉ trong vòng 25 năm, từ năm 1988 đến nay, Luật Đất đai đã được soạn thảo làm mới 3 lần vào các năm 1988, 1993, 2003, sửa đổi, bổ sung 3 lần vào các năm 1998, 2008, 2009, năm nay lại sẽ được làm mới nữa. Tôi thấy ở đây có gì đó không bình thường.

Là đại diện và là người quản lý sở hữu toàn dân về đất đai, trong thực tế, Nhà nước có các quyền sau :

- Chuyển giao đất hay cho thuê đất ;
- Thu hồi (hay trưng dụng) đất ;

- Quyết định giá đền bù đất ;
- Dùng biện pháp cưỡng chế để thu hồi đất.

Nếu nhìn lại quá khứ thì : trong năm 40 và 50 của thế kỷ 20, trong cuộc đấu tranh giành quyền lực, đảng CSVN giương cao ngọn cờ « người cày có ruộng » để huy động sức mạnh và ủng hộ của hàng triệu nông dân. Dĩ nhiên từ « có » không chỉ mang nghĩa « có quyền sử dụng » mà bao gồm cả « quyền chiếm hữu đất đai ». Sau ngày miền Bắc được giải phóng năm 1954, đảng CSVN đã tước đoạt ruộng đất của tầng lớp địa chủ đem chia cho nông dân nghèo. Trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp diễn ra sau đó, nông dân đã được kêu gọi gia nhập hợp tác xã, rồi nông dân góp ruộng đất vào hợp tác xã để cùng làm ăn tập thể. Khi ĐCSVN đã dành được chính quyền trên cả nước, lãnh đạo đảng liền quyết định công hữu hóa toàn bộ ruộng đất dưới danh nghĩa « sở hữu toàn dân ». Nếu như trước đây hàng triệu nông dân biết rằng rốt cuộc, ruộng đất của họ sẽ bị mất, liệu rằng họ có giúp đỡ cho Đảng hay không ?

Khi chính quyền và các cán bộ có thẩm quyền từ tế, có khả năng sử dụng đất đai một cách vô tư, hợp lý và công bằng, thì sở hữu toàn dân về đất đai có thể tạo ra một sức mạnh to lớn để xây dựng đất nước. Và người dân có thể tự an ủi rằng mình hy sinh bớt lợi ích cá nhân để phục vụ lợi ích cộng đồng, trong đó có cả bản thân và gia đình mình. Nhưng khi quan chức tham nhũng thì sở hữu toàn dân về đất đai gây ra đại họa. Nó không chỉ làm cho người dân mất sạch tài sản, trở nên trắng tay mà còn tạo điều kiện cho tham nhũng sinh sôi nảy nở.

Bằng chữ ký của mình, chỉ trong một thời gian ngắn, những kẻ tự xưng là "công bộc" của dân đã có thể tạo ra cả đồng tiền của, mà một người lao động chân chính làm việc suốt đời cũng không dám mơ tới.

Người dân có quyền sử dụng đất, nhưng quyền đó có thể bị Nhà nước thu hồi « **trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các dự án phát triển kinh tế-xã hội** » (Điều 58, Mục 3). Nhưng phạm vi của những trường hợp này cũng mờ mịt y như những hoàn cảnh dẫn đến việc hạn chế quyền con người, quyền công dân nói trên, có thể bị các quan tham lợi dụng cho những lợi ích cá nhân ích kỷ.

Người dân có **quyền nhận tiền đền bù « theo qui định của pháp luật »** (Điều 58, Mục 3 Dự thảo sửa đổi Hiến pháp). Thế nhưng giá đền bù đất lại chỉ được quan chức chính quyền ấn định một cách độc đoán, thường thấp hơn nhiều so với giá thị trường. Vì thế mà hàng nghìn hộ nông dân bị mất ruộng đất. Họ chỉ còn lại hai bàn tay trắng. Tất nhiên họ không đồng ý với mức đền bù. Cho nên họ chẳng còn cách gì, lối thoát nào hơn là đâm đơn khiếu nại ở chính quyền hành pháp và quan chức cấp cao hơn. Nhưng đã có ai sẵn lòng giúp đỡ người dân chưa? Người dân đã nhận được sự giúp đỡ nào?. Vì sao theo báo cáo của cơ quan có thẩm quyền, trong những năm qua, số đơn khiếu kiện về đất đai chiếm tới 70-80% toàn bộ đơn khiếu kiện ?

Vì vậy tôi cho rằng, bây giờ là thời điểm cấp bách cần trả lại quyền sở hữu đất đai cho người dân, trước hết là cho nông dân, cần tư hữu hóa một phần ruộng đất. Vấn đề khuôn khổ và đối tượng của chính sách này sẽ được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các chuyên gia cân nhắc. Việc này không hề đơn giản mà là cực kỳ khó khăn nhưng nhất định phải làm, và làm càng sớm càng tốt.

Vortragsthema:

Fragen der Eigentumsverhältnisse im Entwurf der Verfassungsänderung

*LLM. Le Thi Loi
Fakultät für Wirtschaftsrecht, Rechtshochschule Hanoi
- Zentrum für Deutsches Recht*

I. Allgemeine Zusammenfassung über die Eigentumsverhältnisse bei vergangenen Verfassungsänderungen

In der ersten Verfassung Vietnams von 1946 wurde festgelegt: „Das private Vermögenrecht des vietnamesischen Bürger wird gewährleistet“ (§12).

Nach der Verfassung von 1959 wurden folgende Hauptformen des Eigentums in einer Übergangsperiode anerkannt: Staatseigentum als Volkseigentum, kollektives Eigentum der Genossenschaften, Privateigentum und Eigentum der nationalen Kapitalisten.

Mit der Verfassung von 1980 wurde der Umfang des Volkseigentums erweitert (§ 19). Zum Volkseigentum gehören auch alle wichtigen ökonomischen Naturresourcen.

Gemäß der Verfassung von 1992 und der Verfassung von 2001 (§ 15) wurden drei Eigentumsformen festgelegt: Das Volkseigentum, das kollektive Eigentum und das Privateigentum. Das Volkseigentum und das kollektive Eigentum bilden die wichtigsten Grundlagen der Eigentumsverhältnisse.

II. Veränderungen des neuen Verfassungsentwurfs bezüglich der Wirtschaftsordnung im Vergleich zur Verfassung 1992

In den Verfassungen von 1992 und 2001 wurden die wirtschaftlichen Fragen in einem Kapitel mit dem Namen „Wirtschaftsordnung“ behandelt.

Im neuen Verfassungsentwurf werden die Bestimmungen zur Wirtschaftsordnung in einem Kapitel mit anderen Bereichen zusammengefasst. Das Kapitel 3 lautet: „Über die Wirtschaft, Soziales, Kultur, Bildung, Wissenschaft und Umwelt.“ Darüber gibt es noch unterschiedliche Meinungen. Wichtig ist, dass die Bestimmungen eindeutig und verallgemeinert abgefasst werden müssen.

III. Einige Änderungsvorschläge bezüglich der Eigentumsverhältnisse in der Verfassung von 1992

1. Die Klärung des Begriffs des öffentlichen Eigentums, um ein allgemeines, abstraktes Verständnis in diesem Zusammenhang zu vermeiden. Bis jetzt haben viele der führenden Wissenschaftler Vietnams darüber diskutiert und Hinweise gegeben. Der Ausarbeitungsausschuss sollte sich darauf konzentrieren, ein entsprechendes Konzept zu erstellen.
2. Die Klärung des Begriffs "kollektives Eigentum", vor allem bei den Genossenschaften. Grund dafür ist die Schwierigkeit, die Vermögen des kollektiven Eigentums und die zum allgemeinem Eigentum der Unternehmen gehörenden Vermögen zu unterscheiden. In der Verfassung von 1992 wurden drei Eigentumsformen festgelegt: das Volkseigentum (noch als Staatseigentum bezeichnet), das kollektive Eigentum und das Privateigentum, wobei das Volkseigentum und das kollektive Eigentum die wichtigsten Grundlagen der Eigentumsverhältnisse bilden und vom Staat gewährleistet werden.
3. Das Bodennutzungsrecht des Unternehmens: Nach den gesetzlichen Bestimmungen, nämlich dem Bodengesetz von 2003, dem Investitionsgesetz von 2005 und dem Unternehmensgesetz von 2005, bestehen noch deutliche Ungleichbehandlungen der in- und ausländischen Unternehmen sowie der staatlichen und nicht-staatlichen Unternehmen. Speziell müssen die kleinen und mittleren Unternehmen in der Regel eine 2- bis 2,5-mal höhere Bodenmiete als große Unternehmen leisten. Im Prinzip, haben die Unternehmen, auch wenn sie die jährliche Miete für die Bodennutzung bezahlen, trotzdem beschränkte Eigentumsrechte. Sie umfassen nicht die Rechte wie die Eigentumsübergabe, Hypothek, Bürgschaft oder den Kapitalbeitrag durch das Bodennutzungsrecht.
Im Gegensatz dazu haben die Unternehmen gemäß dem Bodengesetz von 2003 breitere Eigentumsrechte (§§ 109, 110 für die Unternehmen, die den vom Staat übergebenen Boden bewirtschaften oder §120 für die ausländischen Personen und Unternehmen, die den Boden in Vietnam mieten).
4. Anerkennung des Multi-Bodeneigentums
Gründe dafür: In den vergangenen Jahren wandelte sich Vietnam von zentraler Planwirtschaft zur Marktwirtschaft mit mehreren unterschiedlichen Wirtschaftssektoren. Dadurch veränderten sich die Bodeneigentumsverhältnisse ebenfalls radikal. In der Verfassung von 1992 wurde das Bodeneigentum noch weiterhin wie in der Verfassung von 1980 als Volkseigentum festgelegt. Das bedeutet, dass die Bodeneigentumsverhältnisse heute nicht der veränderten Wirtschaftsordnung entsprechen. Deshalb ist es notwendig geworden, die tatsächlichen Multiformen des Bodeneigentums anzuerkennen.

Tham luận: Về quan hệ sở hữu trong Dự thảo hiến pháp sửa đổi

Ths. Lê Thị Lợi

**Giảng viên khoa pháp luật kinh tế
- Trung tâm pháp luật Đức,
Trường Đại học Luật Hà Nội**

I. Khái quát chung về sở hữu qua các lần sửa đổi Hiến pháp

“Hiếm khi có quốc gia nào trên thế giới này mất công phân loại ra vô số loại hình sở hữu và ghi nhận chúng trong một bản Hiến pháp như ở nước ta... Sở hữu tư của cá nhân, của một công ty hay một quốc gia đều có tính loại trừ có thể so sánh được với nhau. Sự phân biệt sở hữu theo loại hình chủ thể là một việc làm ít ý nghĩa về pháp lý và ít mang tính khái quát,¹. Đây là một nhận xét mà tôi muốn chia sẻ và chứng minh một cách khái quát nhất qua những lần sửa đổi Hiến pháp:

Bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam 1946 quy định tại điều 12 như sau: “Quyền tư hữu tài sản của công dân Việt Nam được bảo đảm,, như vậy tại bản Hiến pháp này chưa có khái niệm “Sở hữu toàn dân,,. Đến Hiến pháp 1959 ghi nhận tại điều 15: “Ở nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong thời kỳ quá độ, các hình thức sở hữu chủ yếu về tư liệu sản xuất hiện nay là: Hình thức sở hữu của nhà nước tức là của toàn dân, hình thức sở hữu của hợp tác xã tức là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, hình thức sở hữu của người lao động riêng lẻ và hình thức sở hữu của nhà tư sản dân tộc ,,. Và để làm rõ hơn khái niệm sở hữu của nhà nước, tức là sở hữu toàn dân thì điều 12 có liệt kê: Kinh tế quốc doanh, hầm mỏ, sông ngòi, rừng cây, đất hoang, tài nguyên khác mà pháp luật quy định của nhà nước, đều thuộc sở hữu toàn dân.

Hiến pháp 1980 quy định tại điều 19 về sở hữu thì phạm vi của sở hữu toàn dân đã được mở rộng ra tất cả các nguồn tài nguyên kinh tế quan trọng của quốc gia. Đến Hiến pháp 1992 và 2001 (điều 15) thì quy định 3 chế độ sở hữu là sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng.

Dựa trên cơ sở này thì cách phân chia doanh nghiệp lúc đó là Doanh nghiệp nhà nước và các Hợp tác xã được các nhà khoa học coi là Doanh nghiệp tập thể (giáo trình Luật Kinh tế năm 1996, tái bản năm 2000 của trường đại học luật Hà nội và giáo trình Luật kinh tế Việt nam ,Nhà xuất bản chính trị Quốc gia năm 2002). các công ty theo theo Luật công ty năm 1990 và Luật DNTN 1990. Năm 1995 Luật

¹ PGS.TS Phạm Duy Nghĩa, Trưởng khoa Luật, ĐH KT TP HCM – Bài viết tham luận Hội thảo về sửa đổi Hiến pháp 1992

DNNN đầu tiên ra đời và sửa đổi bổ sung năm 2003, và đến nay thì được điều chỉnh chung bởi Luật doanh nghiệp 2005.

Hợp tác xã thì được quy định riêng trong Luật HTX năm 1996 và Luật HTX 2003 và Luật mới 2012, hiệu lực thi hành năm 2013.

II. Những thay đổi của dự thảo Hiến pháp mới so với Hiến pháp 1992 về chế độ kinh tế.

Nếu như Hiến pháp 1992 và 2001 để phân quy định về kinh tế vào một chương riêng gọi là chế độ kinh tế, thì Dự thảo Hiến pháp 2013 gộp phần này vào chương 3 với tên gọi: “Về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường,.. Trong quá trình lấy ý kiến thì cũng có ý kiến cho rằng: Phải bổ sung thêm một số nội dung trong tên chương như: y tế, tài nguyên, hoặc có ý kiến cho rằng tên chương mà đề tên cụ thể như vậy sẽ khá dài nên cần ghi ngắn gọn: “Kinh tế - xã hội,.. Bản thân tôi đồng ý với tên gọi của Dự thảo bởi đây là gộp cả 2 chương (2 và 3) trong Hiến pháp 1992 – Vấn đề là thể hiện nội dung các điều khoản trong đó như thế nào, vừa khái quát vừa phải rõ ràng để đảm bảo Hiến pháp là một đạo luật gốc, đạo luật cơ bản, vừa làm cơ sở ban hành các luật khác.

Tuy nhiên về nội dung cụ thể của các điều 56, 58, 67 có nội dung còn trùng lặp với các chương khác của Dự thảo thì cần phải sửa đổi.

Bản về một số điều quy định về tính chất nền kinh tế và về các thành phần kinh tế (điều 53 và 54 của dự thảo Hiến pháp). Điều 53 của dự thảo trên cơ sở sửa đổi, bổ sung điều 15, điều 43 của Hiến pháp 1992, quy định như sau: “Nước CHXHCN Việt nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở phát huy nội lực, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ, hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường ,..

Như vậy là điều 53 quy định về mục tiêu, động lực và nội hàm của nền kinh tế Việt Nam. Một điều không thể phủ nhận được rằng: Tính chất nền kinh tế đóng vai trò quan trọng và có tính quyết định đối với định hướng phát triển đất nước, vì vậy việc quy định một điều khoản riêng về tính chất, mục tiêu của nền kinh tế là cần thiết. Tôi cũng đồng quan điểm này. Đồng thời cũng phải quy định rõ về các thành phần kinh tế (điều 54). Điều 54 được xây dựng trên cơ sở sửa đổi bổ sung các điều 15, 16, 19, 20, 21 và 25 của Hiến pháp 1992; theo đó điều 54 quy định: “ 1. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. 2. Các thành phần

kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật,...

Như vậy, theo điều 54 trong dự thảo Hiến pháp 2013 thì tính chất nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một quan điểm không mới vì đã được khẳng định trong các văn kiện của Đảng cộng sản Việt Nam. Vì vậy đây chỉ là sự thể chế hoá quan điểm của Đảng mà thôi. vấn đề đặt ra theo tôi là mục tiêu thì đã rõ ràng nhưng làm thế nào để đảm bảo sự hài hoà và cân bằng mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, tức là thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Dự thảo Hiến pháp 2013 không quy định cụ thể về các thành phần kinh tế theo hướng liệt kê mà theo hướng khái quát. Theo tôi đây là một bước tiến của kỹ thuật lập pháp. Việc không nêu các thành phần kinh tế cụ thể sẽ đảm bảo tính ổn định lâu dài của Hiến pháp, không phải sửa đổi Hiến pháp qua mỗi giai đoạn. Khi có sự bổ sung, phát triển quan điểm về các thành phần kinh tế cụ thể sẽ không làm hạn chế các thành phần kinh tế mới. Việc quy định tên gọi và vai trò của từng thành phần kinh tế cụ thể nên để cho các văn bản luật và các chính sách cụ thể của Nhà nước xác định, trong đó cần làm rõ vai trò của kinh tế Nhà nước, kinh tế tư nhân, kinh tế đầu tư nước ngoài. Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo nhưng kinh tế tư nhân phải được đặc biệt quan tâm vì sẽ là động lực cho sự phát triển nhanh của nền kinh tế và kinh tế đầu tư nước ngoài phải được khuyến khích.

III. Một số kiến nghị sửa đổi các quy định của Hiến pháp 1992 về sở hữu

1. Cần làm rõ khái niệm sở hữu toàn dân để tránh cách hiểu chung chung, trừu tượng, dễ bị lợi dụng làm sai lệch các quy định của pháp luật và về vấn đề này đã có khá nhiều ý kiến của các nhà khoa học hàng đầu của Việt Nam, ban soạn thảo hiến pháp cần tập trung để đưa ra một khái niệm cho phù hợp (tham khảo ý kiến....)
2. Làm rõ khái niệm: “ Sở hữu tập thể,, đặc biệt trong các hợp tác xã, nếu không sẽ khó phân biệt giữa tài sản thuộc sở hữu tập thể và tài sản thuộc sở hữu chung mà các công ty hiện đang nắm giữ. Hiến pháp 1992 quy định 3 chế độ sở hữu là: Sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Trong đó sở hữu tập thể là 1 trong 2 chế độ sở hữu quan trọng nhất cùng với chế độ sở hữu nhà nước là nền tảng của chế độ sở hữu, được nhà nước bảo đảm.
3. Quyền sử dụng đất của doanh nghiệp: Theo các quy định của pháp luật, cụ thể là theo Luật đất đai 2003, Luật đầu tư 2005, Luật Doanh nghiệp 2005 thì rõ ràng là còn có sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn nước ngoài, doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước và các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiền thuê đất thường cao gấp 2 đến 2,5 lần so với doanh nghiệp lớn.

Ở đây có thể trích: “ Luật lao động 2003 có những quy định mang tính phân biệt đối xử giữa tổ chức được giao đất, nhà đầu tư nước ngoài thuê đất và doanh nghiệp Việt nam thuê đất, trong đó không hiếm khi doanh nghiệp trong nước được đối xử kém bình đẳng hơn so với doanh nghiệp nước ngoài,,. Về nguyên tắc nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, quyền của doanh nghiệp đối với quyền sử dụng đất đai khá hạn chế, không bao gồm các quyền chuyển nhượng, thế chấp, bảo lãnh hay góp vốn bằng quyền sử dụng đất đã được thuê. Doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đã có những quyền tài sản đối với công trình xây dựng, nhà xưởng hoặc các tài sản tư hữu khác gắn liền với đất đã được thuê. Ngược lại, theo Luật đất đai 2003 các doanh nghiệp được giao đất theo điều 109 và 110; các tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất tại Việt Nam theo điều 120 lại có những quyền tài sản rộng hơn đối với quyền sử dụng đất.

4. Thừa nhận đa sở hữu về đất đai

Lý do: Việt Nam đã chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần. Khi chuyển sang kinh tế thị trường, quan hệ về đất đai trong xã hội đã thay đổi căn bản. Hiến pháp năm 1992 vẫn tiếp tục khẳng định chế độ sở hữu toàn dân về đất đai như ghi trong Hiến pháp 1980. Như vậy thể chế đất đai không đồng nhất với thể chế chung của nền kinh tế. Vì vậy cần thừa nhận đa sở hữu về đất đai.

Anmerkungen zum Entwurf der Verfassungsänderung aus der Perspektive der europäischen Verfassungstheorie

I. Einführung

1. Ist Vietnam ein Verfassungsstaat? Zur Anwendbarkeit des Verfassungsbegriffs auf die Verfassung der Sozialistischen Republik Vietnam von 1992
 - a) Die Verfassung als neuzeitliche *Institution des Rechts*
 - entwickelt zur verlässlichen groben Ordnung der politischen Verhältnisse im Staat und zur Grundausrichtung und Mäßigung der öffentlichen Gewalt
 - aufbauend auf mehr als zwei Jahrhunderten allgemeiner *Verfassungstheorie* und unterstützt durch eine hochentwickelte *Verfassungsrechtslehre* in den modernen Verfassungsstaaten
 - b) Der *Vorrang der Verfassung* als begriffliche Voraussetzung einer Verfassung
 - oder: warum die Sowjetunion und die DDR keine Verfassungen hatten...
 - c) Der Vorrang der Verfassung von 1992
 - ausdrücklich geregelt in Art. 123² (bisher bereits in Art. 146)
 - jetzt bewehrt durch Sanktionsandrohung für Verfassungsverstöße in Art. 123 III
 - jetzt tendenziell geschützt durch die neue Institution eines Verfassungsrates (Art. 120)
 - bestätigt durch die Staatspraxis (insbes. die *Konstitutionalisierung der Argumentation der Staatsorgane*) und bekräftigt in der breiten öffentlichen Verfassungsdiskussion
 - ein wichtiger Faktor bei der Entwicklung zur sozialistischen Rechtsstaatlichkeit
2. Westliche Anmerkungen zur Reform einer sozialistischen Verfassung?
 - a) Freiheitlich-demokratischer (westlicher) und sozialistischer Verfassungstypus
 - b) Die reformierte Verfassung als moderner Vertreter des sozialistischen Verfassungstypus
 - inhaltlich eine revidierte Verfassung von 1992, keine neue Verfassung von 2013
 - weiterhin *keine freiheitlich-demokratische Verfassung im Sinne der europäischen Verfassungstheorie*
 - klassische Merkmale einer sozialistischen Verfassung: dominierende Rolle der Partei (Art. 4), demokratischer Zentralismus statt Gewaltenteilung (Art. 8 I), Volkseigentum am Boden (Art. 57), proklamatorisch-programmatischer Regelungsstil
 - *Innovationen innerhalb des sozialistischen Verfassungstypus*: starke Betonung der Rechts- und Verfassungsstaatlichkeit (Art. 2, 4 III, 8 I, III, 9 II Satz 2, 123), Bekenntnis zur sozialistisch orientierten Marktwirtschaft (Art. 54) mit staatlichen *und* privaten Akteuren (Art. 54 I, 56), Verfassungsrat und Staatliches Rechnungsprüfungsamt (Art. 120, 122)
 - c) Die Anwendbarkeit allgemeiner Lehren der Verfassungstheorie und Verfassungenauslegung auf die revidierte Verfassung von 1992
3. Die Erschwerung der Analyse des Entwurfs der Verfassungsänderung durch die Sprachbarriere
 - ein Problem: das Fehlen im Detail korrekter Übersetzungen

II. Zur Systematik und zum Regelungsstil der Verfassung

1. Leichte Orientierung durch klare und sinnvolle Grundsystematik
 - Grundlagen der politischen Ordnung, Grundrechte, Staatsziele und Staatsstrukturprinzipien, Verteidigung, Verfassungsorgane, Verwaltungsaufbau, rechtliche Bedeutung und erschwerte Änderbarkeit der Verfassung
 - jedoch weiterhin kein eigenes Kapitel zur Gesetzgebung und anderen Formen der Rechtsetzung
 - weiterhin keine ausdrückliche Regelung der Grenzen der Verfassungsänderung
 - Problem: Kerngehalt der Grundsätze in Kapitel I als verfassungsänderungsfester Verfassungskern?
 - weiterhin keine Regelungen zu den Modalitäten der internationalen Zusammenarbeit
 - insbesondere nicht zu einer zukünftigen supranationalen Zusammenarbeit in ASEAN oder WTO
 - Art. 12 legt nur Grundsätze der Außenpolitik fest
2. Weiterhin hoher Anteil an proklamatorisch-programmatischen Regelungen mit unklarem rechtlichen Gehalt
 - Insbes. Art. 1 - 3 und manche Regelungen in Kapitel III könnten präziser und prägnanter formuliert sein.

¹ DAAD-Langzeitdozent an der Rechtshochschule Hanoi, Zentrum für deutsches Recht, www.thomas-schmitz-hanoi.vn; Außerplanmäßiger Professor an der Georg-August-Universität Göttingen, www.jura.uni-goettingen.de/schmitz; E-Mail: tschmit1@gwdg.de.

² Angaben der Artikel beziehen sich auf die Verfassung der Sozialistischen Republik Vietnam von 1992 in der Fassung des Entwurfes für eine Änderung der Verfassung von 1992 (Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992) vom 02.01.2013.

- Teile der Präambel sind narrativ und daher funktionell für eine Verfassung ungeeignet (aber unschädlich)
- Bei vielen Regelungen sind die *Umsetzung in der Praxis* oder die *Folgen eines Verstoßes unklar*.
 - Beispiel 1: Modalitäten der Abberufung von Mitgliedern der Nationalversammlung und der Volksräte im Falle ihrer "Vertrauensunwürdigkeit" (Art. 7 II)?
 - Beispiel 2: Folgen eines Verstoßes von Funktionären oder Beamten gegen ihre Pflichten aus Art. 8 II?
- Beachte: Nach dem heutigen Stand der Verfassungstheorie sind auch programmatische Grundsätze *unmittelbar bindendes Recht*. Ihr rechtlicher Gehalt und ihre unmittelbare Bindungswirkung gegenüber allen staatlichen Stellen sind von dem zur verbindlichen Verfassungsauslegung berufenen Organ (hier: dem Verfassungsrat) mit den weltweit anerkannten Methoden der verfassungsstaatlichen *Verfassungsauslegung* herauszuarbeiten. Es wird dabei durch die wiss. Veröffentlichungen der Experten des Verfassungsrechts unterstützt. Unklare Formulierungen bedeuten im modernen Verfassungsstaat keine größeren Freiräume für die politischen Organe sondern mehr Deutungshoheit für den Verfassungsinterpreten.

III. Zum neuen Verfassungsrat

1. Zur Bedeutung eines unabhängigen Organes der autoritativen Verfassungsauslegung für den modernen Verfassungsstaat
 - Für eine effektive und nachhaltige Wirkung der Verfassung kommt es entscheidend auf ein unabhängiges, mit Experten besetztes und verbindlich entscheidendes Durchsetzungsorgan an. Verfassungen ohne einen solchen Durchsetzungsmechanismus gelten nach dem heutigen Stand der Verfassungstheorie als weitgehend wertlos. Dem Stand der Entwicklung entsprechen unabhängige spezialisierte Verfassungsgerichte; in Common Law-Staaten übernehmen i.d.R. die Obersten Gerichtshöfe diese Funktion. Verfassungsrate nach französischem Vorbild bilden eine Vorstufe dazu. Sie haben sich inzwischen in den meisten Staaten zu echten Verfassungsgerichten fortentwickelt.
 - Die autoritative Verfassungsauslegung durch ein dazu berufenes Organ ist eine *Voraussetzung für die Entwicklung einer anspruchsvollen Verfassungsrechtsdogmatik*. Wie in den europäischen Verfassungsstaaten wird sich auch in Vietnam ein hochentwickeltes Verfassungsrecht erst im Zuge einer langjährigen, kontinuierlichen Verfassungsauslegung und Verfassungsrechtsfortbildung durch ein solches Organ herausbilden können. Eine wichtige Voraussetzung ist dabei, dass seine Entscheidungen frei zugänglich (möglichst auch im Internet) veröffentlicht werden.
2. Zur Rechtsnatur und Stellung des Verfassungsrates nach dem Entwurf der Verfassungsänderung
 - Nach Art. 120 I ist der Verfassungsrat ein von der Nationalversammlung eingerichtetes Organ ("*quan do Quốc hội thành lập*"); diese Formulierung erweckt *Zweifel*, ob es sich um ein *eigenständiges Verfassungsorgan* oder nur ein Hilfsorgan der Nationalversammlung handelt. Die Stellung des Verfassungsrates entspricht nicht der eines Verfassungsgerichts und auch nicht der des Conseil constitutionnel nach der Französischen Verfassung.
 - Art. 120 gewährleistet nach seinem Wortlaut weder die Unabhängigkeit des Verfassungsrates noch die Unabhängigkeit und Qualifikation seiner Mitglieder, sondern überlässt dies dem in Art. 120 III vorgesehenen Gesetz. Diese unverzichtbaren Merkmale eines Organes zur autoritativen Verfassungsauslegung lassen sich jedoch aus einer teleologischen Gesamtauslegung des Art. 120 ableiten. Ein Gesetz der Nationalversammlung, das sie nicht gewährleistet, liefe dem Zweck des Art. 120 zuwider und wäre daher verfassungswidrig.
 - Die Verfassung lässt sich nur dann effektiv schützen, wenn das dafür eingesetzte Organ verfassungswidrige Rechtsnormen und Entscheidungen für nichtig erklären oder aufheben kann. Art. 120 II sieht diese Kompetenz nicht vor und sollte daher neu formuliert werden. Außerdem muss diese Kompetenz exklusiv sein. Deswegen sollten Art. 75 Nr. 10 und Art. 79 Nr. 4 geändert werden, soweit sie vergleichbare Kompetenzen der Nationalversammlung und ihrem Ständigen Ausschuss einräumen. Zumindest muss klargestellt werden, dass Nationalversammlung und Ständiger Ausschuss nur im Einklang mit den Entscheidungen des Verfassungsrates handeln dürfen. So, wie diese Bestimmungen jetzt formuliert sind, machen sie die Verfassung in einem wichtigen Punkt inkonsistent und bergen das Risiko erheblicher Konflikte.
 - Schon die jetzige Formulierung des Art. 120 II ist teleologisch so auszulegen, dass das Verlangen an die anderen Staatsorgane, ihre Rechtsakte zu korrigieren oder aufzuheben, rechtlich bindend ist. Dies gilt auch für den "Vorschlag" an die Nationalversammlung, ihre Regelungen zu "überprüfen". Art. 120 II überträgt dem Verfassungsrat die *Kompetenz zur allgemeinverbindlichen Entscheidung über die Verfassungsmäßigkeit der Rechtsnormen und Entscheidungen der anderen Staatsorgane*. Dies impliziert die Kompetenz zur Beantwortung aller dabei aufgeworfenen verfassungsrechtlichen Fragen und damit zur autoritativen Verfassungsauslegung und Verfassungsrechtsfortbildung. Auch wenn die Stellung des Verfassungsrates insgesamt schwach ist und er vorerst nur einen elementaren Schutz der Verfassung gewährleisten kann, wird damit jedenfalls bereits der Grundstein für die Entwicklung einer anspruchsvollen Verfassungsrechtsdogmatik in Vietnam gelegt.

IV. Zu den Menschen- und Grundrechten nach der Verfassungsänderung

1. Symbolische stärkere Betonung durch Verlagerung der Grundrechtsbestimmungen in das Kapitel II
 - Aber weiterhin keine Verankerung des Menschenrechtsschutzes in den Staatsfundamentalnormen in Kapitel I (insbes. nicht in den wichtigen Artikeln 1- 4 und 8). Um dies zu ändern, sollte Art. 15 I in Art. 1, 2 oder 3 integriert werden.

2. Problematische terminologische Differenzierung zwischen Menschen- und Grundrechten innerhalb der Verfassung
 - Der Begriff der "*Menschenrechte*" ("human rights") steht in der Rechtswissenschaft allgemein für die *naturrechtlichen, das heißt vor-rechtlichen Rechte des Menschen*. Diese bestehen unabhängig von der Verfassung schon allein deswegen, weil es Menschen gibt. Sie werden in den internationalen Menschenrechtsabkommen *nicht gewährleistet* (geschaffen) *sondern* bereits vorausgesetzt und lediglich besonders *geschützt*. Da sie nur an die Eigenschaft als Mensch anknüpfen, stehen sie allen Menschen zu, ohne Rücksicht auf die Staatsangehörigkeit. Im Gegensatz dazu handelt es sich bei den "*Grundrechten*" ("fundamental rights") um *durch die Verfassung geschaffene Rechte*, welche in der Regel die Idee bestimmter Menschenrechte im Zusammenhang einer bestimmten Verfassung für einen bestimmten Staat zu einer bestimmten Zeit in geltendes Recht umsetzen, aber auch über die Menschenrechtsidee hinausgehen können. Anders als die Menschenrechte können die Grundrechte in den verschiedenen Staaten und ihren Verfassungen unterschiedlich ausfallen. Außerdem gibt es in den meisten Verfassungen einzelne Grundrechte (z.B. demokratische Rechte), die den Staatsbürgern vorbehalten sind.
 - Das neue Kapitel II stellt jedoch ohne Rücksicht auf diese weltweit geläufige Unterscheidung die "Menschenrechte" den "Grundrechten" als eine zweite Kategorie der verfassungsrechtlichen Rechte entgegen. Das birgt das Risiko schwerwiegender Missverständnisse, wie sie in der Diskussion zu Menschenrechts- und Grundrechtsfragen in Vietnam tatsächlich immer wieder auftreten. Richtig wäre eine Terminologie, die zwischen den "Rechten des [= aller] Menschen" ("rights of man [= all human beings]") und den "Bürgerrechten" ("rights of citizens") unterscheidet und beide Kategorien unter dem Oberbegriff der "Grundrechte" ("fundamental rights") zusammenfasst. Der vietnamesische Begriff "*quyền con người*" sollte nur in diesem Sinne übersetzt werden, um Verwechslungen mit dem naturrechtlichen Begriff der "Menschenrechte" zu vermeiden.
3. Schwache Gewährleistungen der Grundrechte
 - a) Problematische immanente Verbindung der Rechte und Pflichten des Bürgers (Art. 20 I)
 - eine mit dem europäischen Grundrechtsverständnis unvereinbare grundlegende Relativierung der Grundrechte, die ihren freiheitssichernden Wert erheblich reduziert
 - b) Wichtige Grundrechte nur nach Maßgabe der Gesetze
 - Einige Grundrechte werden von vornherein nur "in Übereinstimmung mit den gesetzlichen Bestimmungen" gewährt. Dazu gehören das Recht auf Freizügigkeit (Art. 24) und die für eine demokratische Ordnung wesentlichen Grundrechte der Meinungs- und Redefreiheit, Pressefreiheit, Informationsfreiheit, Versammlungsfreiheit, Demonstrationsfreiheit und Vereinigungsfreiheit (Art. 26). Der freiheitssichernde Gehalt dieser Rechte ist gering, da es in der Hand des Gesetzgebers liegt, ihn zu bestimmen. Die betreffenden Artikel binden den Gesetzgeber dabei nicht an konkrete Vorgaben. Damit verweigert die Verfassung dem Bürger bei diesen Rechten den Schutz gegen den Gesetzgeber und erfüllt eine wichtige Aufgabe einer Verfassung nach dem heutigen Verfassungsverständnis nicht.
4. Fortschritt durch Schrankenregelung in Art. 15 II
 - Für die tatsächliche Freiheit in einem Staat kommt es nicht nur auf die Gewährleistungen der Grundrechte sondern vor allem darauf an, dass Eingriffe des Staates in die Grundrechte durch verfassungsrechtliche Schrankenbestimmungen kanalisiert und begrenzt werden. Diese Funktion übernimmt die neue Schrankenregelung in Art. 15 II. Eingriffe sind danach nur zulässig, soweit sie aus Gründen der nationalen Verteidigung, nationalen Sicherheit, öffentlichen Ordnung und "moralischen Gesundheit der Gemeinschaft" erforderlich sind. Diese Regelung bedeutet einen erheblichen Fortschritt gegenüber dem bisherigen Verfassungstext. Problematisch ist aus der Sicht der europäischen Verfassungstheorie das Schutzgut der "moralischen Gesundheit der Gemeinschaft", weil der Schutz der Moral nach unserem Verständnis keine Aufgabe des Staates sondern der Gesellschaft ist und daher nicht über staatliche Grundrechtseingriffe sondern gesellschaftliche Sanktionen erfolgen sollte.
 - Mit der zentralen Anforderung der "Erforderlichkeit" verweist Art. 15 II auf wichtige Elemente des Verhältnismäßigkeitsprinzips. Aus der Sicht der europäischen Verfassungstheorie sollte darüber hinaus gefordert werden, dass alle Grundrechtseingriffe "angemessen" sein müssen, das heißt den Bürger im Verhältnis zu dem jeweils verfolgten Zweck und dem zu erwartenden Erfolg nicht übermäßig belasten dürfen.

V. Zu einigen Aspekten des Staatsorganisationsrechts

1. Diskrepanz zwischen Funktionen und Rechten der Vaterlandsfront
 - Art. 9 und 10 erheben die Vaterlandsfront und ihre Mitgliedsorganisationen, insbes. die Gewerkschaft, zu *Verfassungsinstitutionen*, die einen wichtigen verfassungsrechtlichen Auftrag erfüllen. Für die Regelung von Verfassungsinstitutionen reichen Art. 9 und 10 jedoch wegen ihres programmatischen Charakters nicht aus. Es fehlen insbes. Regelungen zur Ausgestaltung der Institutionen und zur Verteidigung ihrer Rechte.
 - Der Funktion als Verfassungsinstitutionen entsprechen die staatsorganisatorischen Rechte nach Art. 89 I (Gesetzesinitiativrecht), 106, 119 I (Teilnahmerecht an Sitzungen der Regierung bzw. des Volksrates und des Volkskomitees zu einschlägigen Themen) und 119 II (Recht auf Berichterstattung durch Volksrat und Volkskomitee). Zweifelhaft ist, ob diese Rechte ausreichen, um die Funktionen effektiv wahrzunehmen. Zwar wird mit dem Gesetzesinitiativrecht ein wichtiges Recht eingeräumt, doch werden die Organisationen es häufig nicht wahrnehmen können, weil ihnen das Expertenwissen für die Formulierung des konkreten Gesetzesvorschlages fehlt. Art. 106, 119 I gewähren lediglich ein Teilnahme- aber kein Rederecht auf den Sitzungen. *Funktions-*

gerecht wäre eine obligatorische förmliche Anhörung der Vaterlandsfront und ihrer Mitgliedsorganisationen bei allen wichtigen einschlägigen Angelegenheiten.

2. Diskrepanz zwischen der Stellung und den Rechten der Kommunistischen Partei Vietnams nach der Verfassung

- Der umstrittene Art. 4 I gewährt der Partei eine exklusive Stellung als führende Kraft in Staat und Gesellschaft. Die Partei steht danach aber nicht über der Verfassung: Nach Art. 4 III arbeiten die Parteiorganisationen und -mitglieder im Rahmen der Verfassung und des Gesetzes. Das bedeutet bei rechts- und verfassungsstaatlicher Auslegung, dass auch sie nur dort rechtlich verbindlich auf die Tätigkeit des Staates Einfluss nehmen können, wo eine besondere Regelung in der Verfassung oder einem Gesetz sie dazu ermächtigt. Unmittelbar aus Art. 4 folgt eine solche Kompetenz nicht. Wo eine besondere Ermächtigung fehlt, kann auch die Partei lediglich informell Anregungen geben, welche die staatlichen Stellen nicht rechtlich binden.
- Überraschenderweise räumt die Verfassung selbst der Partei an keiner Stelle eigene Kompetenzen ein. Sie überlässt diese wichtige Frage damit der Regelung durch den Gesetzgeber, das heißt der Nationalversammlung als dem "höchsten Vertretungsorgan des Volkes und höchsten Organ der Staatsgewalt" (Art. 74 I). Die Verfassung regelt auch *keine staatsorganisationsrechtlichen Mitwirkungsrechte*. Insbes. gibt es keine Regelung, die die Partei förmlich in das Gesetzgebungsverfahren einbindet oder ihr ein Vetorecht gegen Gesetze gewährt. Der Einfluss der Partei auf die Gesetzgebung ist damit aus verfassungsrechtlicher Sicht lediglich informell und nicht verfassungsrechtlich gesichert. Eine Regelung in der Verfassung müsste gegebenenfalls festlegen, welches Parteigremium unter welchen Bedingungen mit welcher Mehrheit und in welchem Verfahren mitwirken kann. Eine solche grundlegende staatsorganisationsrechtliche Frage müsste vom verfassungsändernden Gesetzgeber in der Verfassung und nicht von der Nationalversammlung in der Geschäftsordnung oder von der Partei im Parteistatut geregelt werden.

(Datei: DAAD-Workshop_Verfassungsreform_Schmitz)



**German –Southeast Asian Center of Excellence for
Public Policy and Good Governance (CPG)**

at

Thammasat University - Faculty of Law

2 Prachan Road, Bangkok 10200, Thailand

Phone: +66 2 613 2968

Fax: +66 2 224 8100

E-mail: contact@cpg-online.de

Website: www.cpg-online.de

Die Verfassungsreform aus der Perspektive der Rechtswissenschaft – eine Alumni Debatte

**Verfassungsreform in Thailand: Das Verfassungsgericht als Hueter der
verfassungsmaessigen Grundordnung gegen die Regierungsmehrheit**

Nachdem Thailand spaetestens seit 2006 politisch in unruhiges Fahrwasser geraten ist und sich die Situation wiederholt krisenhaft zugespitzt hat, steht das Land vor einer verfassungspolitischen Weichenstellung, fuer die der anstehenden Verfassungsreform besondere Bedeutung zukommt. In den Auseinandersetzungen zwischen systembewahrenden und transformativen Kraeften hat das thailaendische Verfassungsgericht seit 2008 (mit der vorzeitigen Beendigung zweier Regierungen durch eine Amtsenthebung und Parteiaufloesung) eine entscheidende Rolle gespielt. Ihr entspricht auch die gegenwaertige Aktivitaet des Verfassungsgerichts im laufenden Verfassungsreformprozess. Auf einen Nenner gebracht wird das Verfassungsgericht als von den einen als Verhinderer einer durch die Regierungsmehrheit getragenen Verfassungsreform mit dem Ziel einer Verfassungsneuggebung gesehen, waehrend die an anderen, das Verfassungsgericht als Hueter und Bastion der verfassungsmaessigen Grundordnung sehen.

Damit sind fuer den Vortrag drei Aspekte angesprochen:

1. Ein parallel zum vietnamesischen Verfassungsreformprozess in einem wichtigen ASEAN – Nachbarland
2. Die konkrete Rolle der thailaendischen Verfassungsgerichtsbarkeit in diesem Prozess
3. Die allgemeine Rolle und Funktion von Verfassungsgerichtsbarkeit insbesondere in Bezug auf die verfassungsmaessige Grundordnung.

Der thailaendische Verfassungsreformprozess zunaechst weist dabei eine gaenzlich andere Phaenomenologie auf als der vietnamesische, schon weil die Frage der verfassungsmaessigen Grundordnung mit dem letztlich anvisierten Projekt einer Verfassungsneuggebung beruehrt ist. Damit wird er zum Lehrstueck einer allgemeinen Dogmatik der Verfassungsgebung, ein Aspekt der nur angedeutet werden kann und zum eigentlichen Thema, der Rolle der Verfassungsgerichtsbarkeit im allgemeinen und im thail. Verfassungsreformprozess ueberleitet.

Neben Indonesien verfuegt Thailand insofern ueber die institutionell ausgepraegteste und funktional einflussreichste Verfassungsgerichtsbarkeit Suedostasiens, waehrend der kambodschanische Verfassungsrat als weitere spezialisierte Pruefungsinstanz auf der einen Seite eher geringen Einfluss ausuebt und Laos, Malaysia, Myanmar



**German –Southeast Asian Center of Excellence for
Public Policy and Good Governance (CPG)**

at

Thammasat University - Faculty of Law

2 Prachan Road, Bangkok 10200, Thailand

Phone: +66 2 613 2968

Fax: +66 2 224 8100

E-mail: contact@cpg-online.de

Website: www.cpg-online.de

Singapur und die Philippinen auf der anderen keine spezialisierte Verfassungsgerichtsbarkeit kennen, wobei letztere eine Einfuehrung allerdings seit einigen Jahren wiederholt diskutieren. Nach einer knappen Einfuehrung in die aktuelle Rechtsprechung des thailaendischen Verfassungsgerichts zur Verfassungsreform und den politischen Hintergruenden, soll die Rolle und Funktion von Verfassungsgerichtsbarkeit Hueter der Verfassung im Kontext der je gegebenen Verfassungsordnung rechtsvergleichend knapp reflektiert werden.

Gliederung:

Verfassungsreform in Thailand: Das Verfassungsgericht als Hueter der verfassungsmaessigen Grundordnung gegen die Regierungsmehrheit

A. Die Verfassungsreformdebatte in Thailand: Gegenstand und Grenzen

- I. Die Verfassungsreformdebatte und ihre politischen Hintergruende
- II. Die Verfassungsreformdebatte und ihre verfassungsrechtlichen Hintergruende
 - 1. Struktur der Verfassung und verfassungsmaessige Grundordnung
 - 2. Die verfassungsmaessige Grundordnung in Thailand
- III. Das Verfassungsgericht als Hueter der Verfassung im Rahmen der Reform

B. Rechtsvergleichende Ueberlegungen zur Funktion von Verfassungsgerichtsbarkeit

- I. Typen und Funktionen von Verfassungsgerichtsbarkeit im Rechtsvergleich
 - 1. Zur Natur der Verfassung
 - 2. Hueter der Verfassung
 - 3. Verfassungsgerichte als Hueter der Verfassung im Rechtsvergleich
- II. Typus und Funktion des thailaendischen Verfassungsgerichts